



Hỗ trợ kỹ thuật bởi
Integrated ESG
Driving Sustainable Investment



International
Finance Corporation
International
Finance Corporation



Schweizerische Eidgenossenschaft
Confédération suisse
Confederazione Svizzera
Confederaziun svizra

Swiss Confederation

Federal Department of Economic Affairs,
Education and Research (SED)
State Secretariat for Economic Affairs (SECO)



SỔ TAY HƯỚNG DẪN

**HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI
TRONG HOẠT ĐỘNG CẤP TÍN DỤNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG,
CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**



Hỗ trợ kỹ thuật bởi
Integrated ESG
Driving Sustainable Investment



International
Finance Corporation
www.ifc.org



Schweizerische Eidgenossenschaft
Confédération suisse
Confederazione Svizzera
Confederaziun svizra

Swiss Confederation

Federal Department of Economic Affairs,
Education and Research EDA
State Secretariat for Economic Affairs SECO

SỔ TAY HƯỚNG DẪN

HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI
TRONG HOẠT ĐỘNG CẤP TÍN DỤNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG,
CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

Tháng 5 năm 2025

MIỄN TRỪ PHÁP LÝ

Sổ tay Hướng dẫn này do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) phối hợp với Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) trong khuôn khổ Chương trình ESG Tích hợp Việt Nam với sự tài trợ của Tổng cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO) xây dựng nhằm hỗ trợ tổ chức tín dụng trong việc tích hợp quản lý rủi ro MTXH vào hoạt động cấp tín dụng.

NHNN và IFC khuyến khích việc phổ biến các ấn phẩm và do đó cho phép người sử dụng tài liệu này được sao chép miễn phí một phần tài liệu cho mục đích giáo dục và phi thương mại, và tuân thủ việc ghi nguồn và thông báo mà chúng tôi có thể yêu cầu một cách hợp lý.

NHNN và IFC không chịu bất kỳ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào về bất kỳ sai lệch, thiếu sót, hoặc lỗi (bao gồm, nhưng không giới hạn, lỗi đánh máy và lỗi kỹ thuật) trong nội dung và không chịu trách nhiệm hoặc nghĩa vụ liên quan đến việc sử dụng hoặc không sử dụng hoặc dựa vào bất kỳ thông tin, phương pháp, quy trình, khuyến nghị, kết luận, hoặc nhận định nào trong tài liệu này. NHNN và IFC không chịu mọi trách nhiệm hoặc nghĩa vụ đối với mọi thiệt hại, bao gồm thiệt hại đặc biệt, gián tiếp, ngẫu nhiên, là hậu quả, gây ra yêu cầu bồi thường, phát sinh từ hoặc liên quan đến việc sử dụng hoặc dựa vào ấn phẩm này. NHNN và IFC không đưa ra bất kỳ tuyên bố nào về sự phù hợp của hướng dẫn kỹ thuật này với các yêu cầu pháp luật quốc tế, quốc gia, hoặc địa phương của bất kỳ khu vực tài phán nào hoặc bất kỳ tiêu chuẩn ngành nào.

Các phát hiện, diễn giải, và kết luận đưa ra trong ấn phẩm này không thể hiện quan điểm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Giám đốc Điều hành của Nhóm Ngân hàng Thế giới, hoặc các quốc gia mà họ đại diện. Nội dung của ấn phẩm này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin chung và không nhằm mục đích cấu thành tư vấn pháp lý, chứng khoán, hoặc đầu tư, ý kiến về sự phù hợp của bất kỳ khoản đầu tư nào, hoặc chào mời dưới bất kỳ hình thức nào.

LỜI MỞ ĐẦU

Tài chính xanh và thực thi ESG là xu hướng tất yếu để phát triển bền vững, là một trong những nguồn lực quan trọng để thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh quốc gia; là giải pháp giúp các tổ chức tín dụng định hướng lại hoạt động kinh doanh theo hướng bền vững, tiệm cận với tiêu chuẩn quốc tế, qua đó khẳng định vị thế, nâng cao khả năng cạnh tranh, mở rộng cơ hội hợp tác, kinh doanh.

Trong vai trò là một cơ quan quản lý nhà nước chịu trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ của ngành ngân hàng tại Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, NHNN đã ban hành Quyết định số 1408/QĐ-NHNN ngày 26/7/2023 của Thống đốc NHNN với 7 nhóm nhiệm vụ, giải pháp bao trùm toàn bộ hoạt động ngành ngân hàng trong đó trọng tâm là tạo điều kiện cho hoạt động tài chính xanh và thực thi ESG được thúc đẩy và phát triển. Bên cạnh đó, NHNN cũng đã ban hành Thông tư số 17/2022/TT-NHNN ngày 23/12/2022 hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của TCTD, chi nhánh ngân hàng phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường 2020; theo đó, hướng dẫn và yêu cầu TCTD phải xây dựng quy định nội bộ để quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng độc lập hoặc lồng ghép trong quy định nội bộ về cấp tín dụng và quy định nội bộ về kiểm soát nội bộ của TCTD, phù hợp với các quy định của pháp luật về hoạt động cấp tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng.

Trên toàn cầu, các tiêu chuẩn và thông lệ mới đã được thiết lập để quản lý rủi ro môi trường, khí hậu và xã hội của các tổ chức tài chính ngân hàng. Các tiêu chuẩn này nhằm mục đích thúc đẩy trách nhiệm giải trình và tính minh bạch của tổ chức tài chính ngân hàng liên quan đến tác động lên môi trường và xã hội, đồng thời khuyến khích phát triển bền vững. Mục đích của quản lý rủi ro môi trường, khí hậu và xã hội trong hoạt động của các tổ chức tài chính ngân hàng là giảm thiểu rủi ro tài chính khi tài trợ hoạt động kinh doanh của khách hàng.

Với sự hỗ trợ của IFC và Tổng cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO), NHNN xuất bản cuốn Sổ tay Hướng dẫn Hệ thống Quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhằm cung cấp những kiến thức, kinh nghiệm quốc tế, và thông lệ quốc tế cập nhật về quản lý rủi ro môi trường, khí hậu và xã hội, giúp cho các tổ chức tín dụng có định hướng, nâng cao hiểu biết cũng như năng lực về quản trị rủi ro môi trường xã hội nói riêng. Hy vọng cuốn Cẩm nang này sẽ được coi là tài liệu hữu ích cho các tổ chức tín dụng để áp dụng vào thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro và hướng tới kinh doanh hiệu quả và bền vững.

**Phó Thống đốc thường trực
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**



Đào Minh Tú

**Giám đốc Quốc gia IFC
Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia**



Thomas Jacobs

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CDC GROUP	Commonwealth Development Corporation Group – Tập đoàn Phát triển Khối Thịnh vượng chung
CRO	Chief Risk Officer – Giám đốc Rủi ro
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
EHS	Environment, Health, and Safety - Môi trường, Sức khỏe và An toàn
ESAP	Environmental and Social Action Plan – Kế hoạch hành động về môi trường và xã hội
ESDD	Environmental and Social Due Diligence – Thẩm định môi trường và xã hội
ESMS	Environmental and Social Management System – Hệ thống quản lý môi trường và xã hội
ESG	Environmental, Social, and Governance – Môi trường, Xã hội và Quản trị
EBRD	European Bank for Reconstruction and Development – Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Châu Âu
HĐQT	Hội đồng Quản trị
IFC	International Finance Corporation – Tổ chức Tài chính Quốc tế
KPI	Key Performance Indicator – Chỉ số hiệu quả hoạt động
KRI	Key Risk Indicator – Chỉ số rủi ro chính
KNK	Khí nhà kính
MTXH	Môi trường và Xã hội
NGFS	Network for Greening the Financial System – Mạng lưới Ngân hàng Trung ương và Cơ quan Giám sát vì Xanh hóa Hệ thống Tài chính
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
PCAF	Partnership for Carbon Accounting Financials – Hiệp hội Tài chính Kế toán Carbon
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam
SECO	State Secretariat for Economic Affairs – Tổng cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ
SASB	Sustainability Accounting Standards Board – Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Bền vững
SBFN	Sustainable Banking Finance Network – Mạng lưới Ngân hàng và Tài chính Bền vững
SDGs	Sustainable Development Goals – Các Mục tiêu Phát triển Bền vững
TCFD	Task Force on Climate-related Financial Disclosures – Lực lượng đặc nhiệm về công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu
TCTD	Tổ chức tín dụng
UNEP FI	United Nations Environment Programme Finance Initiative – Sáng kiến Tài chính của Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc

MỤC LỤC

1. GIỚI THIỆU	10
1.1. Mục đích và phạm vi của sổ tay hướng dẫn	10
1.2. Cấu trúc	11
2. NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ RỦI RO MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI	12
2.1. Khái quát về tích hợp ESG trong hoạt động của tổ chức tín dụng	12
2.2. Quản lý rủi ro MTXH trong hoạt động cấp tín dụng	15
2.2.1. Sự cần thiết quản lý rủi ro MTXH trong hoạt động cấp tín dụng	15
2.2.2. Các vấn đề cần quan tâm về MTXH khi quản lý rủi ro tín dụng và các lợi ích	18
2.2.3. Các nguyên tắc quản lý rủi ro MTXH	19
2.2.4. Khung phân loại rủi ro	20
3. HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO MTXH	24
3.1. Chính sách về MTXH	25
3.1.1. Chính sách MTXH	25
3.1.2. Danh sách không cấp tín dụng	27
3.1.3. Chính sách tín dụng đối với một số ngành nhạy cảm	27
3.2. Cơ cấu và năng lực tổ chức	30
3.3. Quy trình đánh giá rủi ro MTXH TRONG HOẠT ĐỘNG CẤP TÍN DỤNG	32
3.3.1. Sàng lọc giao dịch	33
3.3.2. Thẩm định MTXH (E&S Due Diligence)	35
3.3.3. Kế hoạch khắc phục rủi ro MTXH (ESAP).....	41
3.3.4. Điều khoản về MTXH trong thỏa thuận pháp lý	42
3.3.5. Quản lý và giám sát rủi ro MTXH.....	43
3.4. Tích hợp quản lý rủi ro MTXH vào khâu thẩm định và quản lý cấp tín dụng	44
3.5. Tích hợp yêu cầu của thông tư 17/2022/TT-NHNN vào hệ thống quản lý rủi ro MTXH của TCTD	47
3.5.1. Phân loại rủi ro về MTXH.....	47
3.5.2. Mức độ thẩm định rủi ro MTXH	48

4. CÁC CHỈ SỐ VÀ BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG	50
4.1. Chỉ số rủi ro chính (KRI) về MTXH	51
4.2. Chỉ số hiệu quả hoạt động (KPI) về MTXH cho các TCTD	52
4.3. Công bố thông tin.....	55
4.3.1. Công bố thông tin về MTXH.....	55
4.3.2. Công bố thông tin liên quan đến khí hậu	56
5. SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CƠ CHẾ KHIẾU NẠI VỀ CÁC VẤN ĐỀ MTXH	58
PHỤ LỤC 1. NGUỒN THÔNG TIN THAM KHẢO VÀ CÁC CÔNG CỤ BỔ SUNG.....	60
PHỤ LỤC 2. CÁC VẤN ĐỀ VỀ MTXH.....	65
PHỤ LỤC 3. TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI RỦI RO MÔI TRƯỜNG THEO LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2020	78
PHỤ LỤC 4. HƯỚNG DẪN TRA CỨU VÀ PHÂN LOẠI DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG	85
PHỤ LỤC 5. DANH SÁCH PHÂN LOẠI RỦI RO MTXH THEO NGÀNH CỦA NGÂN HÀNG TÁI THIẾT VÀ PHÁT TRIỂN CHÂU ÂU (EBRD - EUROPEAN BANK FOR RECONSTRUCTION AND DEVELOPMENT)	88
PHỤ LỤC 6. MẪU ĐỀ CƯƠNG CHÍNH SÁCH MTXH	89
PHỤ LỤC 7. DANH SÁCH LOẠI TRỪ (CÁC QUY ĐỊNH THAM KHẢO)	90
PHỤ LỤC 8. MẪU BẢN MÔ TẢ CÔNG VIỆC CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ VỀ MTXH	92
PHỤ LỤC 9. NHỮNG THỦ TỤC MÔI TRƯỜNG MÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ THỂ PHẢI THỰC HIỆN	94
PHỤ LỤC 10. BẢNG KIỂM TRA THẨM ĐỊNH THỰC ĐỊA THEO HƯỚNG DẪN EBRD	99
PHỤ LỤC 11. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU – DỊCH VỤ TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ MTXH.....	107
PHỤ LỤC 12. MẪU BIÊN BẢN VÀ DANH SÁCH KIỂM TRA VỀ MTXH CHO ỦY BAN TÍN DỤNG (THEO CDC GROUP)	109
PHỤ LỤC 13. BẢNG KIỂM TRA GIÁM SÁT MTXH SAU CẤP TÍN DỤNG (THEO IFC).....	110
PHỤ LỤC 14. YÊU CẦU THÔNG TIN MTXH THEO THÔNG TƯ 96/2020/TT-BTC VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN.....	112
PHỤ LỤC 15. TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ LIÊN QUAN ĐẾN KIỂM KÊ VÀ BÁO CÁO KNK	114



1. GIỚI THIỆU

1.1. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI CỦA SỔ TAY HƯỚNG DẪN

Tài liệu này được cung cấp dưới dạng sổ tay hướng dẫn nhằm hỗ trợ tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi chung là TCTD) tại Việt Nam xây dựng và phát triển Hệ thống Quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng. Trọng tâm chính của tài liệu là hướng dẫn quản lý rủi ro môi trường, biến đổi khí hậu và xã hội (sau đây gọi là MTXH) trong hoạt động cấp tín dụng chủ yếu dưới hình thức cho vay đối với các dự án đầu tư, phương án đầu tư hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng vay vốn. Các hình thức cấp tín dụng khác như bảo lãnh, tài trợ thương mại, hoặc tài trợ trái phiếu doanh nghiệp cũng có thể áp dụng các nguyên tắc trong tài liệu này nếu có rủi ro MTXH đáng kể. Trong trường hợp tín dụng tiêu dùng dành cho khách hàng doanh nghiệp có liên quan đến các dự án đầu tư hoặc có tác động MTXH đáng kể, các nguyên tắc trong tài liệu này có thể được tham khảo để áp dụng phù hợp.

Tài liệu này được xây dựng dựa trên các thông lệ quốc tế về tài chính bền vững như các Tiêu chuẩn Hoạt động Môi trường và Xã hội của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC Performance Standards), Nguyên tắc Xích đạo (Equator Principles), đồng thời có tham khảo các công cụ về quản lý rủi ro môi trường xã hội của Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Châu Âu (EBRD), Hướng dẫn công bố thông tin về QLRR MTXH của Lực lượng Đặc nhiệm về Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu (TCFD), và cùng với một số chuẩn mực và thông lệ quốc tế khác, v.v. (Xem chi tiết tại

Phụ lục 1). TCTD được khuyến nghị sử dụng tài liệu này kết hợp tham khảo các hướng dẫn và chuẩn mực về quản lý và giám sát hiệu quả rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu của Ủy ban Basel và Mạng lưới Ngân hàng Trung ương và Cơ quan Giám sát vì Xanh hóa Hệ thống Tài chính (NGFS).¹

1.2. CẤU TRÚC

Sau phần giới thiệu này, Sổ tay hướng dẫn gồm các phần chính như sau:

1. **NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ RỦI RO MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI** giải thích các loại rủi ro MTXH mà TCTD phải đối mặt trong hoạt động cấp tín dụng, các nguyên tắc quản lý rủi ro này, và khung phân loại rủi ro để xác định các khoản tín dụng có rủi ro cao.
2. **HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO MTXH** trình bày chi tiết về chính sách MTXH, cơ cấu tổ chức và năng lực cần thiết, quy trình đánh giá và quản lý rủi ro, tích hợp quản lý rủi ro MTXH vào quá trình ra quyết định tín dụng, và quy trình giám sát và báo cáo.
3. **CÁC CHỈ SỐ VÀ BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG** bao gồm các chỉ số đánh giá hiệu quả (KPI) về MTXH cho các TCTD và hướng dẫn về công bố thông tin liên quan đến MTXH và các vấn đề về khí hậu.
4. **SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CƠ CHẾ KHIẾU NẠI VỀ CÁC VẤN ĐỀ MTXH** đề cập đến cách thức các bên liên quan có thể tham gia vào quá trình quản lý rủi ro MTXH và các cơ chế để giải quyết các khiếu nại liên quan đến MTXH.
5. **PHỤ LỤC** cung cấp các thông tin tham khảo và công cụ bổ sung để hỗ trợ TCTD trong việc triển khai và vận hành hệ thống quản lý rủi ro MTXH. Bao gồm danh sách các vấn đề MTXH, tiêu chí phân loại rủi ro môi trường, hướng dẫn tra cứu phân loại dự án đầu tư, và các mẫu biểu liên quan.

Với cấu trúc này, chúng tôi mong muốn cung cấp một khung logic và dễ hiểu để giúp các TCTD xây dựng và triển khai hệ thống quản lý rủi ro MTXH một cách hiệu quả.

¹ Trọng tâm của Hướng dẫn về quản lý và giám sát hiệu quả rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu của Ủy ban Basel là các rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu và cách các tổ chức tài chính trong đó có các TCTD nên tích hợp rủi ro khí hậu vào cấu trúc quản trị, quy trình quản lý rủi ro và giám sát.



2. NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ RỦI RO MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

2.1. KHÁI QUÁT VỀ TÍCH HỢP ESG TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

ESG là viết tắt của Environmental (Môi trường), Social (Xã hội), và Governance (Quản trị). Thuật ngữ này lần đầu tiên được giới thiệu vào năm 2004 trong báo cáo *Who Cares Wins*, do Liên Hợp Quốc (United Nations Global Compact) và Bộ Ngoại giao Liên bang Thụy Sĩ công bố². Báo cáo này, với sự tham gia của Nhóm công tác (bao gồm Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC), nhằm cung cấp hướng dẫn cho các tổ chức tài chính về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp được coi là có liên quan chặt chẽ đến việc phân bổ nguồn lực tài chính đúng cách. Theo báo cáo này, “Việc đưa các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) vào các quyết định đầu tư và tín dụng sẽ góp phần tạo nên thị trường ổn định và dễ dự đoán hơn, vì lợi ích của tất cả các chủ thể tham gia thị trường.”

Theo định nghĩa của IFC, ESG là tập hợp các yếu tố liên quan đến môi trường (bao gồm cả biến đổi khí hậu), xã hội và quản trị mà các doanh nghiệp cần xem xét khi quản lý hoạt động của mình, và các nhà đầu tư cần cân nhắc khi ra quyết định đầu tư. Các yếu tố này liên quan đến rủi ro, tác động và cơ hội, bao gồm nhưng không giới hạn ở:

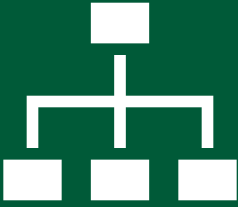
² Hiệp ước toàn cầu của Liên hợp quốc và Bộ Ngoại giao Liên bang Thụy Sĩ, (2004), Ai quan tâm sẽ thắng: Kết nối thị trường tài chính với một thế giới đang thay đổi

- *Các vấn đề về môi trường:* Những thay đổi tiềm năng hoặc thực tế đối với môi trường tự nhiên (ví dụ: ô nhiễm, tác động đến đa dạng sinh học, phát thải carbon, biến đổi khí hậu, sử dụng tài nguyên thiên nhiên ...).
- *Các vấn đề về xã hội:* Những thay đổi tiềm năng hoặc thực tế đối với cộng đồng xung quanh và người lao động (ví dụ: sức khỏe và an toàn, phát triển nguồn nhân lực, chuỗi cung ứng, sự đa dạng và hòa nhập ...).
- *Các vấn đề về quản trị:* Cơ cấu và quy trình quản trị doanh nghiệp mà thông qua đó các công ty được định hướng và kiểm soát (ví dụ: cơ cấu và sự đa dạng của hội đồng quản trị, hành vi đạo đức, quản lý rủi ro, công bố thông tin và minh bạch ...), bao gồm cả quản trị các chính sách và quy trình liên quan đến quản lý các vấn đề môi trường và xã hội.

Bảng dưới đây tóm tắt các yếu tố và ví dụ về ESG³ được trích từ các hướng dẫn về ESG của IFC (2021).

	MÔI TRƯỜNG (ENVIRONMENTAL) Doanh nghiệp phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên và tài sản vật chất để thực hiện hoạt động của mình. Sản phẩm và dịch vụ có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến môi trường. • <i>Biến đổi khí hậu</i> • <i>Quản lý phát thải carbon</i> • <i>Cạn kiệt tài nguyên</i> • <i>Ô nhiễm</i> • <i>Tiêu thụ năng lượng</i> • <i>Sử dụng đất</i> • <i>Mất đa dạng sinh học</i> • <i>Tiêu thụ nước</i> • <i>Quản lý chất thải</i> • <i>Sáng kiến hoặc sản phẩm giảm tác động đến môi trường</i>
	XÃ HỘI (SOCIAL) Để vận hành, doanh nghiệp cần sử dụng tài năng và kỹ năng của người lao động. Các sản phẩm, dịch vụ và hoạt động sản xuất có thể mang lại lợi ích hoặc gây hại cho xã hội. • <i>Tạo việc làm và điều kiện làm việc</i> • <i>Cơ hội bình đẳng</i> • <i>Đa dạng</i> • <i>Đào tạo</i> • <i>Tác động đến cộng đồng địa phương</i> • <i>Sức khỏe và an toàn</i> • <i>Lao động trẻ em và cưỡng bức trong chuỗi cung ứng</i> • <i>Cơ chế giải quyết khiếu nại</i> • <i>Quyền con người</i> • <i>Tác động xã hội của sản phẩm, dịch vụ hoặc hoạt động kinh doanh</i> • <i>Bạo lực và quấy rối về giới</i>

³ International Finance Corporation 2021, "IFC ESG Guidebook": <https://www.ifc.org/content/dam/ifc/doc/mgmt/ifc-esg-guidebook.pdf>

	QUẢN TRỊ (GOVERNANCE)	
	Khi đưa ra quyết định và phân bổ các nguồn lực tự nhiên, nhân sự và tài chính, doanh nghiệp cần xem xét cách tạo ra giá trị dài hạn có lợi cho tất cả các bên liên quan. • Mục tiêu, giá trị và văn hóa • Đa dạng, cấu trúc và giám sát của hội đồng quản trị • Kế hoạch kế nhiệm⁴ • Thù lao điều hành⁵ • Kiểm soát nội bộ	• Quản trị rủi ro • Đạo đức và tuân thủ • Quyền của cổ đông • Quản trị sự tham gia của các bên liên quan • Công bố thông tin và minh bạch

Đối với các TCTD tại Việt Nam, việc tích hợp các yếu tố ESG ngày càng quan trọng trong bối cảnh hiện nay, bởi TCTD không chỉ đóng vai trò “mạch máu” luân chuyển vốn trong nền kinh tế mà còn chịu trách nhiệm định hướng dòng vốn, hỗ trợ phát triển bền vững. Việc tích hợp ESG vào trong hoạt động của TCTD được thực hiện ở cả ba trụ cột:

- **Quản trị:** Cơ cấu quản trị của TCTD và vai trò của Hội đồng quản trị trong việc thúc đẩy tích hợp ESG; đồng thời tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của TCTD thông qua các chính sách và thực hành ESG phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.
- **Chiến lược và vận hành:** Lồng ghép các vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu, xã hội, và quản trị vào khung chiến lược kinh doanh bao gồm phát triển các sản phẩm tài chính xanh, như tín dụng xanh, trái phiếu xanh và các sản phẩm tài chính bền vững khác.
- **Quản lý rủi ro:** Đánh giá các yếu tố môi trường, khí hậu và xã hội trong quá trình quản lý rủi ro của các khoản vay và đầu tư giúp TCTD hiểu rõ hơn về rủi ro và cơ hội, đồng thời hỗ trợ xây dựng danh mục tín dụng bền vững.

Sau báo cáo *Who cares wins*, một loạt các sáng kiến và nguyên tắc tài chính bền vững quốc tế đều nhấn mạnh rằng tích hợp ESG trong đó quản lý rủi ro MTXH trong hoạt động cấp tín dụng, đầu tư là một trong những vấn đề phát triển bền vững trọng yếu của một tổ chức tài chính ngân hàng.

1. **Nguyên tắc Ngân hàng có Trách nhiệm (Principles for Responsible Banking) của** Sáng kiến Tài chính của Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP FI), tập trung vào việc định hướng các ngân hàng gắn kết chiến lược kinh doanh với các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) và Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Cả sáu nguyên tắc Ngân hàng có Trách nhiệm chính đều nhằm thúc đẩy việc tích hợp ESG và các ưu tiên phát triển bền vững, cụ thể là I: (i) Phù hợp: Điều chỉnh chiến lược với SDGs và Thỏa thuận Paris; (ii) Tác động: Tăng tác động tích cực, giảm thiểu tiêu cực, đặt mục tiêu cụ thể; (iii) Khách hàng: Hỗ trợ khách hàng thực hành bền

4 Succession planning: Kế hoạch kế nhiệm là quá trình chuẩn bị và phát triển nguồn nhân lực để đảm bảo sự chuyển giao quyền lãnh đạo và quản lý một cách hiệu quả khi có sự thay đổi nhân sự cấp cao (ví dụ: Giám đốc điều hành/CEO, thành viên hội đồng quản trị, hoặc các vị trí quản lý chủ chốt). Mục tiêu của kế hoạch kế nhiệm là duy trì tính liên tục trong hoạt động của doanh nghiệp, giảm thiểu rủi ro khi có sự thay đổi nhân sự, và đảm bảo rằng các vị trí quan trọng luôn được lấp đầy bởi những người có năng lực phù hợp. (Theo Eben Harrell, 2016, “Succession Planning: What the Research Says”, tại Harvard Business Review, tham khảo tại: <https://hbr.org/2016/12/succession-planning-what-the-research-says>)

5 Executive pay: Thù lao điều hành để cập đến các khoản thanh toán và lợi ích mà các nhà lãnh đạo cấp cao (như CEO, CFO, hoặc thành viên hội đồng quản trị) nhận được từ doanh nghiệp. Cấu trúc thù lao điều hành thường bao gồm các thành phần như lương cơ bản, tiền thưởng, cổ phiếu, quyền chọn cổ phiếu, và các phúc lợi khác. Mục tiêu của chính sách thù lao điều hành là khuyến khích lãnh đạo hướng đến tăng trưởng bền vững, không chỉ tập trung vào lợi nhuận ngắn hạn, đồng thời cân bằng lợi ích giữa lãnh đạo, cổ đông và các bên liên quan (theo United Nations Principles for Responsible Investment (UNPRI), 2016, “Integrating ESG Issues into Executive Pay”, tham khảo tại <https://www.unpri.org/download?ac=1798>)

vững; (iv) Bên liên quan: Hợp tác với các bên liên quan để đạt mục tiêu xã hội; (v) Quản trị: Xây dựng văn hóa và quản trị ngân hàng có trách nhiệm; (vi) Minh bạch: Công khai và chịu trách nhiệm về tác động.

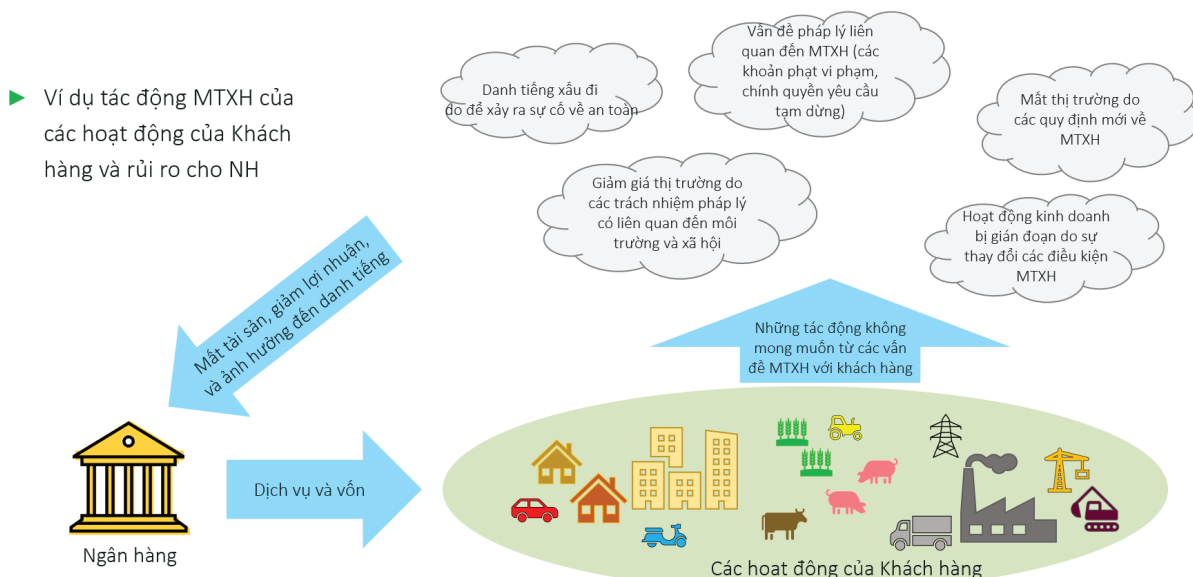
- Mạng lưới Ngân hàng và Tài chính Bền vững (Sustainable Banking Finance Network – SBFN)** Được thành lập bởi IFC và các đối tác, nhằm hỗ trợ các cơ quan quản lý, hiệp hội ngân hàng và các tổ chức tín dụng tại nhiều quốc gia xây dựng chính sách, quy định và chia sẻ kinh nghiệm về tài chính bền vững. Khung đo lường Ngân hàng và Tài chính Bền vững của SBFN bao gồm ba trụ cột chính: Tích hợp ESG, Quản lý rủi ro liên quan đến khí hậu và thiên nhiên, và Tài trợ cho phát triển bền vững. Đối với trụ cột tích hợp ESG, SBFN nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thiết lập Chính sách và Hệ thống Quản lý Rủi ro Môi trường – Xã hội (ESMS) tại các ngân hàng, nhằm đảm bảo dòng vốn được định hướng đến các hoạt động kinh doanh có tác động tích cực và giảm thiểu rủi ro hệ thống.
- Tiêu chuẩn Kế toán Bền vững (SASB – Sustainability Accounting Standards Board):** Tiêu chuẩn này đưa ra các tiêu chí và chỉ số ESG trọng yếu cho 77 ngành, bao gồm lĩnh vực ngân hàng và tổ chức tín dụng. **Theo SASB, những vấn đề ESG trọng yếu đối với ngân hàng và các TCTD** bao gồm: (i) An ninh dữ liệu; (ii) Tài chính toàn diện và phát triển năng lực; (iii) Tích hợp các yếu tố ESG trong phân tích tín dụng; (iv) Phát thải được tài trợ; (v) Đạo đức kinh doanh; (iv) Quản lý rủi ro hệ thống.

2.2. QUẢN LÝ RỦI RO MTXH TRONG HOẠT ĐỘNG CẤP TÍN DỤNG

2.2.1. Sự cần thiết quản lý rủi ro MTXH trong hoạt động cấp tín dụng

Mọi TCTD đều phải đối mặt với các rủi ro về MTXH ở một mức độ nào đó từ các hoạt động cấp tín dụng của mình. Những rủi ro này liên quan đến những thách thức về môi trường, biến đổi khí hậu và xã hội trong các hoạt động của khách hàng từ đó gây ra những rủi ro tín dụng, trách nhiệm pháp lý hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến danh tiếng của TCTD nếu không được quản lý hiệu quả.

Hình 1: Rủi ro MTXH đến từ đâu?



Mức độ rủi ro MTXH trong hoạt động cấp tín dụng bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như bản chất hoạt động, lĩnh vực kinh doanh và vị trí địa lý của khách hàng. Các vấn đề MTXH thường liên quan đến ô nhiễm môi trường, các nguy cơ về sức khỏe và an toàn, tác động đến cộng đồng và các mối đe dọa đối với đa dạng sinh học và di sản văn hóa... (Bảng 1). Trong đó các lĩnh vực như nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp, công nghiệp khai thác và khai khoáng, xây dựng cơ sở hạ tầng thường phải đối mặt với rủi ro MTXH cao hơn.

Bảng 1: Các vấn đề về MTXH

Các vấn đề môi trường	Các vấn đề xã hội
➤ Khí thải và chất lượng không khí: Quản lý và kiểm soát các nguồn phát thải để giảm thiểu tác động đến chất lượng không khí. ➤ Sử dụng năng lượng và bảo tồn: Áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng và sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng. ➤ Nước thải và chất lượng nước: Kiểm soát và xử lý nước thải để bảo vệ nguồn nước và duy trì chất lượng nước. ➤ Sử dụng nước và bảo tồn: Quản lý hiệu quả việc sử dụng nước và bảo vệ tài nguyên nước. ➤ Sử dụng vật liệu nguy hại: Quản lý và xử lý an toàn các vật liệu nguy hại để giảm thiểu rủi ro cho môi trường và sức khỏe con người. ➤ Chất thải: Quản lý và xử lý chất thải một cách hiệu quả để giảm thiểu tác động đến môi trường. ➤ Ô nhiễm đất: Kiểm soát và khắc phục ô nhiễm đất để bảo vệ môi trường đất và sức khỏe con người. ➤ Đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên: Bảo tồn và bảo vệ đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên.* ➤ Ô nhiễm tiếng ồn: Quản lý các nguồn gây tiếng ồn lớn từ hoạt động sản xuất hoặc xây dựng, giảm thiểu tác động đến sức khỏe cộng đồng và môi trường. ➤ Biến đổi khí hậu: Nhận diện và quản lý tác động của biến đổi khí hậu đối với hoạt động doanh nghiệp và môi trường	➤ Lao động và điều kiện làm việc: Bảo vệ quyền lợi và đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, lành mạnh cho người lao động, bao gồm đối xử công bằng, không phân biệt đối với người lao động, bảo vệ nhóm người lao động dễ bị tổn thương...* ➤ Sử dụng lao động trái phép: Ngăn chặn và xử lý việc sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức.* ➤ Sức khỏe nghề nghiệp: Đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động thông qua các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát rủi ro.* ➤ Cháy nổ: Phòng ngừa và quản lý các nguy cơ cháy nổ trong quá trình sản xuất, vận hành nhằm bảo vệ môi trường và tài sản.* ➤ An toàn và sức khỏe cộng đồng và An ninh: Bảo vệ sức khỏe và an toàn cho cộng đồng xung quanh khu vực hoạt động của doanh nghiệp. ➤ Thu hồi đất và tái định cư: Thực hiện các biện pháp tái định cư công bằng và hợp lý cho những người bị ảnh hưởng bởi các dự án phát triển. ➤ Người dân tộc: Bảo vệ quyền lợi và tôn trọng văn hóa của các cộng đồng người dân tộc thiểu số. ➤ Di sản văn hóa: Bảo vệ và bảo tồn các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.
★: bao gồm cả của chuỗi cung ứng.	
i Tham khảo thêm <i>Phụ lục 2: Các vấn đề về MTXH</i>	

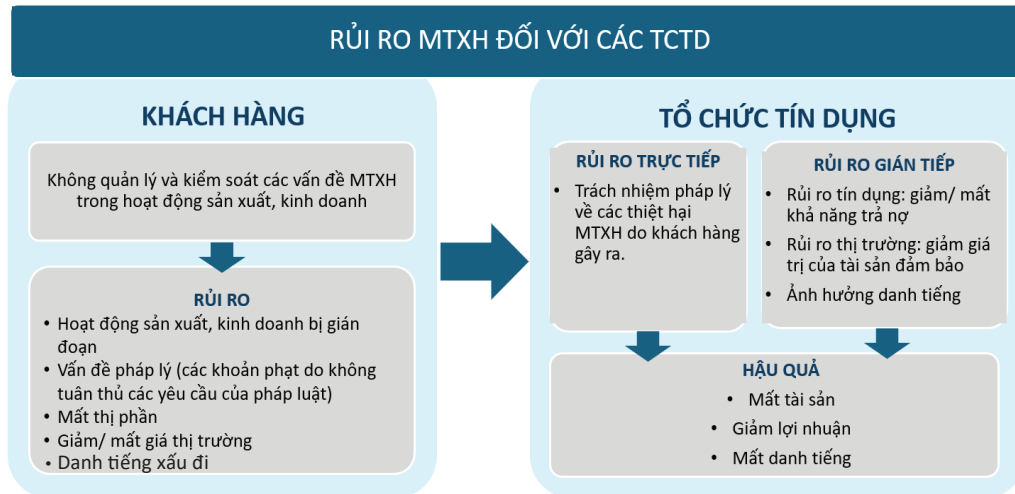
Ngoài ra, rủi ro MTXH liên quan đến hoạt động cấp tín dụng của TCTD còn phụ thuộc vào các yếu tố như rủi ro bối cảnh (rủi ro đến từ các yếu tố bên ngoài) ở cấp quốc gia, ngành hoặc cấp địa phương, và hoàn cảnh MTXH cụ thể gắn với lĩnh vực và hoạt động của khách hàng.⁶ Những tác động MTXH tiêu cực cũng có thể đến từ các yếu tố bên trong như năng lực quản lý, các cam kết của khách hàng để giải quyết các rủi ro MTXH, và cả loại sản phẩm tài chính do TCTD cung cấp.⁷ Nếu không được quản lý, những rủi ro này có thể trực tiếp ảnh hưởng đến TCTD thông qua các

6 Rủi ro từ các yếu tố bên ngoài (ở cấp quốc gia, ngành hoặc cấp địa phương) mà khách hàng không kiểm soát được nhưng có thể ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng của dự án hoặc khách hàng khu vực tư nhân để đáp ứng các yêu cầu MTXH của TCTD. Ví dụ về các rủi ro theo bối cảnh bao gồm tranh chấp đất đai do di dời hoặc xung đột nội bộ; các vấn đề mang tính hệ thống như phân biệt đối xử với người thiểu số, thiếu tự do lập hội hoặc sử dụng rộng rãi lao động trẻ em; và các hành động trước đây của chính phủ liên quan đến ô nhiễm đất, cưỡng chế di dời hoặc các vấn đề tương tự.

7 Kỳ hạn tài trợ/tín dụng ảnh hưởng đến đòn bẩy của TCTD để áp dụng các yêu cầu MTXH (đặc biệt là trong thời hạn cho vay) nhưng không làm thay đổi rủi ro MTXH cơ bản. Trường hợp nguồn tài trợ/tín dụng ngắn hạn không gia hạn, yêu cầu của TCTD đối với khách hàng có thể bị hạn chế.

trách nhiệm pháp lý và gián tiếp ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng, gây suy giảm hình ảnh uy tín của TCTD, các vụ kiện tụng tốn kém, hoặc mất doanh thu. (Hình 2)

Hình 2: Rủi ro MTXH đối với TCTD



Những tác động không mong muốn từ các vấn đề MTXH với khách hàng có thể bao gồm:

- **Gián đoạn hoạt động:** Hoạt động kinh doanh của khách hàng có thể bị ảnh hưởng trực tiếp do sự thay đổi của các điều kiện xã hội, như tỷ lệ nhân viên nghỉ việc cao hoặc thay đổi của các điều kiện môi trường, hoặc sự suy giảm nguồn lực mà hoạt động sản xuất kinh doanh phụ thuộc vào. Những thay đổi này ảnh hưởng đến khả năng duy trì hoạt động kinh doanh của khách hàng và gây ra rủi ro cho TCTD.
- **Vấn đề pháp lý:** Các quy định về môi trường và xã hội của một quốc gia đặt ra các yêu cầu về giấy phép hoạt động, tiêu chuẩn an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, giấy phép môi trường, và giấy phép phát thải/xả thải... Nếu khách hàng không tuân thủ hoặc liên tục có biểu hiện phớt lờ các yêu cầu này sẽ dẫn đến bị phạt tiền, bị tạm dừng hoạt động, hoặc thậm chí đình chỉ hoạt động vô thời hạn và bị thu hồi giấy phép hoạt động. Điều này ảnh hưởng đến hoạt động và tài chính của khách hàng và gây ra rủi ro tín dụng cho TCTD.
- **Mất thị phần:** Do các quy định mới về môi trường và xã hội và/hoặc nhu cầu thị trường đối với các sản phẩm và dịch vụ có trách nhiệm xã hội hoặc thân thiện với môi trường hơn, khách hàng có thể mất thị phần nếu không thể đáp ứng các yêu cầu này. Điều này ảnh hưởng đến khả năng duy trì lợi nhuận từ hoạt động hiện tại và tương lai của khách hàng và gây ra rủi ro cho TCTD.
- **Giảm giá trị vốn hóa thị trường:** Khách hàng có thể phải đối mặt với trách nhiệm pháp lý về môi trường và xã hội do ô nhiễm, thiệt hại hoặc thương tích cho bên thứ ba. Điều này bao gồm mọi hành động khôi phục hiện trạng môi trường theo các quy định về môi trường, có thể cực kỳ tốn kém, và mọi yêu cầu thanh toán thiệt hại hoặc bồi thường do thiệt hại về môi trường và xã hội do hoạt động của khách hàng gây ra. Đối với khách hàng, điều này làm gia tăng gánh nặng tài chính một cách đáng kể và thường dẫn đến sự mất giá tài sản trên thị trường. Đối với một TCTD, điều này dẫn đến sự mất giá của tài sản thế chấp cũng như một khoản nợ tiềm ẩn.
- **Danh tiếng xấu:** Khi nhận thức của cộng đồng về các vấn đề môi trường và xã hội ngày càng tăng, hoạt động của khách hàng ngày càng được giám sát chặt chẽ để đảm bảo khả năng quản lý tốt và trách nhiệm giải trình. Hiệu quả thực hiện quản lý rủi ro môi trường và xã hội yếu kém có thể dẫn đến sự phản đối của cộng đồng đối với sự hiện diện của khách hàng trong cộng đồng và có thể gây chậm trễ hoặc làm gián đoạn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng. Nhận thức tiêu cực của công chúng sẽ làm tổn hại đến danh tiếng của

khách hàng, dẫn đến giảm nhu cầu đối với sản phẩm hoặc dịch vụ của khách hàng. Điều này ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và khả năng tồn tại của khách hàng và gây ra rủi ro cho TCTD.

Mức độ nghiêm trọng của các vấn đề MTXH của khách hàng có thể mang lại một số rủi ro cho TCTD, bao gồm:

- **Rủi ro trực tiếp về trách nhiệm pháp lý:** Do việc giữ tài sản đảm bảo, TCTD phải đối mặt với rủi ro trách nhiệm phát sinh từ các nghĩa vụ pháp lý của khách hàng khi tài sản đảm bảo này gây ra những tác động tiêu cực đối với môi trường và cộng đồng xung quanh. Điều này bao gồm các khoản phạt và chi phí để giải quyết các yêu cầu bồi thường của bên thứ ba đối với khách hàng do sơ suất trong việc quản lý rủi ro MTXH trong hoạt động của khách hàng và việc làm sạch khu vực ô nhiễm (trong trường hợp tài sản đảm bảo gây ô nhiễm môi trường).
- **Rủi ro tín dụng:** TCTD phải đối mặt với rủi ro phát sinh từ sự gián đoạn hoạt động của khách hàng do vấn đề MTXH. Nếu không được quản lý đúng cách, những vấn đề này có thể ảnh hưởng đến khả năng của khách hàng trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với TCTD và/hoặc có thể làm giảm giá trị tài sản đảm bảo của khách hàng trong phạm vi một giao dịch. TCTD cũng đối mặt với rủi ro khi một khách hàng không sẵn lòng và/hoặc không thể thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng liên quan đến một giao dịch do các vấn đề MTXH. Ví dụ, nếu một khách hàng phải đối mặt với chi phí vốn hoặc chi phí hoạt động tăng lên để tuân thủ các tiêu chuẩn MTXH hoặc thiếu giấy phép hoạt động và giấy phép môi trường dẫn đến các khoản phạt hoặc tiền phạt từ cơ quan quản lý, hoặc khách hàng có thể phải dừng hoạt động để khắc phục sự cố.
- **Rủi ro giảm giá thị trường:** TCTD phải đối mặt với rủi ro thị trường phát sinh từ việc giảm giá trị của tài sản đảm bảo liên quan đến một giao dịch do vấn đề MTXH. Ví dụ, nếu một địa điểm sản xuất bị ô nhiễm, giá trị thị trường của tài sản đảm bảo (quyền sở hữu đất và tài sản trên đất) sẽ giảm.
- **Rủi ro danh tiếng:** TCTD phải đối mặt với rủi ro danh tiếng do những thông tin tiêu cực tiềm ẩn liên quan đến thực hành MTXH kém của khách hàng. Giá trị thương hiệu và hình ảnh của TCTD có thể bị ảnh hưởng vì những thông tin tiêu cực này một khi công chúng hoặc truyền thông chỉ trích các nhà tài trợ, các tổ chức cấp tín dụng cho các hoạt động liên quan đến các thông tin tiêu cực về MTXH.



Rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu (Climate-related financial risk) ở cấp danh mục tín dụng và cấp tổ chức tín dụng

Các ngân hàng thương mại có khả năng phải chịu rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu bất kể quy mô, mức độ phức tạp hay mô hình kinh doanh của họ. Các yếu tố rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu có thể chuyển thành các loại rủi ro tài chính truyền thống. Do đó, các ngân hàng nên xem xét các tác động tiềm ẩn của các yếu tố rủi ro liên quan đến khí hậu đối với từng mô hình kinh doanh của họ và đánh giá mức độ quan trọng về mặt tài chính của những rủi ro này. Các ngân hàng nên quản lý rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu theo cách tương xứng với bản chất, quy mô và mức độ phức tạp của các hoạt động của họ và mức độ rủi ro chung mà mỗi ngân hàng sẵn sàng chấp nhận.

Theo Ủy ban Basel – Các nguyên tắc quản lý và giám sát hiệu quả các rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu⁸

2.2.2. Các vấn đề cần quan tâm về MTXH khi quản lý rủi ro tín dụng và các lợi ích

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, TCTD cần nhận diện, đánh giá và quản lý các vấn đề MTXH một cách chặt chẽ nhằm giảm thiểu rủi ro tiềm ẩn và các tác động tiêu cực liên quan đến MTXH có thể phát sinh. Các vấn đề MTXH trọng yếu đã được trình bày tại Bảng 1. TCTD cần hiểu rõ về các rủi ro MTXH cũng như những hậu quả đối với hoạt động của khách hàng. Trước khi tiến hành ký hợp đồng hoặc thỏa thuận giao dịch với khách hàng, việc đánh giá và quản lý rủi ro MTXH cần được thực hiện một cách chủ động để xác định các nguy cơ, đề xuất biện pháp giảm thiểu phù hợp, và hạn chế tác động tiêu cực đến danh mục tín dụng và danh tiếng của TCTD.

⁸ Xem thêm tại: <https://www.bis.org/bcbs/publ/d532.htm>

TCTD có thể đạt được điều này tốt nhất bằng cách phát triển và triển khai một Hệ thống Quản lý Rủi ro MTXH. Hệ thống này giúp đánh giá một cách có hệ thống các rủi ro và cơ hội MTXH phát sinh từ hoạt động của khách hàng và quản lý giám sát hiệu quả các rủi ro này. Các biện pháp bao gồm việc sử dụng các công cụ đánh giá rủi ro MTXH, xây dựng các chỉ số rủi ro chính (KRI) và/hoặc chỉ số hiệu quả hoạt động (KPI) về MTXH và khí hậu, đồng thời thường xuyên cập nhật chiến lược quản lý rủi ro để phù hợp với các điều kiện môi trường và xã hội thay đổi.

Việc quản lý rủi ro MTXH hiệu quả giúp TCTD nâng cao năng lực quản trị, giảm thiểu rủi ro tín dụng, thúc đẩy thực hành phát triển bền vững (gia tăng lợi nhuận thông qua tài trợ cho các dự án và doanh nghiệp bền vững; khai thác cơ hội kinh doanh mới thông qua việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ với xu hướng bền vững; tăng thị phần trong các ngành hướng tới phát triển bền vững ...) và góp phần cải thiện hiệu quả kinh doanh của TCTD (nâng cao uy tín và giá trị thương hiệu của TCTD; tiếp cận nguồn vốn ưu đãi từ các tổ chức tài chính quốc tế; gia tăng giá trị cho cổ đông..).

2.2.3. Các nguyên tắc quản lý rủi ro MTXH

Để quản lý hiệu quả các rủi ro về MTXH trong hoạt động cấp tín dụng, nâng cao năng lực quản trị rủi ro và đảm bảo sự bền vững của TCTD, dưới đây là một số nguyên tắc được gợi ý dựa trên các thông lệ quốc tế và thực tiễn tốt nhất. Các nguyên tắc này chỉ mang tính chất tham khảo; TCTD có thể điều chỉnh và bổ sung sao cho phù hợp với đặc thù hoạt động của mình.

1. **Tích hợp vào quy trình cấp và quản lý tín dụng:** Quản lý rủi ro MTXH cần được lồng ghép vào toàn bộ quy trình hoạch định chiến lược tổng thể và ra quyết định của TCTD. Việc tích hợp này giúp đảm bảo rằng các rủi ro MTXH được nhận diện và xử lý kịp thời, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội, cũng như hiệu quả hoạt động và uy tín của TCTD.
2. **Tuân thủ các quy định quốc gia và chuẩn mực quốc tế:** TCTD cần đảm bảo hoạt động cấp tín dụng phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam⁹ cũng như các chuẩn mực và thông lệ quốc tế khi có các cam kết với các nhà tài trợ quốc tế.
3. **Đánh giá rủi ro MTXH toàn diện:** Trước khi phê duyệt cấp tín dụng, TCTD cần thực hiện đánh giá rủi ro MTXH phù hợp với loại hình nghiệp vụ, hình thức cấp tín dụng và tiêu chuẩn nội bộ của từng TCTD. Quy trình này bao gồm phân loại mức độ rủi ro, xác định các tác động tiềm tàng, từ đó thiết lập các điều kiện cấp tín dụng phù hợp. TCTD có thể tham khảo kết quả đánh giá từ các tổ chức chuyên môn hoặc đối tác cung cấp dịch vụ đánh giá rủi ro MTXH.
4. **Sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình cấp tín dụng:** TCTD nên tham khảo ý kiến và phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan, bao gồm cơ quan chức năng, khách hàng, và chuyên gia môi trường, và cộng đồng địa phương nhằm nhận diện, đánh giá và giảm thiểu rủi ro MTXH.¹⁰
5. **Cam kết của khách hàng:** TCTD nên thỏa thuận với khách hàng các biện pháp cam kết thực hiện nhằm hạn chế rủi ro MTXH trong thỏa thuận cấp tín dụng. Giám sát định kỳ việc tuân thủ các cam kết này sẽ giúp đảm bảo khách hàng tuân thủ và tránh phát sinh các rủi ro tín dụng do vi phạm các vấn đề MTXH.

⁹ Ví dụ: Thông tư 17/2022/TT-NHNN, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Luật Đầu tư công 2024.

¹⁰ Ví dụ: Theo Tiêu chuẩn hoạt động của IFC, TCTD được yêu cầu xác minh xem dự án TCTD đang xem xét tài trợ đã được chủ đầu tư dự án tham vấn với Cộng đồng bị ảnh hưởng hay chưa. Trong trường hợp việc xác minh trực tiếp như vậy không khả thi, TCTD có thể thông qua các phương tiện thông tin đại chúng xác minh xem có thông tin công khai nào về sự phản đối của Cộng đồng bị ảnh hưởng đối với dự án đang xem xét tài trợ hay không.

6. **Phòng ngừa trong quản lý rủi ro tín dụng:** Áp dụng cách tiếp cận phòng ngừa trong quản lý rủi ro MTXH bằng việc nhận diện và dự đoán các tác động MTXH tiềm tàng trước khi phê duyệt khoản vay/cấp tín dụng. Việc sử dụng các danh sách loại trừ và khung phân loại rủi ro là một công cụ hữu hiệu để sàng lọc các giao dịch có nguy cơ cao.
7. **Nâng cao năng lực và đào tạo chuyên sâu:** TCTD cần đầu tư vào các chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân sự phụ trách tín dụng, giúp họ nắm vững các công cụ và tiêu chuẩn đánh giá rủi ro MTXH, cũng như cập nhật thường xuyên về các phương pháp quản lý tốt nhất và các xu hướng mới trong quản lý rủi ro MTXH.
8. **Giám sát và báo cáo hiệu quả quản lý MTXH:** TCTD cần xây dựng cơ chế giám sát và báo cáo thường xuyên về hiệu quả quản lý rủi ro MTXH của các khoản vay, đánh giá mức độ ảnh hưởng của các rủi ro MTXH của danh mục tín dụng lên các chỉ số rủi ro chính (KRI) và xây dựng chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động (KPI) để đo lường. Báo cáo cần được chia sẻ định kỳ với các bên liên quan nhằm tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.
9. **Giảm nhẹ và khắc phục tác động:** Phát triển các kế hoạch dự phòng và biện pháp khắc phục kịp thời để ứng phó với các tác động tiêu cực của rủi ro MTXH. Điều này bao gồm việc yêu cầu khách hàng có kế hoạch giảm thiểu rủi ro MTXH trước khi cấp tín dụng, đặc biệt với các dự án có rủi ro cao, giám sát việc tuân thủ các cam kết về MTXH của khách hàng trong suốt vòng đời khoản vay, áp dụng các biện pháp xử lý khi có khách hàng vi phạm hoặc phát sinh sự cố MTXH, chẳng hạn như yêu cầu khách hàng thực hiện kế hoạch khắc phục hoặc sử dụng các công cụ tài chính bảo vệ rủi ro (như quỹ khắc phục môi trường, hoặc bảo hiểm rủi ro).
10. **Cải tiến liên tục trong quy trình quản lý:** TCTD cần thường xuyên rà soát, cập nhật các chính sách và quy trình quản lý rủi ro MTXH nhằm đáp ứng các yêu cầu pháp luật mới, tiêu chuẩn quốc tế, cũng như thích ứng với các thay đổi trong bối cảnh kinh doanh và môi trường.

Việc tuân thủ các nguyên tắc này thông qua một hệ thống quản lý MTXH cho phép các TCTD quản lý rủi ro MTXH một cách chủ động và có trách nhiệm, đảm bảo các hoạt động kinh doanh bền vững, đóng góp tích cực cho xã hội và môi trường. Cách tiếp cận này không chỉ giảm thiểu rủi ro mà còn nâng cao uy tín và lợi nhuận lâu dài của TCTD.

2.2.4. Khung phân loại rủi ro

Quản lý hiệu quả các rủi ro về MTXH cần bắt đầu bằng việc phân loại chính xác mức độ rủi ro của các khoản tín dụng. Việc phân loại này giúp các TCTD xác định mức độ thẩm định và phê duyệt khoản vay, thiết lập yêu cầu giám sát và quản lý các rủi ro tín dụng dựa trên các rủi ro MTXH tiềm ẩn của giao dịch đó và khẩu vị rủi ro của tổ chức mình.

TCTD có thể tự xây dựng khung phân loại rủi ro MTXH dựa trên các quy định của pháp luật Việt Nam, thông lệ quốc tế, và tiêu chí nội bộ của từng tổ chức. Khung phân loại này có thể tham khảo các tiêu chí do các tổ chức quốc tế như IFC và EBRD đề xuất, kết hợp với các quy định hiện hành về phân loại rủi ro MTXH của Việt Nam.

- **Phân loại rủi ro MTXH theo IFC:**

IFC phân loại rủi ro dựa trên quy mô, tính chất, và vị trí của dự án hay hoạt động sản xuất kinh doanh, cùng với các tác động tiềm năng về môi trường và xã hội. Hệ thống phân loại của IFC gồm ba nhóm chính: rủi ro Cao (Category A), Trung bình (Category B) và Thấp (Category C):

RỦI RO CAO	RỦI RO TRUNG BÌNH	RỦI RO THẤP
Dự án/ hoạt động sản xuất kinh doanh có khả năng gây ra rủi ro và/hoặc tác động tiêu cực đáng kể, đa dạng, không thể đảo ngược hoặc chưa từng có tiền lệ đối với môi trường hoặc xã hội.	Dự án/ hoạt động sản xuất kinh doanh có khả năng gây ra rủi ro và/hoặc tác động tiêu cực tiềm ẩn đến môi trường hoặc xã hội ở mức hạn chế, thường gắn với địa điểm cụ thể, phần lớn có thể khắc phục được và dễ dàng giải quyết thông qua các biện pháp giảm thiểu và thông lệ quốc tế tốt.	Dự án/ hoạt động sản xuất kinh doanh có ít hoặc không có tác động đáng kể đến môi trường hoặc xã hội.

Ngoài ra, IFC có một danh mục riêng dành cho khách hàng là các tổ chức tài chính, ngân hàng thương mại, áp dụng hệ thống phân loại tương tự với các thuật ngữ A, B và C hoặc cao, trung bình, và thấp để phản ánh các mức độ rủi ro khác nhau.¹¹

• **Phân loại rủi ro MTXH theo Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Châu Âu EBRD (EBRD Environmental and Social Risk Categorization):**

EBRD sử dụng hệ thống phân loại Cao, Trung bình, Thấp và Category A để phản ánh các mức độ rủi ro khác nhau:

- **Rủi ro cao:** Dự án, hoạt động kinh doanh của khách hàng có thể gây ra những rủi ro và tác động đáng kể hoặc lâu dài về môi trường và xã hội. Những rủi ro và tác động này có thể đòi hỏi đánh giá rủi ro chuyên sâu hơn và khách hàng có thể không có đủ năng lực chuyên môn hoặc tài chính để quản lý chúng.
- **B (Rủi ro trung bình):** Dự án, hoạt động kinh doanh của khách hàng có những rủi ro và tác động hạn chế về môi trường và xã hội, và những rủi ro và tác động này có thể dễ dàng được ngăn ngừa hoặc giảm thiểu thông qua các biện pháp khả thi về mặt kỹ thuật và tài chính.
- **C (Rủi ro thấp):** Dự án, hoạt động kinh doanh của khách hàng có ít rủi ro và tác động không đáng kể đến môi trường và xã hội.
- **Category A:** Các dự án “greenfield”¹² hoặc các dự án, hoạt động sản xuất kinh doanh mở rộng hoặc chuyển đổi lớn có thể gây ra những rủi ro và tác động đáng kể hoặc lâu dài về môi trường và xã hội.

Ví dụ các tiêu chí cho phân loại các dự án có rủi ro cao hơn (Category A)

Danh sách này áp dụng cho các dự án “greenfield” hoặc các dự án mở rộng, chuyển đổi lớn. Các loại dự án được liệt kê dưới đây là ví dụ về những dự án có thể gây ra các tác động bất lợi đáng kể về môi trường và/hoặc xã hội.

- *Dự án ảnh hưởng đến các địa điểm nhạy cảm:* Dự án được lên kế hoạch thực hiện hoặc có khả năng tác động đáng kể đến các địa điểm nhạy cảm có tầm quan trọng quốc tế, quốc gia hoặc khu vực. Các địa điểm nhạy cảm bao gồm: khu bảo tồn thiên nhiên theo luật quốc gia hoặc quốc tế, môi trường sống quan trọng hoặc các hệ sinh thái hỗ trợ các đặc điểm đa dạng sinh học ưu tiên, các khu vực có ý nghĩa khảo cổ hoặc văn hóa, và các khu vực quan trọng đối với các dân tộc bản địa.
- *Dự án có tác động xã hội bất lợi đáng kể:* Dự án có thể gây ra các tác động xã hội tiêu cực đáng kể đối với các cộng đồng địa phương hoặc các bên bị ảnh hưởng bởi dự án.
- *Dự án liên quan đến tái định cư bắt buộc:* Dự án có thể liên quan đến tái định cư bắt buộc hoặc di dời kinh tế đáng kể (mất tài sản hoặc mất quyền tiếp cận tài sản dẫn đến mất nguồn thu nhập hoặc phương tiện sinh kế do hậu quả của việc thu hồi đất liên quan đến dự án).

11 Xem thêm tại: <https://www.ifc.org/en/what-we-do/sector-expertise/sustainability/policies-and-standards/environmental-and-social-categorization>

12 Dự án “greenfield” là những dự án mới được phát triển trên các khu vực chưa từng được xây dựng hoặc khai thác trước đó (đất trống, chưa có cơ sở hạ tầng). Thuật ngữ “greenfield” ám chỉ đến việc xây dựng và phát triển trên một “mảnh đất xanh”, nghĩa là khu vực chưa có cơ sở hạ tầng hoặc công trình hiện hữu.

- **Các quy định về phân loại rủi ro MTXH tại Việt Nam:**

TCTD có thể tham khảo các khung pháp lý về phân loại dự án đầu tư theo rủi ro MTXH tại:

- **Luật Bảo vệ Môi trường 2020** (Điều 28): Quy định phân loại dự án đầu tư thành ba nhóm rủi ro (nhóm I, II, III) dựa trên mức độ tác động môi trường.
- **Luật Đầu tư Công 2024**: Quy định các yêu cầu về đánh giá tác động xã hội và môi trường trong quá trình phê duyệt dự án đầu tư.

- **Hướng dẫn TCTD xây dựng khung phân loại rủi ro MTXH:**

TCTD căn cứ vào các quy định pháp luật Việt Nam và tham khảo các quy định của các tổ chức quốc tế để xây dựng khung phân loại rủi ro MTXH cho tổ chức của mình. Các tiêu chí này có thể bao gồm:

- **Quy mô, công suất, loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, và các yếu tố nhạy cảm về môi trường** liên quan đến địa điểm thực hiện dự án, sử dụng đất, nước, quy mô khai thác tài nguyên thiên nhiên (theo các tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư quy định tại Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường 2020);
- **Mức độ tuân thủ quy định pháp luật của khách hàng về MTXH**, bao gồm các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường, lao động, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, và các tiêu chuẩn khác; và
- **Năng lực và mức độ đáp ứng của khách hàng/dự án đối với các chính sách và tiêu chuẩn MTXH của TCTD và nhà tài trợ/nhà đầu tư.**

Cần lưu ý rằng, mức độ rủi ro thực sự của TCTD trước các rủi ro MTXH không chỉ phụ thuộc vào bản chất của giao dịch mà còn vào khả năng tài chính, năng lực quản lý rủi ro và chiến lược kinh doanh của khách hàng/doanh nghiệp. Những yếu tố này cần được tính đến khi sử dụng các danh sách phân loại theo ngành. Danh sách phân loại theo ngành cũng có thể hữu ích cho việc báo cáo mức độ rủi ro ở cấp độ danh mục đầu tư đối với các ngành cụ thể.

i	THAM KHẢO THÊM
	➤ <i>Phụ lục 3: Tiêu chí phân loại rủi ro môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường 2020</i> ➤ <i>Phụ lục 4: Hướng dẫn tra cứu và phân loại dự án đầu tư theo tiêu chí về môi trường</i> ➤ <i>Phụ lục 5: Danh sách phân loại rủi ro MTXH theo ngành của IFC và Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Châu Âu (EBRD - European Bank for Reconstruction and Development)</i>



3. HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO MTXH

Mục tiêu chính của của hệ thống quản lý rủi ro MTXH:

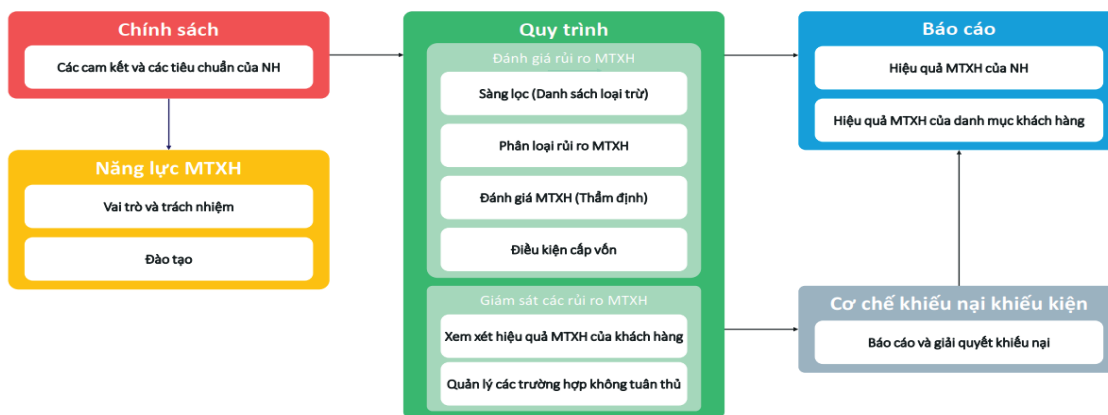
- **Định hướng chiến lược tín dụng bền vững:** Hướng dòng vốn vào các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư tuân thủ tiêu chuẩn MTXH, giảm thiểu rủi ro và tạo ra giá trị dài hạn cho khách hàng, cộng đồng và TCTD.
- **Quản lý rủi ro:** Xác định, đánh giá và quản lý các rủi ro môi trường và xã hội liên quan đến hoạt động của tổ chức tài chính và khách hàng một cách hiệu quả.
- **Tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình:** Giám sát, báo cáo minh bạch về các cam kết MTXH và kết quả thực hiện MTXH góp phần nâng cao uy tín và hình ảnh của TCTD.
- **Xây dựng mối quan hệ tích cực với các bên liên quan:** Tạo sự tin tưởng và hợp tác thông qua cơ chế tiếp nhận và tham khảo ý kiến của các cộng đồng bị ảnh hưởng và các bên liên quan để kết hợp ý kiến đóng góp của họ và giải quyết các mối quan tâm của họ.

Theo các thông lệ tốt nhất về quản lý rủi ro MTXH, một hệ thống quản lý rủi ro MTXH toàn diện cho TCTD nên bao gồm các cấu phần chính như sau:

- **Chính sách MTXH:** Tuyên bố các cam kết, tiêu chuẩn và định hướng của TCTD đối với các vấn đề MTXH, nhằm hướng dòng vốn vào các hoạt động bền vững và giảm thiểu rủi ro MTXH trong hoạt động tín dụng.
- **Cơ cấu và năng lực của tổ chức:** Đảm bảo phân định rõ vai trò, trách nhiệm trong quản lý rủi ro MTXH; đồng thời, tổ chức các chương trình đào tạo liên tục nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ, đặc biệt là cán bộ tham gia trực tiếp vào việc thẩm định và ra quyết định tín dụng.
- **Quy trình quản lý rủi ro MTXH:** Bao gồm các bước chi tiết từ sàng lọc, phân loại rủi ro, đến đánh giá, và xác định điều kiện cấp vốn phù hợp nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực từ dự án/khách hàng.
- **Giám sát và báo cáo:** Định kỳ xem xét hiệu quả thực hiện các cam kết MTXH của khách hàng và TCTD, cũng như đưa ra các biện pháp xử lý trong trường hợp khách hàng không tuân thủ các cam kết.
- **Cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại:** Đảm bảo các phản hồi từ khách hàng, cộng đồng, và các bên liên quan được giải quyết minh bạch, kịp thời thông qua cơ chế giải quyết khiếu nại và các báo cáo định kỳ.

Các chính sách và quy trình này cần được biên soạn thành sổ tay hướng dẫn vận hành, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, dễ hiểu cho tất cả nhân viên và được cập nhật thường xuyên.

Hình 3 Tổng quan cấu trúc hệ thống quản lý rủi ro MTXH



3.1. CHÍNH SÁCH VỀ MTXH

3.1.1. Chính sách MTXH

Chính sách MTXH là một tuyên bố bằng văn bản, nêu rõ tầm nhìn và sứ mệnh của TCTD đối với MTXH và đóng góp cho sự phát triển bền vững. Tùy theo định hướng chiến lược của tổ chức, chính sách MTXH có thể được thiết kế như một phần của hệ thống chính sách quản lý rủi ro MTXH, hoặc là một phần trong chiến lược phát triển bền vững của TCTD. Văn bản này cần được quản lý cấp cao phê duyệt và hỗ trợ triển khai thực hiện. Chính sách MTXH thường bao gồm một hoặc nhiều tuyên bố và cam kết sau:

CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHÍNH SÁCH MTXH

- ✓ Tích hợp các cân nhắc về rủi ro MTXH trong tất cả các giao dịch, hoạt động cấp tín dụng, đầu tư;
- ✓ Đặt ra các mục tiêu chiến lược về MTXH, như là cung cấp sản phẩm mới đáp ứng tính bền vững về MTXH;
- ✓ Loại trừ việc cấp vốn tín dụng cho các khách hàng mà hoạt động kinh doanh không đáp ứng các tiêu chuẩn của TCTD; chính sách dành riêng cho một số ngành nghề nhạy cảm với các yếu tố MTXH;
- ✓ Thiết lập các yêu cầu về MTXH đối với khách hàng như tuân thủ với các quy định về MTXH trong nước và các tiêu chuẩn quốc tế;
- ✓ Cách thức truyền thông các kỳ vọng về MTXH tới tất cả nhân viên, khách hàng và các bên có liên quan khác;
- ✓ Cam kết cải thiện hiệu quả hoạt động MTXH tổng thể của danh mục tín dụng/đầu tư của TCTD thông qua tăng cường quản lý rủi ro; và
- ✓ Cam kết liên tục nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên của mình để quản lý rủi ro MTXH.

Thực tế sẽ **không có một bản chính sách MTXH tiêu chuẩn hay mẫu chuẩn phù hợp với mọi TCTD**. Các nội dung của chính sách phải được điều chỉnh phù hợp với các mục tiêu riêng của từng TCTD, phản ánh các ưu tiên và mối quan tâm chính về MTXH của tổ chức (khẩu vị rủi ro và danh mục tín dụng), các quy định của quốc gia, và các tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến MTXH. Cán bộ phụ trách MTXH có thể bắt đầu phát triển chính sách MTXH bằng cách xem xét danh mục đầu tư của TCTD để hiểu rõ về rủi ro MTXH tiềm ẩn trong các hoạt động cấp tín dụng, đầu tư của tổ chức mình.

**THÔNG LỆ TỐT**

- Chính sách MTXH tập trung vào tất cả các hoạt động tài chính, nêu rõ các mục tiêu, nguyên tắc, tiêu chuẩn MTXH mà TCTD áp dụng (ở mức độ đã được điều chỉnh phù hợp với đặc điểm cụ thể của tổ chức)
- Chính sách này được Ban điều hành và Hội đồng quản trị chính thức phê duyệt và ký ban hành, đồng thời Ban điều hành chịu trách nhiệm triển khai và thực thi. Chính sách cần được truyền thông đến các bên liên quan để đảm bảo thực hiện hiệu quả.
- Chính sách MTXH liên tục được rà soát và cập nhật. Các cân nhắc về MTXH được tích hợp vào các mục tiêu chiến lược và hoạt động cũng như vào khuôn khổ quản lý rủi ro của tổ chức.

CÁC TIÊU CHUẨN MTXH CÓ THỂ BAO GỒM

- Quy định MTXH của quốc gia:
 - Các hoạt động của khách hàng/nhà đầu tư phải tuân theo khung pháp lý MTXH của quốc gia nơi hoạt động diễn ra.
 - TCTD/Tổ chức tài chính cần hiểu rõ các quy định MTXH quốc gia và các cam kết quốc tế mà quốc gia đó là thành viên ký kết.
- Tiêu chuẩn quốc tế:
 - Các hoạt động của khách hàng/nhà đầu tư có thể phải tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế như Tiêu chuẩn hoạt động của IFC, được coi là thực hành tốt trong tài trợ dự án và tài trợ doanh nghiệp dài hạn, do các tổ chức tài chính phát triển quốc tế thiết lập.
 - Tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững quốc tế khách hàng đã cam kết trong các chứng nhận quốc tế liên quan.

**THAM KHẢO THÊM**

- Phụ lục 5: Danh sách phân loại rủi ro MTXH theo ngành của Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Châu Âu (EBRD - European Bank for Reconstruction and Development)
- Phụ lục 6: Mẫu đề cương chính sách MTXH
- Công cụ chẩn đoán Hệ thống quản lý MTXH của IFC dành cho các tổ chức tài chính (Xem phần Chính sách) - IFC ESMS Diagnostic Tool tại <https://www.ifcesmsdiagnostic.org/>

3.1.2. Danh sách không cấp tín dụng

Danh sách không cấp tín dụng (danh sách loại trừ) là một phần quan trọng của Chính sách MTXH của TCTD. Danh mục này giúp xác định rõ các ngành, nghề và hoạt động kinh doanh mà TCTD không cấp tín dụng hoặc không hỗ trợ tài chính do các rủi ro MTXH cao và không tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Danh sách loại trừ của TCTD thường bao gồm các ngành, nghề bị cấm đầu tư kinh doanh, các sản phẩm, dịch vụ bị cấm lưu hành theo quy định của pháp luật Việt Nam, và các quy định, công ước, hiệp ước quốc tế mà Việt Nam và/hoặc TCTD là thành viên. TCTD cũng có thể cân nhắc tích hợp các ngành nghề, hoạt động kinh doanh không phù hợp với khẩu vị rủi ro của TCTD, và các cam kết theo yêu cầu của các nhà đầu tư/ tài trợ.

Danh mục các ngành, nghề và hoạt động bị loại trừ nên bao gồm các thông tin cụ thể về từng ngành, nghề và lý do loại trừ.

Cần đảm bảo rằng tất cả các nhân viên liên quan được đào tạo và nắm rõ về danh mục loại trừ. Điều này giúp đảm bảo việc tuân thủ đúng các quy định và hạn chế rủi ro.

Danh mục loại trừ cần được giám sát thường xuyên và cập nhật kịp thời khi có sự thay đổi về quy định pháp luật hoặc khi phát hiện các rủi ro mới, có sự điều chỉnh khẩu vị rủi ro của TCTD.



THAM KHẢO THÊM

➤ Phụ lục 7 Danh sách loại trừ (các quy định tham khảo), danh sách loại trừ của IFC

3.1.3. Chính sách tín dụng đối với một số ngành nhạy cảm

Tùy vào khẩu vị rủi ro của từng TCTD, các chính sách MTXH dành riêng cho một hoặc một số ngành kinh tế/ hoạt động sản xuất kinh doanh có thể được ban hành nhằm kiểm soát các tác động MTXH trọng yếu.

Chính sách này thường áp dụng đối với các ngành có rủi ro MTXH đáng kể và/hoặc có tác động lớn đến các cam kết phát triển bền vững, đặc biệt là cam kết phát thải ròng bằng 0 (Net Zero), quá trình chuyển đổi năng lượng, và quản lý tài nguyên thiên nhiên. Các ngành và hoạt động sản xuất kinh doanh thường được xem xét ban hành chính sách riêng bao gồm:

- **Năng lượng hóa thạch:** Điện than, khai thác dầu khí, lọc hóa dầu, khí đốt tự nhiên.

Tập đoàn ING – Chính sách về Điện than¹³

- Trước Hội nghị thượng đỉnh về Khí hậu Paris năm 2015, ING đã quyết định ngừng tài trợ cho các nhà máy điện than mới (trừ cam kết đối với dự án Cirebon II tại Indonesia).
- Năm 2017, ING đặt mục tiêu giảm tài trợ điện than xuống gần bằng 0 vào cuối năm 2025. Nhờ các chính sách này, tài trợ từng nhà máy điện chạy bằng than đã giảm hơn 87% xuống còn tổng dư nợ khoảng 77 triệu euro vào cuối năm 2023.
- Đến cuối năm 2025, chính sách của ING là không còn tài trợ cho các khách hàng trong lĩnh vực sản xuất năng lượng phụ thuộc hơn 5% vào than. Tuy nhiên, ING sẽ tiếp tục tài trợ cho các dự án năng lượng không phải than cho những khách hàng này để hỗ trợ quá trình chuyển đổi năng lượng của họ.

¹³ Xem thêm tại: <https://www.ing.com/Sustainability/Our-Stance/Energy.htm>

BNP Paribas – Chính sách về ngành Dầu khí¹⁴

Tính đến năm 2023, BNP Paribas đã cam kết không còn cung cấp bất kỳ khoản tài trợ nào dành riêng cho việc phát triển các mỏ dầu khí mới, bất kể phương thức tài trợ nào. Quyết định này phù hợp với chiến lược của ngân hàng nhằm bỏ dần hỗ trợ cho các dự án nhiên liệu hóa thạch và chuyển hướng đầu tư sang các nguồn năng lượng carbon thấp.

Ngân hàng cũng đặt mục tiêu giảm 80% tài trợ cho hoạt động thăm dò và sản xuất dầu mỏ vào năm 2030, giảm từ 5 tỷ euro xuống dưới 1 tỷ euro.

BNP Paribas có kế hoạch cắt giảm hơn 30% nguồn tài trợ cho hoạt động thăm dò và sản xuất khí đốt vào năm 2030, so với mức cơ sở là tháng 9 năm 2022. Trọng tâm sẽ là tài trợ cho các nhà máy điện nhiệt thể hệ mới, phát thải thấp, cũng như hoạt động đảm bảo an ninh nguồn cung, các trạm khí đốt và đội tàu vận chuyển khí đốt.

- **Năng lượng hạt nhân:** Xây dựng và vận hành nhà máy điện hạt nhân.

Tập đoàn Crédit Agricole – Chính sách về Điện hạt nhân¹⁵

Crédit Agricole CIB đã áp dụng một Khung chính sách toàn diện theo ngành, thiết lập các tiêu chí về môi trường và xã hội cho nhiều ngành khác nhau, trong đó có năng lượng hạt nhân. Các chính sách này xác định các tiêu chí phân tích được xem xét khi thẩm định các giao dịch cũng như các tiêu chí loại trừ các dự án và hoạt động mà ngân hàng sẽ không tài trợ. Chính sách Năng lượng hạt nhân là một phần của Khung chính sách toàn diện này, phản ánh cam kết của ngân hàng đối với hoạt động tài trợ có trách nhiệm trong lĩnh vực năng lượng.

Ngân hàng này tích cực hỗ trợ các dự án năng lượng hạt nhân góp phần vào quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế các-bon thấp. Ví dụ, Crédit Agricole CIB đã đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ Korea Hydro and Nuclear Power (KHNP) phát hành trái phiếu hạt nhân xanh đầu tiên của Châu Á. Số tiền thu được từ trái phiếu này được dành cho các khoản đầu tư nghiên cứu và phát triển nhằm nâng cao tính an toàn của các nhà máy điện hạt nhân và phát triển các công nghệ hạt nhân thế hệ tiếp theo.

Chính sách Năng lượng hạt nhân của Crédit Agricole CIB một mặt thể hiện cam kết hỗ trợ các giải pháp năng lượng bền vững, mặt khác nêu rõ yêu cầu đánh giá nghiêm ngặt về rủi ro môi trường và xã hội đối với các dự án này. Ngân hàng đảm bảo rằng tất cả các dự án năng lượng hạt nhân được tài trợ đều tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn hiện hành và đóng góp tích cực vào quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp.

14 Xem thêm tại: https://cdn-group.bnpparibas.com/uploads/file/bnpparibas_csr_sector_policy_oil_gas.pdf

15 Xem thêm tại: <https://www.credit-agricole.com/en/pdfPreview/173426>

- **Khai thác tài nguyên:** Khai thác khoáng sản, mỏ, các hoạt động khai thác rừng tự nhiên, đánh bắt hải sản có nguy cơ gây tổn hại hệ sinh thái.

Société Générale – Chính sách về ngành Khai thác mỏ¹⁶

Ngân hàng tiến hành đánh giá kỹ lưỡng các rủi ro tiềm ẩn về môi trường và xã hội liên quan đến các dự án khai thác mỏ, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn và cam kết quốc tế.

Ngân hàng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hợp tác với cộng đồng địa phương và giải quyết các vấn đề liên quan đến tái định cư bắt buộc, đảm bảo rằng những người dân bị ảnh hưởng được đối xử công bằng và bình đẳng.

Chính sách cũng nhấn mạnh yêu cầu các dự án khai thác mỏ phải giảm thiểu tác động đến đa dạng sinh học và hệ sinh thái, thúc đẩy áp dụng các thông lệ tốt về sử dụng đất bền vững và quản lý tài nguyên hiệu quả.

- **Các ngành có nguy cơ tác động lớn đến MTXH:** Dự án đập thủy điện lớn, sản xuất xi măng, gang thép, hóa chất công nghiệp, dệt nhuộm, nông nghiệp thâm canh có sử dụng hóa chất độc hại.¹⁷

Chính sách tín dụng đối với ngành nhạy cảm có thể bao gồm các nội dung sau:

1. **Phạm vi áp dụng:** Xác định các ngành/hoạt động cụ thể thuộc danh mục nhạy cảm của TCTD.
2. **Yêu cầu sàng lọc và đánh giá rủi ro:** Yêu cầu đánh giá rủi ro MTXH trước khi cấp tín dụng, bao gồm cả rủi ro pháp lý và rủi ro danh tiếng.
3. **Điều kiện cấp tín dụng:** Yêu cầu khách hàng đáp ứng các tiêu chuẩn MTXH bổ sung (ví dụ: báo cáo phát thải, cam kết giảm tác động xã hội...), và/hoặc các tiêu chí rủi ro cụ thể (ví dụ: mức độ phát thải CO₂ cho ngành năng lượng).
4. **Hạn chế và loại trừ cấp tín dụng:** Các điều kiện hạn chế hoặc dừng cấp tín dụng đối với các hoạt động có tác động MTXH nghiêm trọng.
5. **Giám sát và báo cáo:** Cơ chế giám sát khách hàng sau cấp tín dụng để đảm bảo tuân thủ các cam kết về MTXH, và các quy định về báo cáo rủi ro MTXH đối với danh mục tín dụng ngành nhạy cảm.

Chính sách tín dụng đối với ngành nhạy cảm có thể **được lồng ghép vào chính sách tín dụng tổng thể**, đảm bảo tích hợp quản lý rủi ro MTXH vào toàn bộ danh mục tín dụng, **hoặc được ban hành như một chính sách riêng** nếu ngành đó có mức độ rủi ro trọng yếu và cần có quy trình kiểm soát chặt chẽ.

Việc thiết lập chính sách tín dụng ngành nhạy cảm giúp TCTD chủ động quản lý rủi ro chuyển đổi, bảo vệ danh mục đầu tư trước các thay đổi về pháp lý và thị trường liên quan đến phát triển bền vững.

¹⁶ Xem thêm tại: <https://www.societegenerale.com/sites/default/files/documents/CSR/mining-sector-policy.pdf>

¹⁷ Tham khảo chính sách ngành Thủy điện của Société Générale tại <https://www.societegenerale.com/sites/default/files/documents/CSR/dams-hydropower-sector-policy.pdf>

3.2. CƠ CẤU VÀ NĂNG LỰC TỔ CHỨC

Để một hệ thống quản lý rủi ro MTXH hoạt động hiệu quả, các TCTD cần phân định rõ ràng vai trò và trách nhiệm của từng đơn vị liên quan. Việc này giúp đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban, từ cấp quản lý cao nhất đến các nhân sự trực tiếp thực hiện đánh giá và giám sát rủi ro.

Mặc dù không có một mô hình tổ chức duy nhất, nhưng các TCTD có thể tham khảo các thực hành tốt dưới đây để xây dựng hệ thống quản lý rủi ro MTXH phù hợp với quy mô, chiến lược và khẩu vị rủi ro của mình.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị (HĐQT)

HĐQT đóng vai trò chủ đạo trong việc định hướng và giám sát thực hiện hệ thống quản lý rủi ro MTXH. Các trách nhiệm của HĐQT bao gồm:

- *Phê duyệt và ký ban hành chính sách MTXH:* Đảm bảo rằng chính sách MTXH được triển khai phù hợp với chiến lược và mục tiêu tổng thể của tổ chức.
- *Giám sát thực hiện:* Theo dõi và đánh giá hiệu quả của hệ thống quản lý rủi ro MTXH, đảm bảo việc thực thi đúng các quy định nội bộ và tiêu chuẩn MTXH đã ban hành.
- *Xem xét định kỳ:* Phê duyệt các báo cáo định kỳ về hiệu quả hoạt động MTXH, yêu cầu cập nhật các chính sách MTXH dựa trên các thay đổi pháp lý và điều kiện thị trường.

Trách nhiệm của Ban điều hành và Tổng giám đốc

Ban điều hành, dưới sự lãnh đạo của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm triển khai và quản lý hàng ngày hệ thống quản lý rủi ro MTXH, đảm bảo rằng các chính sách và quy trình được thực hiện đúng đắn và hiệu quả. Các trách nhiệm này bao gồm:

- *Thực hiện chiến lược:* Đảm bảo rằng chính sách và quy trình quản lý rủi ro MTXH được tích hợp vào các hoạt động kinh doanh hàng ngày và quyết định quản lý của tổ chức.
- *Điều hành và giám sát:* Giám sát việc thực hiện các quy trình quản lý rủi ro MTXH, và đảm bảo rằng các phòng ban liên quan phối hợp chặt chẽ để đạt được mục tiêu MTXH.
- *Báo cáo và cập nhật:* Cập nhật HĐQT về tình hình thực hiện hệ thống quản lý rủi ro MTXH và đề xuất các điều chỉnh cần thiết để cải thiện hiệu quả.

Nhân viên kinh doanh/Cán bộ quản lý khách hàng (Đơn vị đề xuất cấp tín dụng)

- *Sàng lọc, rà soát* hoạt động của khách hàng và đề xuất cấp tín dụng theo các yêu cầu MTXH trên cơ sở trao đổi với khách hàng và các bên liên quan.
- *Thu thập thông tin về khách hàng, các tài liệu, hồ sơ* cấp phép liên quan đến giao dịch được đề xuất.
- *Thực hiện khảo sát thực địa* (nếu cần) để thu thập thông tin bổ sung nhằm hỗ trợ quá trình đánh giá và trả lời các câu hỏi của bộ phận thẩm định tín dụng.
- *Theo dõi và đánh giá* mức độ tuân thủ về MTXH của khách hàng sau khi cấp tín dụng.

Bộ phận thẩm định tín dụng

- Thực hiện đánh giá rủi ro MTXH của từng khoản vay trên cơ sở hồ sơ của khách hàng.
- Đề xuất các điều kiện cấp tín dụng liên quan đến MTXH.

Bộ phận quản lý rủi ro tín dụng

- Giám sát rủi ro MTXH trên toàn danh mục tín dụng.
- Đánh giá các xu hướng rủi ro MTXH có thể ảnh hưởng đến danh mục đầu tư.
- Phối hợp với các đơn vị khác để cập nhật các tiêu chí đánh giá rủi ro MTXH.

Bộ phận Pháp chế

- *Rà soát và cập nhật các quy định hiện hành liên quan đến MTXH vào các quy định nội bộ;*
- *Xây dựng các điều khoản chuẩn về MTXH trong hợp đồng tín dụng.*

Cấp phê duyệt tín dụng:

- Xem xét và phê duyệt hồ sơ tín dụng có liên quan đến rủi ro MTXH. Trong quá trình đó, phải đảm bảo rằng các thông tin MTXH quan trọng được đánh giá đầy đủ, và điều kiện tín dụng có thể được điều chỉnh phù hợp nhằm kiểm soát rủi ro MTXH.
- Đảm bảo các điều khoản MTXH (ví dụ: hành động khắc phục, giám sát và báo cáo) được xác định trong quá trình thẩm định MTXH đều được đưa vào hợp đồng tín dụng.

Cán bộ đầu mối MTXH

- *Triển khai và quản lý hệ thống quản lý rủi ro MTXH trong TCTD, bao gồm việc phát triển, tích hợp và triển khai hệ thống MTXH.*
- Phối hợp với bộ phận Nhân sự để đào tạo và nâng cao nhận thức về MTXH trong nội bộ tổ chức.
- Báo cáo định kỳ về tình hình rủi ro MTXH cho HĐQT, Ban điều hành/ Tổng giám đốc của TCTD về tình trạng hiện tại của danh mục đầu tư có liên quan đến rủi ro MTXH, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình ra quyết định khi có vấn đề MTXH chưa được giải quyết hoặc không tuân thủ. Cán bộ đầu mối MTXH cũng chịu trách nhiệm báo cáo định kỳ cho NHHH khi được yêu cầu. Cán bộ đầu mối MTXH có thể được Ban điều hành yêu cầu đưa ra ý kiến về các vấn đề MTXH quan trọng của một lĩnh vực cụ thể.

Các vai trò và trách nhiệm này phải được ghi nhận bằng văn bản và truyền đạt rộng rãi trong tổ chức để đảm bảo mọi người đều nhận thức rõ và thực hiện đúng đắn các nhiệm vụ của mình liên quan đến quản lý rủi ro MTXH.



THÔNG LỆ TỐT

- Chức năng quản lý rủi ro MTXH có thể được giao cho Bộ phận Quản lý Rủi ro và báo cáo lên Giám đốc Rủi ro (CRO). Các bộ phận hỗ trợ khác có thể đảm nhận các vai trò riêng biệt, ví dụ như Pháp chế theo dõi tuân thủ pháp luật quốc gia.
- Đội ngũ nhân sự MTXH có trình độ chuyên môn và hiểu biết toàn diện về rủi ro MTXH và các tác động tiềm ẩn. Tất cả nhân sự chịu trách nhiệm Quản lý Rủi ro MTXH cần được đào tạo bài bản và cập nhật kiến thức chuyên sâu định kỳ về chủ đề này.
- Ban điều hành cần thể hiện cam kết rõ ràng trong quản lý rủi ro MTXH thông qua việc tích cực giám sát, ra quyết định và giải trình. Nhân sự MTXH cần được tham gia vào quy trình thẩm định và ra quyết định tín dụng, đảm bảo thông tin MTXH luôn được xem xét đầy đủ trong toàn bộ quá trình. Vai trò và trách nhiệm MTXH được quy định/ghi nhận bằng văn bản và có nhận thức rộng rãi về chức năng MTXH trong tổ chức.
- HĐQT cần giám sát các hoạt động MTXH như một nội dung định kỳ. Các thành viên HĐQT nên được đào tạo về MTXH và có ít nhất một người có kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực này. Tổ chức có thể thành lập tiểu ban MTXH trực thuộc HĐQT để tăng cường giám sát và thúc đẩy đối thoại với các bên liên quan.
- Nhân sự không trực tiếp làm về MTXH cũng cần được phổ biến các cam kết MTXH của TCTD để nâng cao nhận thức và đảm bảo phối hợp hiệu quả giữa các bộ phận trong tổ chức.
- Quy trình tiếp nhận nhân sự mới cần bao gồm nội dung đào tạo cơ bản về MTXH nhằm đảm bảo sự thống nhất trong thực thi chính sách và quy trình quản lý rủi ro MTXH của TCTD.

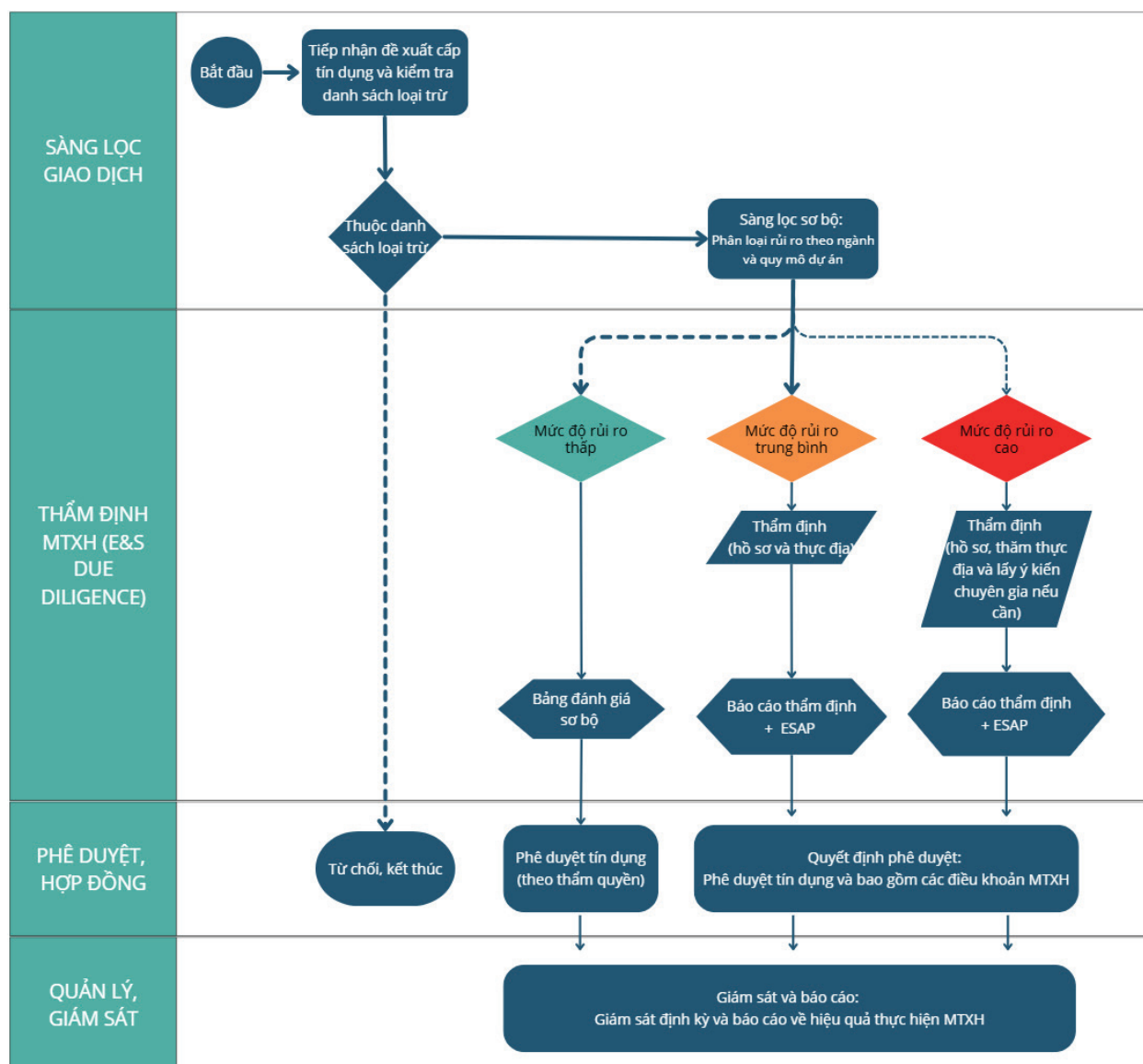


THAM KHẢO THÊM

- Phụ lục 8: Mẫu bản mô tả công việc của cán bộ quản lý về MTXH (Tài liệu tiếng Anh: *ESMS Officer Job Description_1.pdf* (firstforsustainability.org))

3.3. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ RỦI RO MTXH TRONG HOẠT ĐỘNG CẤP TÍN DỤNG

Hệ thống quản lý rủi ro MTXH của một TCTD phải được thực hiện thông qua một quy trình đánh giá và thẩm định chặt chẽ. Quy trình này nhằm nhận diện, đánh giá và quản lý các rủi ro MTXH có thể phát sinh từ các hoạt động cấp tín dụng, đảm bảo rằng các quyết định tài trợ được thực hiện dựa trên thông tin đầy đủ và các rủi ro MTXH tiềm ẩn được giảm thiểu một cách hiệu quả. Quy trình này bao gồm các bước từ sàng lọc sơ bộ đến giám sát và báo cáo định kỳ, nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn MTXH, đồng thời bảo vệ tổ chức tín dụng khỏi các rủi ro pháp lý, tài chính và uy tín.

Hình 4: Sơ đồ quy trình đánh giá, thẩm định rủi ro MTXH

Phần dưới đây sẽ giải thích chi tiết hoạt động của từng giai đoạn, bao gồm các nội dung thẩm định, phương pháp và các công cụ liên quan.

3.3.1. Sàng lọc giao dịch

Sàng lọc giao dịch là bước đầu tiên trong quy trình quản lý rủi ro MTXH (Hình 4). Mục tiêu của bước này là:

- Đảm bảo giao dịch không vi phạm các tiêu chí loại trừ của TCTD, và
- Phân loại sơ bộ mức độ rủi ro MTXH để xác định yêu cầu thẩm định tiếp theo.

Sàng lọc giao dịch bao gồm **hai hoạt động chính**:

- **Sàng lọc theo danh sách loại trừ:** Nhằm loại bỏ các giao dịch không đáp ứng các tiêu chí tối thiểu về MTXH.

- **Sàng lọc và phân loại mức độ rủi ro MTXH:** Nhằm xác định mức độ rủi ro và yêu cầu thẩm định phù hợp.

3.3.1.1 Sàng lọc theo danh sách loại trừ

Sàng lọc theo danh sách loại trừ giúp đảm bảo giao dịch không thuộc các danh mục bị cấm hoặc có rủi ro nghiêm trọng theo chính sách của TCTD.

Cách thức thực hiện: Nhân viên TCTD (thuộc đơn vị đề xuất giao dịch) tiến hành kiểm tra đề xuất cấp tín dụng dựa trên:

1. **Danh sách loại trừ** của TCTD (hoạt động bị cấm do rủi ro MTXH quá cao),
2. **Danh sách theo dõi (Watchlist):** Khách hàng có lịch sử vi phạm nghiêm trọng về MTXH hoặc bị xử lý theo quy định pháp luật, và
3. Các **tiêu chí hạn chế** khác của TCTD (danh sách ngành nghề, lĩnh vực nhạy cảm, danh sách cấm của nhà tài trợ, tổ chức quốc tế).

Xử lý kết quả sàng lọc: Giao dịch bị loại trừ:

- Nếu đề xuất cấp tín dụng đó nằm trong **danh sách các hoạt động bị loại trừ** của TCTD, đề xuất cấp tín dụng đó sẽ **không được xem xét cấp tín dụng**.
- Nếu khách hàng nằm trong danh sách ngành nghề/lĩnh vực nhạy cảm với yếu tố MTXH hoặc theo dõi (watchlist) do đã từng gặp **sự cố MTXH nghiêm trọng** trong quá trình hoạt động kinh doanh, hoặc/và đã từng vi phạm các quy định pháp luật về MTXH; và dự án/hoạt động kinh doanh mà khách hàng xin vay vốn **không có các biện pháp cụ thể và rõ ràng nhằm giảm thiểu rủi ro tiềm ẩn** đối với TCTD trong tương lai, thì giao dịch đó sẽ **không được chấp nhận**.

3.3.1.2. Sàng lọc và phân loại mức độ rủi ro MTXH

Đối với các giao dịch không bị loại trừ sẽ tiếp tục được phân loại rủi ro MTXH. TCTD tiến hành **phân loại sơ bộ mức độ rủi ro MTXH** dựa trên:

- **Khung phân loại rủi ro** do TCTD xây dựng, tham chiếu các tiêu chuẩn pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế;
- Các yếu tố cần xem xét:
 - Quy mô, công suất, loại hình hoạt động, địa điểm dự án,
 - Các yếu tố nhạy cảm về môi trường và xã hội,¹⁸
 - Lịch sử vi phạm MTXH của khách hàng (nếu có),
 - Các yêu cầu hạn chế theo quy định của TCTD hoặc nhà tài trợ, tổ chức tài chính quốc tế.

Phân loại rủi ro MTXH được thực hiện như sau:

- **Rủi ro thấp:**
 - Dự án có tác động MTXH không đáng kể và có thể kiểm soát dễ dàng.

¹⁸ Ví dụ như có khả năng gây tổn thất đến môi trường sống tự nhiên quan trọng, ảnh hưởng đến các nhóm dễ bị tổn thương hoặc tập thể dân tộc thiểu số, liên quan đến việc di dời và tái định cư bắt buộc hoặc ảnh hưởng đến các di sản văn hóa quan trọng.

- **Rủi ro trung bình:**

- Dự án có tác động MTXH vừa phải nhưng có thể giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý,
- Cần thẩm định hồ sơ kỹ lưỡng, trong một số trường hợp có thể yêu cầu đánh giá thực địa.

- **Rủi ro cao:**

- Dự án có khả năng gây tác động MTXH lớn, khó khắc phục
- Cần thẩm định chuyên sâu, bao gồm thẩm định dựa trên hồ sơ và đánh giá thực địa
- Trong một số trường hợp cần thiết, chuyên gia độc lập có thể được sử dụng để đưa ra đánh giá khách quan. Chuyên gia này có thể là chuyên gia nội bộ của TCTD hoặc chuyên gia thuê ngoài.

Kết quả của bước sàng lọc:

- Kết quả sàng lọc (bao gồm việc loại trừ và phân loại sơ bộ về MTXH phải được ghi nhận trong Tờ trình/ Báo cáo đề xuất cấp tín dụng để tiếp tục các bước thẩm định và phê duyệt tín dụng tiếp theo.
- Đề xuất cấp tín dụng được đánh giá là có tiềm năng sẽ chuyển sang giai đoạn **thẩm định rủi ro MTXH** (E&S Due Diligence).



THAM KHẢO THÊM

➤ Phụ lục 7: Danh sách loại trừ (các quy định tham khảo), danh sách loại trừ của IFC

3.3.2. Thẩm định MTXH (E&S Due Diligence)

Thẩm định MTXH là bước thứ hai, được thực hiện sau khi giao dịch vượt qua bước sàng lọc (Hình 4). Tại đây, TCTD sẽ tiến hành đánh giá sâu hơn các rủi ro và tác động MTXH liên quan đến giao dịch. Thẩm định MTXH có thể bao gồm các phương pháp như: đánh giá hồ sơ, thẩm định thực địa, và sử dụng ý kiến của chuyên gia độc lập nếu cần. Mức độ thẩm định sẽ phụ thuộc vào phân loại rủi ro khi đánh giá hồ sơ, giúp đảm bảo rằng mọi tác động bất lợi tiềm tàng được nhận diện và quản lý hiệu quả.

Tiến hành thẩm định MTXH đối với các giao dịch là một phần quan trọng trong quản lý rủi ro MTXH của TCTD và kết quả hoạt động này phải được đưa vào quá trình ra quyết định để tiến hành giao dịch.

Mục tiêu của thẩm định MTXH bao gồm:

- Xác định và đánh giá các tác động và vấn đề MTXH tiềm ẩn, cả bất lợi và có lợi, liên quan đến một giao dịch được đề xuất;
- Đánh giá nhận thức, cam kết và năng lực của khách hàng về quản lý một cách có trách nhiệm các rủi ro MTXH;
- Xác định các khía cạnh không tuân thủ của khách hàng theo luật pháp về môi trường, sức khỏe, và toàn lao động và các tiêu chuẩn hiện hành khác (ví dụ thiếu các giấy phép đặc thù của ngành hoặc vi phạm các quy định trong quản lý các chất ô nhiễm...) và xác định các biện pháp khắc phục cần thiết;
- Đánh giá các biện pháp của khách hàng trong việc phòng tránh, giảm thiểu hoặc bù đắp cho các tác động bất lợi đối với người lao động, cộng đồng bị ảnh hưởng và môi trường;¹⁹

¹⁹ TCTD đánh giá xem các biện pháp của khách hàng có đủ để giải quyết những tác động tiêu cực đến người lao động, cộng đồng và môi trường hay không thông qua quy trình thẩm định rủi ro MTXH toàn diện trong đó có thể tham khảo ý kiến của các chuyên gia môi trường xã hội đối với những vấn đề MTXH phức tạp.

- Đảm bảo về hồ sơ pháp lý của giao dịch đầy đủ các yếu tố phù hợp để buộc khách hàng tuân thủ tất cả các quy định về MTXH cũng như các biện pháp khắc phục các khía cạnh không tuân thủ.

Các hoạt động thẩm định MTXH:

Thẩm định MTXH có thể được thực hiện theo ba cấp độ chính, tùy thuộc vào mức độ rủi ro của giao dịch:

1. **Đánh giá hồ sơ** - Xem xét các tài liệu liên quan đến MTXH, lịch sử tuân thủ MTXH của khách hàng, các báo cáo đánh giá MTXH có sẵn.
2. **Thẩm định thực địa** – Áp dụng cho các dự án có rủi ro MTXH trung bình hoặc cao, bao gồm việc khảo sát trực tiếp địa điểm, gặp gỡ các bên liên quan để đánh giá thực tế tác động.
3. **Sử dụng chuyên gia tư vấn độc lập** – Khi rủi ro MTXH phức tạp hoặc vượt quá khả năng đánh giá kỹ thuật nội bộ của TCTD, có thể cần tham vấn chuyên gia bên ngoài để có cái nhìn đầy đủ hơn về tác động MTXH và các biện pháp giảm thiểu.

Bảng 2: Mức độ đánh giá và thẩm định MTXH cho một số loại sản phẩm tín dụng

Mức độ thẩm định Loại giao dịch	Sàng lọc và phân loại sơ bộ giao dịch	Đánh giá dựa trên hồ sơ	Thẩm định dựa trên thẩm thực địa và sử dụng chuyên gia tư vấn
Cấp tín dụng hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp siêu nhỏ (theo doanh thu, số lao động ... hoặc số tiền vay)	✓		
Cấp tín dụng hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các lĩnh vực, ngành không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường	✓		
Cấp tín dụng hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các lĩnh vực, ngành có rủi ro MTXH thấp	✓	✓	
Cấp tín dụng hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các lĩnh vực, ngành có rủi ro MTXH mức độ trung bình	✓	✓	✓
Cấp tín dụng doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các lĩnh vực, ngành có rủi ro MTXH mức độ cao	✓	✓	✓ (và tư vấn của chuyên gia độc lập nếu cần)
Cấp tín dụng doanh nghiệp liên quan đến dự án/tài trợ dự án	✓	✓	✓ (và tư vấn của chuyên gia độc lập nếu cần)
Cấp tín dụng doanh nghiệp trung và dài hạn mua sắm tài sản	✓	✓	✓
Cấp tín dụng doanh nghiệp ngắn hạn, thanh toán công nợ, bổ sung vốn lưu động	✓	✓	

Đánh giá dựa trên hồ sơ

Đánh giá dựa trên hồ sơ bao gồm việc xem xét tính đầy đủ và hợp lệ của các tài liệu liên quan đến các vấn đề môi trường và xã hội của giao dịch được đề xuất, các khía cạnh kỹ thuật trong hoạt động của khách hàng, và xác minh sự tuân thủ các quy định MTXH của khách hàng.

Thông tin phục vụ công tác quản lý rủi ro MTXH trong hoạt động cấp tín dụng bao gồm các loại sau²⁰:

1. *Thông tin về môi trường và xã hội của dự án đầu tư của khách hàng:*

- Hồ sơ và thông tin liên quan đến các khía cạnh môi trường và xã hội của dự án đầu tư hoặc hoạt động kinh doanh của khách hàng

2. *Tài liệu pháp lý và giấy phép:*

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá sơ bộ tác động môi trường, Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật, Giấy phép môi trường, Đăng ký môi trường (nếu có).
- Các giấy phép hoặc phê duyệt liên quan đến quản lý lao động, an toàn vệ sinh lao động và các vấn đề xã hội khác (nếu có).

3. *Báo cáo và kết quả kiểm tra từ cơ quan chức năng:*

- Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền về bảo vệ môi trường (nếu có).
- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường, báo cáo liên quan đến tình hình sử dụng lao động của khách hàng gửi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và lao động.

4. *Thông tin khảo sát thực tế:*

- Báo cáo từ khảo sát thực địa và các thông tin từ cơ quan chức năng, tổ chức xã hội và cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp về hoạt động của dự án đầu tư của khách hàng liên quan đến thực hiện quy định về bảo vệ môi trường (nếu có).

5. *Cam kết và báo cáo từ khách hàng:*

- Báo cáo của khách hàng gửi TCTD về việc thực hiện các cam kết nhằm hạn chế rủi ro về MTXH theo thỏa thuận cấp tín dụng.

6. *Thông tin từ các bên liên quan:*

- Báo cáo của các cơ quan, tổ chức phải thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có).
- Phản hồi và ý kiến từ các tổ chức xã hội, cộng đồng địa phương hoặc các chuyên gia độc lập (nếu có).

7. *Đánh giá chuyên sâu (áp dụng cho dự án phức tạp):*

- **Báo cáo đánh giá tác động môi trường xã hội:** Bổ sung thông tin đánh giá các tác động xã hội của dự án bên cạnh các tác động môi trường, thường được thực hiện theo các quy định và chuẩn mực của nhà đầu tư là các tổ chức tài chính đầu tư quốc tế.
- **Báo cáo đánh giá tác động tích lũy:** Đánh giá các tác động môi trường và xã hội tích lũy có khả năng xảy ra từ dự án đối với các dự án đang hoạt động hoặc sẽ thực hiện trong khu vực ảnh hưởng của nó.
- **Kế hoạch Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMP):** Quy định các biện pháp giảm thiểu rủi ro MTXH, giám sát và thực thi trong các giai đoạn thiết kế, xây dựng và vận hành của dự án. ESMP được tích hợp với hồ sơ mời thầu dành cho nhà thầu xây dựng và việc thực hiện ESMP sẽ trở thành nghĩa vụ hợp đồng đối với nhà thầu.

²⁰ Nội dung này có bao gồm cả các quy định tại Điều 5 của Thông tư số 17/2022/TT-NHNN ngày 23 tháng 12 năm 2022

- **Kế hoạch tái định cư:** Một kế hoạch hành động cụ thể, bao gồm khung thời gian và ngân sách, về quyền lợi, trách nhiệm, hành động và nguồn lực để đảm bảo tái định cư công bằng và phù hợp khi dự án yêu cầu thu hồi đất giám sát và đánh giá.
- **Báo cáo đánh giá rủi ro MTXH của chuỗi cung ứng** (thường áp dụng đối với các dự án sản xuất nông nghiệp).

8. Các thông tin bổ sung liên quan đến MTXH:

- Dữ liệu về ô nhiễm tiếng ồn, cháy nổ, quản lý chất thải và các nguy cơ MTXH khác có thể xảy ra.
- Đánh giá các tác động xã hội đối với sức khỏe cộng đồng, điều kiện lao động và an toàn tại nơi làm việc.



THAM KHẢO THÊM

- Phụ lục 2: Các vấn đề về MTXH
- Phụ lục 9: Những thủ tục môi trường mà dự án đầu tư có thể phải thực hiện
- Sổ tay Hướng dẫn kiểm tra các vấn đề môi trường và xã hội khi xem xét cấp tín dụng cho các dự án/phương án SXKD trong 15 ngành cụ thể (do NHNN ban hành) Cần lưu ý rằng, mỗi loại ngành nghề đều có các yêu cầu riêng về các loại giấy phép, và có thể thay đổi theo thời gian. Danh mục các giấy phép cần có theo quy định của pháp luật cần được cập nhật thường xuyên.

Thẩm định thực địa

Thẩm định thực địa - thực hiện đánh giá tại cơ sở/địa điểm dự án của khách hàng để có hiểu biết sâu hơn về các vấn đề môi trường và xã hội liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của khách hàng. Điều này có thể giúp làm sáng tỏ các rủi ro tiềm ẩn về môi trường và xã hội. Trọng tâm của chuyến thẩm định thực địa là xác định các vấn đề môi trường và xã hội tiềm ẩn có thể gây rủi ro cho hoạt động kinh doanh của khách hàng nếu không được giải quyết và xem xét sự tuân thủ của khách hàng với các yêu cầu về môi trường và xã hội của TCTD và quốc gia.

Việc khảo sát địa điểm nên được thực hiện trong giờ hoạt động và nên tập trung vào các lĩnh vực chính như hoạt động và quy trình được thực hiện tại địa điểm, quy mô lực lượng lao động và thực hành lao động, việc sử dụng đất xung quanh, dây chuyền chế biến/sản xuất, phương pháp xử lý nước thải, nguồn phát thải và bộ lọc không khí, khu vực lưu trữ vật liệu nguy hiểm, khu vực lưu trữ chất thải và quy trình xử lý, cơ sở vật chất dành cho công nhân. Thẩm định thực địa có thể bao gồm cả việc phỏng vấn người lao động của khách hàng, người dân xung quanh, cơ quan quản lý địa phương để hiểu rõ hơn về ý kiến của các bên có liên quan đối với hoạt động và quản lý MTXH khách hàng.

Các dấu hiệu của mối lo ngại về môi trường và xã hội có thể bao gồm việc công nhân không sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp, bể/kho lưu trữ được bảo trì kém với các vật liệu nguy hiểm hoặc dễ cháy, sự đổi màu của các dòng suối hoặc kênh thoát nước gần đó, tiếng ồn quá mức, mùi hôi nồng nặc, gần các khu vực xung quanh cộng đồng và khiếu nại của người dân địa phương...

Thẩm định thực địa được đề xuất đối với các giao dịch:

- Cấp tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các lĩnh vực, ngành có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ở mức trung bình và cao;
- Tài trợ dự án;
- Cấp tín dụng cho doanh nghiệp có thời hạn của khoản tín dụng từ 12 tháng trở lên;

- Khách hàng từng gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoặc từng xảy ra sự cố hoặc tai nạn nghiêm trọng vi phạm pháp luật về MTXH trong vòng năm năm gần nhất.



NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI THẨM ĐỊNH THỰC ĐỊA

- **Công cụ hỗ trợ:** Tham khảo hướng dẫn ngành²¹ để xác định các rủi ro tiềm ẩn.
- **Chuẩn bị cho cá nhân:** Mặc quần áo bảo hộ, đảm bảo an toàn cá nhân.
- **Nội dung thẩm định thực địa**
 - ✓ **Tuân thủ quy định:** Kiểm tra các giấy phép hoạt động và lịch sử tuân thủ các quy định pháp luật của khách hàng.
 - ✓ **An toàn lao động:** Kiểm tra các mối nguy hiểm như trượt ngã, cháy nổ, không gian hạn chế, và di chuyển của xe cộ.
 - ✓ **Sức khỏe và môi trường:** Đánh giá các mối nguy về tiếng ồn, chất độc hại, quản lý chất thải, và đa dạng sinh học.
 - ✓ **Lao động và điều kiện làm việc:** Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, tuân thủ quy định về độ tuổi lao động và không có lao động cưỡng bức.
 - ✓ **Tác động cộng đồng:** Phỏng vấn cộng đồng xung quanh để đánh giá ảnh hưởng đến cộng đồng địa phương như an ninh, an toàn, môi trường, sức khỏe cộng đồng và các yếu tố gây phiền nhiễu.



THAM KHẢO THÊM

- Phụ lục 10: Bảng kiểm tra thẩm định thực địa theo hướng dẫn EBRD (tài liệu tiếng Anh: <https://www.ebrd.com/downloads/about/sustainability/14-site-visit.pdf>)
- Sổ tay Hướng dẫn kiểm tra các vấn đề môi trường và xã hội khi xem xét cấp tín dụng cho các dự án/phương án SXKD trong 15 ngành cụ thể (nông nghiệp, hóa chất, xây dựng và cơ sở hạ tầng, năng lượng, chế biến thực phẩm, dệt may, dầu khí, xử lý chất thải, khai thác mỏ và các sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại, sản xuất nhiệt điện, sản xuất giấy và bột giấy, nhuộm vải, sản xuất pin và ắc quy, chế biến thủy sản) (do NHNN ban hành).
- Hướng dẫn của IFC về Môi trường - Sức khỏe - An toàn (EHS): <https://www.ifc.org/en/insights-reports/2000/general-environmental-health-and-safety-guidelines>;
- Hướng dẫn ngành của EBRD: <http://www.ebrd.com/pages/about/what/policies/guidelines.shtml>

Đánh giá toàn diện: Đối với các giao dịch phức tạp và có rủi ro MTXH cao (ví dụ: tài trợ dự án có tác động đáng kể đến môi trường và xã hội như thủy điện có hồ chứa lớn có nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến các yếu tố đa dạng sinh học, dự án bất động sản hay cơ sở hạ tầng có liên quan đến giải phóng mặt bằng), TCTD có thể xem xét dịch vụ của chuyên gia/tư vấn thuê ngoài để đưa ra đánh giá độc lập về các rủi ro và tác động môi trường và xã hội liên quan và những quan điểm đó cần được đưa vào quá trình ra quyết định tín dụng.²²



THAM KHẢO THÊM

- Phụ lục 11: Điều khoản tham chiếu dịch vụ tư vấn đánh giá MTXH (tài liệu tiếng Anh: [ESMS Consultant Terms of Reference_1.pdf](#) (firstforsustainability.org))

21 Bên cạnh các quy định, tiêu chuẩn của Việt Nam, TCTD có thể tham khảo thêm: Bảng kiểm hướng dẫn 15 ngành – tài liệu do SBV phát hành; hoặc Hướng dẫn của IFC về Môi trường - Sức khỏe - An toàn (EHS): <https://www.ifc.org/en/insights-reports/2000/general-environmental-health-and-safety-guidelines>; hoặc Hướng dẫn ngành của EBRD: <http://www.ebrd.com/pages/about/what/policies/guidelines.shtml>

22 Tiêu chuẩn hoạt động của IFC khuyến nghị TCTC sử dụng chuyên gia tư vấn thuê ngoài để tham gia thẩm định rủi ro MTXH đối với các giao dịch có rủi ro MTXH cao hơn (như các dự án có khả năng gây tổn thất đến môi trường sống tự nhiên quan trọng, ảnh hưởng đến các nhóm dễ bị tổn thương hoặc tập thể dân tộc thiểu số, liên quan đến việc di dời và tái định cư bắt buộc hoặc ảnh hưởng đến các di sản văn hóa quan trọng.).

Báo cáo thẩm định MTXH**NỘI DUNG BÁO CÁO THẨM ĐỊNH MTXH**

- Tóm tắt
- Mục tiêu và phạm vi của báo cáo
- Mô tả ngắn gọn dự án
- Các tiêu chuẩn liên quan
- Mô tả ngắn gọn về phương pháp luận áp dụng cho nghiên cứu tài liệu sẵn có và khảo sát thực địa
- Trình bày các tài liệu MTXH đã xem xét
- Tóm tắt bối cảnh vật lý, sinh học, kinh tế xã hội và văn hóa
- Tóm tắt các tác động và rủi ro MTXH liên quan
- Xác định các cảnh báo tiềm ẩn và các trường hợp tạm dừng
- Phân loại rủi ro MTXH của dự án
- Khuyến nghị về các yêu cầu hợp đồng, bao gồm các yêu cầu cụ thể mà dự án phải tuân thủ liên quan đến quản lý MTXH, và các ràng buộc pháp lý và trách nhiệm của bên thực hiện dự án trong việc tuân thủ các tiêu chuẩn MTXH
- Kế hoạch hành động môi trường và xã hội (ESAP), bao gồm các biện pháp, hành động cụ thể, tiến độ thực hiện, ngân sách cần có và trách nhiệm của từng bên nhằm quản lý và giảm thiểu rủi ro MTXH

**THAM KHẢO THÊM**

- Tham khảo Phụ lục 12: Mẫu biên bản và danh sách kiểm tra về MTXH cho Ủy ban tín dụng (theo CDC GROUP)

Xử lý khi rủi ro MTXH thay đổi trong quá trình thẩm định

Trong quá trình thẩm định, mức độ rủi ro MTXH có thể thay đổi so với phân loại ban đầu. Khi mức độ rủi ro của khách hàng **tăng lên** (ví dụ từ rủi ro trung bình lên cao), TCTD có thể xem xét các biện pháp sau:

- **Tham vấn ý kiến chuyên gia:** Nếu giao dịch phát sinh những yếu tố rủi ro phức tạp hơn dự kiến, TCTD có thể tham khảo ý kiến từ các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập để đánh giá sâu hơn.
- **Yêu cầu biện pháp khắc phục bổ sung:** Khách hàng phải thực hiện các hành động sửa đổi, chẳng hạn như bổ sung đánh giá tác động môi trường hoặc cải thiện hệ thống quản lý MTXH trước khi cấp tín dụng.
- **Cân nhắc điều chỉnh điều kiện tín dụng:** Điều chỉnh các điều kiện ràng buộc nhằm kiểm soát rủi ro, chẳng hạn như:
 - Yêu cầu khách hàng cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro MTXH trước khi giải ngân.
 - Hạn chế thời hạn vay để đảm bảo việc giám sát tuân thủ trong ngắn hạn.
 - Yêu cầu báo cáo định kỳ về các biện pháp giảm thiểu rủi ro MTXH trong quá trình triển khai dự án.
- **Quyết định không cấp tín dụng:** Nếu rủi ro MTXH quá cao và khách hàng không thể hoặc không cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro, TCTD có thể xem xét từ chối cấp tín dụng hoặc yêu cầu điều chỉnh lại phương án tài trợ.

3.3.3. Kế hoạch khắc phục rủi ro MTXH (ESAP)

Đối với các giao dịch có mức rủi ro trung bình hoặc cao, việc xây dựng Kế hoạch Khắc phục rủi ro MTXH (ESAP) là cần thiết để giảm thiểu và kiểm soát rủi ro một cách hiệu quả. Mục tiêu của kế hoạch này là giúp khách hàng thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo các tác động môi trường và xã hội được giảm xuống mức chấp nhận được theo yêu cầu của TCTD.

Nội dung của Kế hoạch khắc phục:

- Các biện pháp khắc phục hoặc giảm thiểu rủi ro để đáp ứng các tiêu chuẩn, quy định liên quan.
- Chỉ tiêu hoặc kết quả mong muốn có thể đo lường được cho từng biện pháp khắc phục.
- Khung thời gian thực hiện mà khách hàng cần tuân thủ để hoàn thành các các biện pháp này theo yêu cầu của TCTD.

Phạm vi của Kế hoạch khắc phục:

Kế hoạch khắc phục cần được thiết kế linh hoạt cho từng khách hàng dựa trên các rủi ro cụ thể đã được xác định trong quá trình thẩm định rủi ro MTXH hoặc trong quá trình giám sát giao dịch sau khi cấp tín dụng.

Hình 5: Ví dụ bản Kế hoạch khắc phục rủi ro MTXH

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (ESAP)						
Kế hoạch hành động môi trường và xã hội						
Tên Khách hàng:		Khoản vay:		Ngày:		
STT	Tham khảo/Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Chỉ số hoàn thành	Trách nhiệm	Khung thời gian	Độ ưu tiên
	Ví dụ:					
#	Quy định E&S / Tài liệu tham khảo IFC PS	Mô tả một cách ngắn gọn những gì phải làm để thu hợp khoảng cách đã xác định	Xác định bằng chứng cần thiết để xác nhận hoàn thành nhiệm vụ	Trách nhiệm của Khách hàng (Vai trò)	Chỉ định thời gian hoàn thành hoặc thực hiện	Cao/Trung bình/Thấp
1	IFC PSI	Thiết kế Hệ thống quản lý Môi trường và Xã hội (ESMS) cho [Công ty], cho cả giai đoạn Xây dựng và Vận hành, để đảm bảo tuân thủ liên tục các tiêu chuẩn cần thiết về môi trường, sức khỏe và an toàn và xã hội (lúc là các tiêu chuẩn môi trường, xã hội, sức khỏe và an toàn được thông qua (ESHS)), các cam kết của công ty (như được đề ra trong ESI), và đáp ứng các yêu cầu pháp lý của [Việt Nam], tiêu chuẩn thực hiện IFC, và hướng dẫn về Môi trường, Sức khỏe và An toàn của nhóm Ngân hàng thế giới (EHS).	1. ESMS cho giai đoạn Xây dựng được phát triển và triển khai 2. ESMS cho giai đoạn Vận hành được phát triển và triển khai		1. Giai đoạn xây dựng ESMS được thực hiện bởi [MMTT]. 2. Giai đoạn vận hành ESMS được thực hiện trước để bắt đầu hoạt động.	Cao
2	IFC PSI	Thiết kế và thực hiện Kế hoạch tham vấn và công bố công khai hoặc Kế hoạch gắn kết cộng đồng để đảm bảo: 1. Tham vấn và công bố của ESI và tài liệu Kế hoạch quản lý; và 2. Sự gắn kết cộng đồng diễn ra liên tục trong các giai đoạn Xây dựng và Vận hành.	1. Kế hoạch tham vấn và công bố công khai hoặc Kế hoạch gắn kết cộng đồng được xây dựng cho các giai đoạn Xây dựng và Vận hành.		1. Trước khi thi công. 2. Đang thực hiện.	Cao
3	IFC PSI	Thiết lập và báo cáo tiến độ, liên quan đến hệ thống Cơ chế khiếu nại của Dự án trong cả hai giai đoạn Xây dựng và Vận hành	1. Cơ chế khiếu nại được thành lập. 2. Báo cáo khiếu nại có sẵn.		1. Cơ chế khiếu nại được thành lập bởi [MMTT]. 2. Báo cáo có sẵn và được xem xét hàng quý trong giai đoạn Xây dựng và hàng năm sau đó.	Vừa phải
4						
5						

Thông nhất và thực hiện Kế hoạch khắc phục

- Kế hoạch khắc phục cần được thảo luận và thống nhất với khách hàng về nội dung cũng như khung thời gian hoàn thành.
- Nếu kế hoạch này được xây dựng ngay từ giai đoạn thẩm định tín dụng, thì nội dung của kế hoạch cần được đưa vào các thỏa thuận pháp lý giữa TCTD và khách hàng.

- Khung thời gian thực hiện các biện pháp khắc phục cụ thể sẽ khác nhau tùy theo mức độ rủi ro MTXH, có thể:
 - Là điều kiện bắt buộc để phê duyệt khoản vay.
 - Được thực hiện trong một khoảng thời gian hợp lý sau giải ngân.
 - Áp dụng khi phát hiện vấn đề MTXH trong quá trình giám sát giao dịch.

3.3.4. Điều khoản về MTXH trong thỏa thuận pháp lý

Trong bước phê duyệt giao dịch, TCTD cần đưa các điều khoản liên quan đến MTXH vào thỏa thuận pháp lý ký kết với khách hàng. Những điều khoản này giúp đảm bảo khách hàng tuân thủ các yêu cầu về MTXH, đồng thời giảm thiểu rủi ro phát sinh trong suốt thời gian giao dịch. Bên cạnh đó, việc lồng ghép các điều khoản MTXH cũng tạo cơ sở pháp lý để TCTD áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp trong trường hợp khách hàng vi phạm cam kết.

Hệ thống quản lý rủi ro MTXH của TCTD cần quy định rõ các trường hợp nào điều kiện về MTXH cụ thể, như yêu cầu lập kế hoạch khắc phục rủi ro MTXH, phải được đưa vào hợp đồng tín dụng.

Phòng Pháp chế cần tham gia vào quá trình soạn thảo, rà soát và lồng ghép các điều khoản về MTXH vào hợp đồng tín dụng, phù hợp với từng loại giao dịch và các rủi ro tiềm ẩn về môi trường và xã hội được xác định trong quá trình thẩm định. Nhìn chung các nội dung chính thường bao gồm:

1. **Nghĩa vụ của khách hàng liên quan đến MTXH:**

- Tuân thủ quy định pháp luật và tiêu chuẩn MTXH: Khách hàng phải tuân thủ các quy định về môi trường và xã hội trong nước cũng như các tiêu chuẩn quốc tế mà TCTD yêu cầu.
- Báo cáo định kỳ về MTXH: Cung cấp báo cáo về tình hình tuân thủ và hiệu quả thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro MTXH.
- Thông báo sự cố nghiêm trọng: Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường hoặc tai nạn lao động nghiêm trọng (ví dụ: tràn dầu, ô nhiễm nặng, tai nạn lao động gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng), khách hàng phải thông báo kịp thời cho TCTD trong thời gian quy định (chẳng hạn như trong vòng 3 ngày). Đồng thời, khách hàng có trách nhiệm thực hiện ngay các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2. **Điều kiện tiên quyết trước khi giải ngân:** TCTD có thể đặt ra các điều kiện và yêu cầu mà khách hàng phải đáp ứng trước khi giải ngân khoản vay và/hoặc duy trì hạn mức tín dụng, bao gồm:

- Cung cấp các giấy phép, bao gồm giấy phép môi trường hợp lệ.
- Báo cáo tình hình tuân thủ pháp luật và thực hiện các cam kết về MTXH.
- Hoàn thành các biện pháp khắc phục rủi ro theo kế hoạch khắc phục MTXH.

3. **Biện pháp xử lý vi phạm:** TCTD có quyền ngừng giải ngân, thu hồi nợ trước hạn hoặc áp dụng các biện pháp xử lý khác nếu khách hàng vi phạm nghiêm trọng các điều khoản về MTXH. Cụ thể:

- Khi phát hiện vi phạm MTXH, TCTD có thể yêu cầu khách hàng khắc phục trong thời gian nhất định (ví dụ: 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo từ TCTD).
- Nếu khách hàng không thực hiện hoặc không đáp ứng yêu cầu khắc phục, TCTD có quyền:
 - Tạm dừng giải ngân các khoản tín dụng chưa sử dụng.
 - Yêu cầu thanh toán trước hạn toàn bộ hoặc một phần khoản vay.
 - Chấm dứt hợp đồng tín dụng theo các điều kiện đã cam kết.

Ngoài ra, **Kế hoạch khắc phục rủi ro MTXH** có thể được đưa vào hợp đồng tín dụng như một phụ lục ràng buộc, trong đó nêu rõ các biện pháp giảm thiểu rủi ro MTXH cụ thể mà khách hàng sẽ thực hiện theo khung thời gian thực hiện đã thống nhất.

TCTD sẽ giám sát định kỳ để đánh giá mức độ tuân thủ MTXH của khách hàng. Nếu có dấu hiệu vi phạm, TCTD có thể yêu cầu khách hàng cung cấp báo cáo bổ sung hoặc thực hiện ngay các biện pháp khắc phục. Nếu khách hàng không tuân thủ, TCTD có thể coi đây là vi phạm hợp đồng và xử lý theo các điều khoản pháp lý đã ký kết.

3.3.5. Quản lý và giám sát rủi ro MTXH

Quản lý và giám sát rủi ro MTXH là bước cuối cùng trong quy trình cấp tín dụng (theo hình 4), giúp đảm bảo rằng các cam kết về MTXH được thực hiện đúng, mức độ rủi ro MTXH của giao dịch không tăng lên, đồng thời phát hiện sớm và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Giám sát định kỳ cũng giúp TCTD đánh giá mức độ tuân thủ của khách hàng và cập nhật kế hoạch quản lý rủi ro nếu cần thiết.

Tần suất giám sát phụ thuộc vào mức độ rủi ro của giao dịch và các vấn đề MTXH đã được xác định trong quá trình thẩm định. Quản lý và giám sát rủi ro MTXH được khuyến nghị thực hiện định kỳ:

- Tối thiểu 2 lần/năm đối với tất cả các khoản cấp tín dụng có rủi ro cao về MTXH.
- Ít nhất 1 lần/năm đối với các khoản cấp tín dụng có rủi ro trung bình và thấp về MTXH.
- Giám sát đặc biệt khi có sự cố MTXH nghiêm trọng hoặc khi có thay đổi trong hoạt động của khách hàng.

Nội dung giám sát MTXH bao gồm:

- Kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch khắc phục MTXH (ESAP): Đối với các khoản tín dụng có ESAP, giám sát sẽ tập trung vào việc khách hàng có thực hiện đúng các biện pháp khắc phục theo cam kết hay không. Nếu phát hiện trì hoãn hoặc không tuân thủ, TCTD có thể yêu cầu khách hàng điều chỉnh kế hoạch và tăng cường biện pháp giảm thiểu rủi ro.
- Đánh giá mức độ tuân thủ MTXH của khách hàng, bao gồm:
 - Xem xét tình trạng tuân thủ pháp luật MTXH (các giấy phép, hồ sơ pháp lý, báo cáo môi trường...).
 - Kiểm tra mức độ thực hiện các tiêu chuẩn MTXH mà khách hàng đã cam kết với TCTD.
 - Đánh giá việc khách hàng báo cáo trung thực về rủi ro MTXH trong suốt vòng đời tín dụng.



THAM KHẢO THÊM

➤ Phụ lục 9: Những thủ tục môi trường mà dự án đầu tư có thể phải thực hiện

Nếu phát hiện các vấn đề như việc khách hàng không tuân thủ các điều khoản MTXH được quy định trong hợp đồng tín dụng, và/ hoặc rủi ro MTXH của khách hàng tăng lên so với đánh giá ban đầu, TCTD có thể:

- Yêu cầu khách hàng khắc phục những vấn đề phát sinh trong khung thời gian hợp lý.
- Yêu cầu một bản kế hoạch hành động khắc phục mới và/hoặc tăng tần suất giám sát và yêu cầu báo cáo định kỳ về hiệu quả hoạt động MTXH trong suốt thời gian giao dịch.
- Cân nhắc điều chỉnh điều kiện tín dụng.

- Xem xét chấm dứt cấp tín dụng nếu rủi ro vượt quá mức chấp nhận được.

Cơ chế báo cáo và phản hồi:

- Báo cáo nội bộ: Bộ phận quản lý rủi ro và tín dụng cần báo cáo định kỳ lên Ban điều hành về tình trạng tuân thủ MTXH của danh mục tín dụng.
- Báo cáo cho cơ quan quản lý, và/hoặc các bên liên quan: Đối với các khoản cấp tín dụng có yêu cầu báo cáo về MTXH theo quy định của các tổ chức tài chính quốc tế.
- Cơ chế phản hồi với khách hàng: Nếu phát hiện vấn đề, TCTD cần thông báo ngay cho khách hàng và yêu cầu giải trình, đồng thời giám sát chặt chẽ việc thực hiện các biện pháp khắc phục, bao gồm sự giám sát của bên thứ ba độc lập và/hoặc cơ quan quản lý.



THÔNG LỆ TỐT

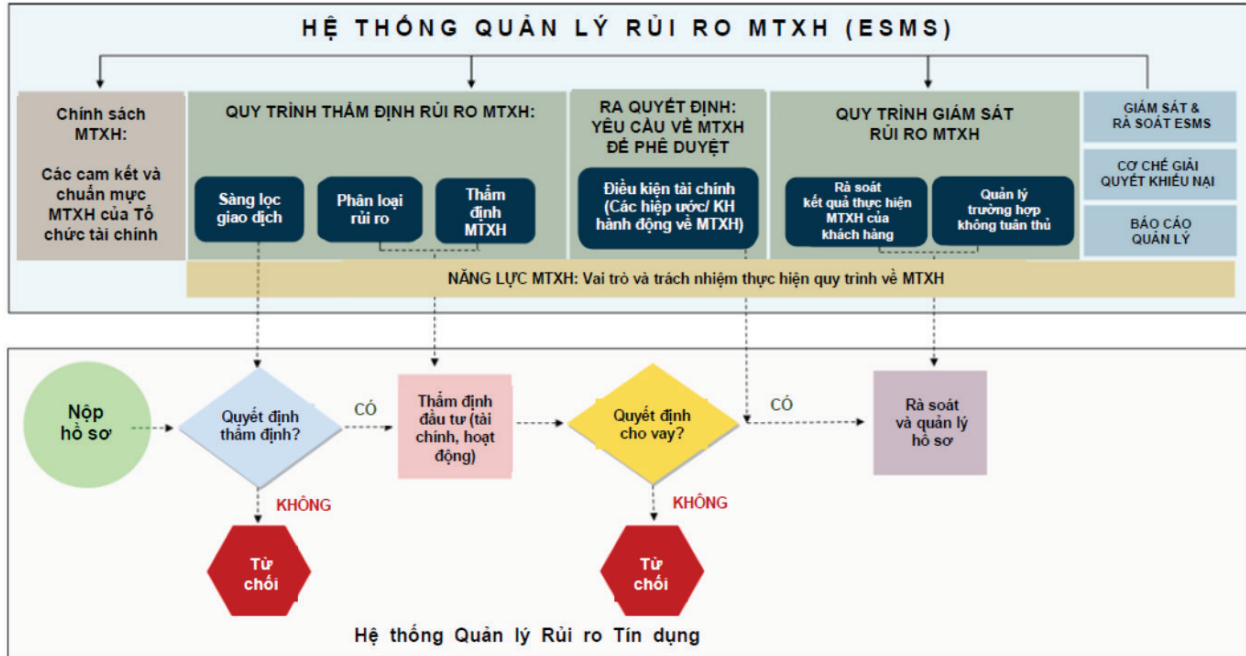
- Phương pháp thẩm định và/hoặc tiêu chuẩn MTXH được xây dựng và sử dụng để thẩm định tín dụng/đầu tư.
- Có quy trình chính thức mô tả cách thức thẩm định đối với từng sản phẩm tài chính của ngân hàng, các yêu cầu quản lý tối thiểu cũng như các tiêu chuẩn và tiêu chí thẩm định.
- Các điều kiện hoạt động kinh doanh gắn với giấy phép được rà soát một cách toàn diện.
- Quy trình thẩm định MTXH được điều chỉnh phù hợp với rủi ro MTXH và có sẵn các hướng dẫn cụ thể theo ngành để hỗ trợ thẩm định MTXH.
- Quy trình thẩm định MTXH được tích hợp với quản lý rủi ro tín dụng.
- Quá trình báo cáo dựa trên ngưỡng tài chính và rủi ro MTXH được xác định trong quá trình thẩm định. Có bằng chứng tài liệu cho thấy kết quả thẩm định được tích hợp vào quá trình ra quyết định và vào tài liệu pháp lý.
- Có hệ thống phản hồi nhằm bảo đảm cải tiến liên tục đối với Hệ thống Quản lý MTXH giúp cho việc giám sát và rà soát hỗ trợ việc thực hiện bảo đảm chất lượng và triển khai bài học kinh nghiệm.

3.4. TÍCH HỢP QUẢN LÝ RỦI RO MTXH VÀO KHÂU THẨM ĐỊNH VÀ QUẢN LÝ CẤP TÍN DỤNG

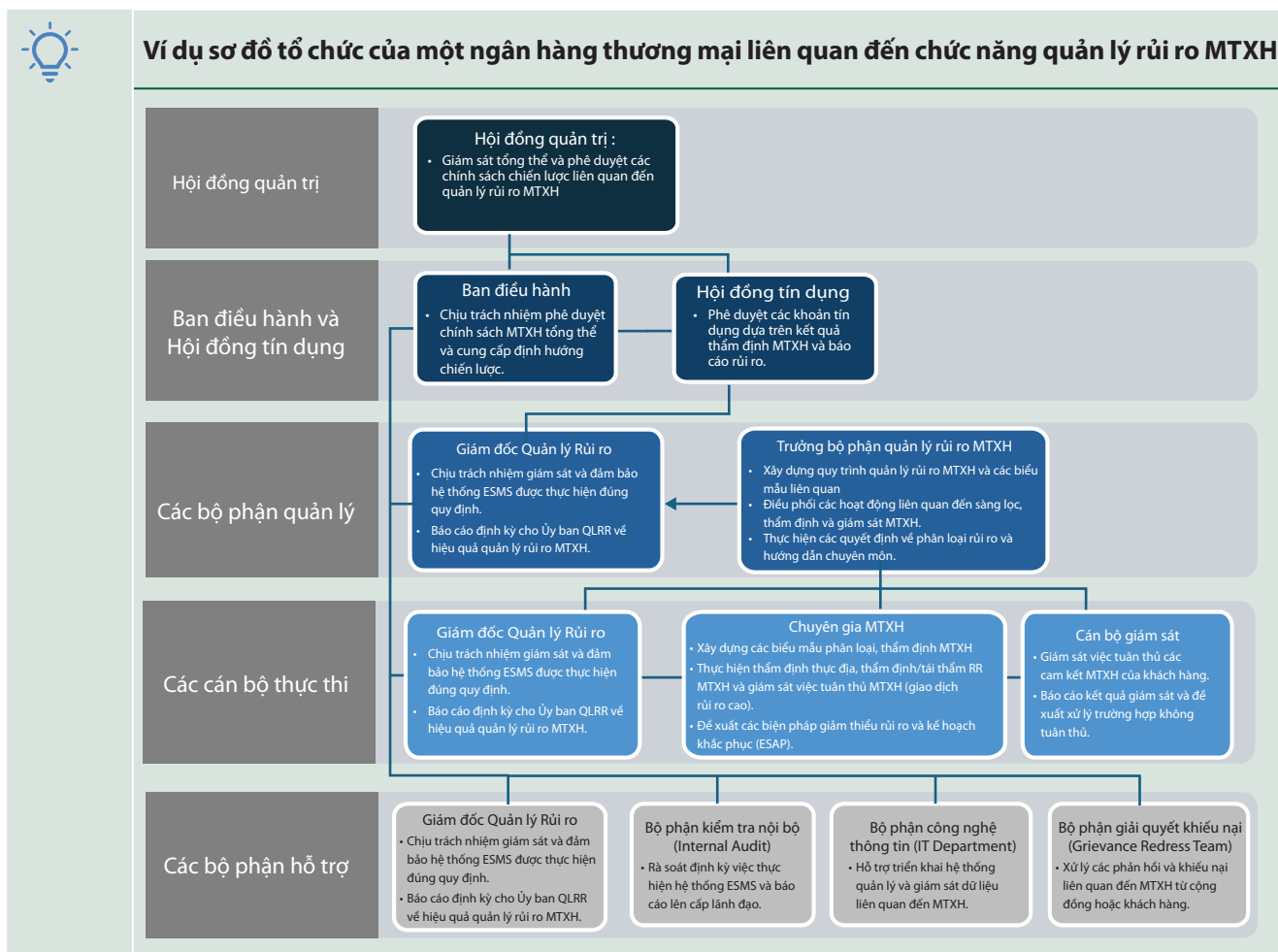
Để đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm chi phí, hệ thống quản lý rủi ro MTXH cần được tích hợp đầy đủ vào khung quản lý rủi ro hiện hành, đồng thời rà soát và điều chỉnh các thủ tục đã có để phù hợp với yêu cầu mới.

Các thủ tục quản lý rủi ro MTXH nên được áp dụng song song với các thủ tục quản lý rủi ro khác tại từng giai đoạn của quy trình cấp tín dụng. Để thực hiện điều này, TCTD cần rà soát lại các bước trong khung quản lý rủi ro hiện có, nhằm xác định các điểm có thể tích hợp việc đánh giá rủi ro MTXH hoặc phát triển một sổ tay vận hành riêng về quản lý rủi ro MTXH, giúp ghi nhận chính thức toàn bộ quá trình thực hiện.

Hình dưới đây minh họa một cách chi tiết cách thức mà một TCTD có thể tích hợp các yếu tố MTXH vào quy trình quản lý rủi ro của mình, từ bước đầu tiên của việc sàng lọc giao dịch cho đến các hoạt động giám sát và báo cáo sau cấp tín dụng. Trong đó, việc thẩm định rủi ro MTXH được thực hiện đồng thời với thẩm định rủi ro tín dụng. Quá trình ra quyết định cấp tín dụng sẽ căn cứ vào khả năng giảm thiểu rủi ro MTXH, trong khi giai đoạn sau giải ngân sẽ tập trung giám sát việc thực hiện Kế hoạch khắc phục rủi ro (nếu có) và việc tuân thủ các cam kết MTXH của khách hàng.

Hình 6: Tích hợp quản lý rủi ro MTXH vào khâu thẩm định và quản lý cấp tín dụng**Bảng 3: Ví dụ về quy trình tích hợp quản lý rủi ro MTXH vào khâu thẩm định và quản lý cấp tín dụng**

Bước thực hiện	Thẩm định rủi ro MTXH	Thẩm định rủi ro tín dụng	Kết quả tích hợp
Tiếp nhận hồ sơ	Thu thập thông tin liên quan đến MTXH của dự án, bao gồm các tài liệu theo quy định pháp luật.	Thu thập thông tin tài chính và hoạt động của khách hàng.	Đảm bảo hồ sơ đầy đủ thông tin để phục vụ cho cả thẩm định MTXH và tín dụng.
Sàng lọc ban đầu	Kiểm tra dự án có thuộc danh sách loại trừ không và phân loại sơ bộ tác động MTXH.	-	Loại bỏ các hồ sơ vi phạm danh sách loại trừ hoặc có rủi ro MTXH nghiêm trọng.
Phân loại rủi ro	Phân loại dự án theo mức độ rủi ro MTXH (thấp, trung bình, cao) dựa trên ngành nghề, quy mô.	Phân loại rủi ro tín dụng dựa trên lịch sử tín dụng, sức khỏe tài chính và phạm vi dự án.	Xây dựng hồ sơ rủi ro tổng hợp bao gồm rủi ro MTXH là một phần của rủi ro tín dụng.
Thẩm định rủi ro MTXH	Thực hiện thẩm định chi tiết (hồ sơ, thực địa) đối với các dự án có rủi ro trung bình/cao, bao gồm tham vấn cộng đồng và chuyên gia.	-	Kết quả thẩm định MTXH được tích hợp vào đánh giá rủi ro tín dụng để xem xét toàn diện.
Thẩm định rủi ro tín dụng	-	Phân tích khả năng tài chính, năng lực trả nợ, tài sản bảo đảm của khách hàng.	Tích hợp đánh giá MTXH vào đánh giá rủi ro tín dụng để hỗ trợ ra quyết định.
Ra quyết định	-	Xem xét phê duyệt hoặc từ chối hồ sơ tín dụng dựa trên cả rủi ro tín dụng và MTXH.	Phê duyệt tín dụng trên cơ sở xem xét các rủi ro MTXH như là một phần của rủi ro tín dụng.
Giám sát và quản lý	Theo dõi việc thực hiện các cam kết và kế hoạch hành động MTXH, đánh giá định kỳ các tác động và lập báo cáo.	Giám sát hiệu quả khoản vay, tuân thủ nghĩa vụ tài chính của khách hàng theo hợp đồng tín dụng.	Lập báo cáo tích hợp về hiệu quả quản lý tín dụng và tuân thủ các cam kết MTXH.

**Bảng 4: Ví dụ về các mô hình cơ cấu tổ chức đội ngũ quản lý rủi ro MTXH²³**

Ngân hàng	Cơ cấu tổ chức của đội ngũ quản lý rủi ro MTXH	Ghi chú chính
Citi	Tập trung tại Khối Quản lý rủi ro	Khối Quản lý rủi ro tại Hội sở chính chịu trách nhiệm thẩm định MTXH đối với các giao dịch để đảm bảo tuân thủ các chính sách nội bộ về môi trường và nhân quyền của Citi (chủ yếu áp dụng cho các giao dịch phải tuân thủ các cam kết của Nguyên tắc Xích đạo và Tiêu chuẩn hoạt động của IFC).
BNP Paribas	Phân cấp với sự giám sát tập trung tại Khối Quản lý rủi ro	- Triển khai phân cấp thẩm định rủi ro MTXH theo nhóm ngành kinh doanh. - Một đơn vị Tích hợp rủi ro ESG thuộc Khối quản lý rủi ro chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách ngành và các công cụ sàng lọc và giám sát thực thi nhất quán.
Barclays	Tích hợp thẩm định rủi ro MTXH trong thẩm định tín dụng tại các khối kinh doanh	- Chuyên gia MTXH thuộc các khối kinh doanh chịu trách nhiệm thẩm định rủi ro MTXH trong quá trình thẩm định tín dụng - áp dụng Khung quản lý rủi ro MTXH chung của Barclays. - Phối hợp chặt chẽ giữa khối quản lý rủi ro và khối kiểm soát tuân thủ để đảm bảo sự thống nhất về thực thi chính sách và quy trình.

23 Tổng hợp dựa trên các báo cáo của các ngân hàng.

3.5. TÍCH HỢP YÊU CẦU CỦA THÔNG TƯ 17/2022/TT-NHNN VÀO HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO MTXH CỦA TCTD

Việc tích hợp các quy định tại Thông tư 17/2022/TT-NHNN ngày 23/12/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài vào Hệ thống Quản lý rủi ro MTXH của TCTD là cần thiết để đáp ứng quy định pháp lý và nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro.

Lưu ý khi áp dụng quy trình

- **Tính linh hoạt:** Quy trình cần được điều chỉnh phù hợp với năng lực nội bộ của TCTD và đặc thù từng loại giao dịch.
- **Tham vấn chuyên gia độc lập:** Trong các trường hợp phức tạp, việc sử dụng chuyên gia độc lập là cần thiết để đảm bảo tính khách quan và độ chính xác của quá trình đánh giá.
- **Gắn kết với quy trình tín dụng:** Quy trình đánh giá rủi ro MT của dự án đầu tư theo Thông tư 17/2022/TT-NHNN là một phần của quy trình QLRR MTXH chung và cần được tích hợp chặt chẽ với quy trình tín dụng để đảm bảo rủi ro được kiểm soát toàn diện từ khâu xem xét, thẩm định, phê duyệt, quản lý tín dụng.

3.5.1. Phân loại rủi ro về MTXH

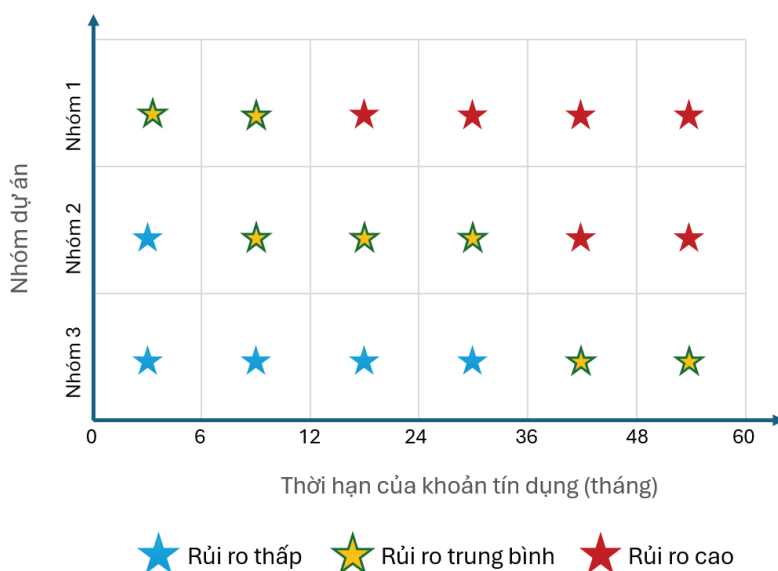
Phân loại rủi ro MTXH là bước quan trọng nhằm xác định mức độ rủi ro tiềm ẩn của một dự án đầu tư/hoạt động kinh doanh trong hoạt động cấp tín dụng. Việc phân loại này không chỉ hỗ trợ các TCTD trong việc xác định các biện pháp thẩm định và quản lý phù hợp mà còn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Bên cạnh việc tham khảo các khung phân loại rủi ro của các tổ chức tài chính quốc tế như IFC, EBRD., TCTD cần tích hợp các quy định tại **Thông tư 17/2022/TT-NHNN**, **Nghị định 08/2022/NĐ-CP** và **Nghị định 05/2025/NĐ-CP**, đặc biệt là tiêu chí phân loại rủi ro môi trường. Cụ thể, những dự án/ hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc diện bắt buộc phải thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng là các dự án đầu tư quy định tại Phụ lục III, IV, V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Các tiêu chí phân loại dự án đầu tư dựa trên mức độ tác động môi trường giúp đảm bảo sự phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu phát triển bền vững.

Bảng 4: Ví dụ về khung phân loại rủi ro có tích hợp các quy định của Thông tư 17/2022/TT-NHNN và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

DỰ ÁN NHÓM I	DỰ ÁN NHÓM II	DỰ ÁN NHÓM III
- Dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao, quy định tại khoản 3 điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường 2020. - Tiêu chí phân loại rủi ro môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường 2020. - Dự án/ hoạt động kinh doanh có liên quan đến tái định cư bắt buộc hoặc ảnh hưởng đến các nhóm yếu thế (dân tộc thiểu số, người có thu nhập thấp, phụ nữ, trẻ em). - Dự án/ hoạt động kinh doanh có ảnh hưởng đến các di sản văn hóa quan trọng, khu vực bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học. - Ví dụ các dự án lớn, có tác động dài hạn đến môi trường (nhiệt điện, khai thác mỏ, hóa chất, xi măng).	- Dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 4 điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường 2020. - Dự án/ hoạt động kinh doanh có thể gây ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư con người hoặc các khu vực quan trọng về môi trường nhưng ở mức kiểm soát được. - Dự án/hoạt động kinh doanh có nguy cơ phát sinh vấn đề MTXH nhưng không gây tác động lớn hoặc có thể giảm thiểu thông qua các biện pháp quản lý. - Ví dụ các dự án sản xuất công nghiệp, chế biến thực phẩm, khách sạn, khu nghỉ dưỡng.	- Dự án ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường 2020. - Dự án/hoạt động kinh doanh thuộc nhóm ngành nghề thông thường, không phát sinh rủi ro lớn về môi trường – xã hội. - Ví dụ dự án thương mại dịch vụ, tài chính, công nghệ thông tin.

Bảng 5 minh họa cách phân loại rủi ro theo nhóm dự án và thời hạn khoản tín dụng để TCTD tham khảo.

Bảng 5: Gợi ý cách phân loại rủi ro MTXH của các nhóm dự án đáp ứng yêu cầu của Thông tư 17/2022/TT-NHNN

3.5.2. Mức độ thẩm định rủi ro MTXH

Mức độ thẩm định rủi ro MTXH của một giao dịch, được xác định dựa trên **loại hình dự án, quy mô, ngành nghề, địa điểm triển khai và mức độ tác động môi trường – xã hội tiềm ẩn**, cần được điều chỉnh phù hợp để vừa đảm bảo hiệu quả quản lý rủi ro, vừa đáp ứng các yêu cầu pháp lý theo Thông tư 17/2022/TT-NHNN. Bảng 6 chi tiết các mức độ đánh giá rủi ro MTXH đối với một số loại sản phẩm tín dụng cụ thể.

Bảng 6: Mức độ đánh giá và thẩm định MTXH cho một số loại sản phẩm tín dụng theo yêu cầu của Thông tư 17/2022/TT-NHNN

Mức độ thẩm định	Sàng lọc và phân loại sơ bộ giao dịch	Đánh giá dựa trên hồ sơ	Thẩm định thực địa và sử dụng chuyên gia tư vấn
Loại giao dịch			
Cấp tín dụng trực tiếp cho dự án đầu tư phải thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng theo TT17/2022 (thường là các khoản tín dụng trên 12 tháng)	✓	✓	✓ (và tư vấn của chuyên gia độc lập nếu cần)
Cấp tín dụng trung và dài hạn dùng để mua sắm tài sản cho doanh nghiệp xây dựng/vận hành dự án đầu tư phải thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng theo TT17/2022 (thường là các khoản tín dụng trên 12 tháng)	✓	✓	✓
Cấp tín dụng ngắn hạn, thanh toán công nợ, bổ sung vốn lưu động cho doanh nghiệp xây dựng/vận hành dự án đầu tư phải thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng theo TT17/2022 (thường là các khoản tín dụng dưới 12 tháng)	✓	✓	

Lưu ý:

- **Khoản vay quay vòng/gối đầu (revolving loan)** có bản chất rủi ro không giống vay ngắn hạn thông thường vì dư nợ luôn tồn tại ở một mức cố định. Do đó, đối với các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành rủi ro cao, khoản vay này cần được xem xét thẩm định sâu hơn để đảm bảo hạn chế tác động tiêu cực về MTXH.
- Đối với các ngành rủi ro thấp và trung bình, việc đánh giá hồ sơ và giám sát định kỳ có thể đủ để kiểm soát rủi ro.
- Trong trường hợp doanh nghiệp có lịch sử vi phạm môi trường – xã hội nghiêm trọng, TCTD có thể yêu cầu thẩm định thực địa hoặc tham vấn chuyên gia tư vấn độc lập để có đánh giá chính xác hơn trước khi tiếp tục cấp tín dụng.



Hồ sơ và thông tin (tối thiểu) cần thu thập phục vụ công tác thẩm định rủi ro về môi trường theo Thông tư 17/2022/TT-NHNN

1. Thông tin về môi trường của dự án đầu tư của khách hàng.
2. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá sơ bộ tác động môi trường, Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật, Giấy phép môi trường, Đăng ký môi trường (nếu có).
3. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền về bảo vệ môi trường (nếu có).
4. Thông tin khảo sát thực tế, thông tin từ cơ quan chức năng, tổ chức xã hội và cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp về hoạt động của dự án đầu tư của khách hàng liên quan đến thực hiện quy định về bảo vệ môi trường (nếu có).
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của khách hàng gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
6. Báo cáo của khách hàng gửi tổ chức tín dụng về việc thực hiện các cam kết nhằm hạn chế rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng theo thỏa thuận tại thỏa thuận cấp tín dụng.
7. Báo cáo của các cơ quan, tổ chức phải thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có).
8. Các thông tin khác liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường.



4. CÁC CHỈ SỐ VÀ BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

Quản lý rủi ro MTXH trong hoạt động cấp tín dụng không chỉ đòi hỏi việc xây dựng các chính sách, quy trình đánh giá và giám sát mà còn cần một hệ thống đo lường và báo cáo hiệu quả. Để đảm bảo rằng các rủi ro MTXH được nhận diện, đo lường và quản lý một cách chủ động, các TCTD cần áp dụng đồng bộ ba thành phần chính:

- Chỉ số rủi ro chính (Key Risk Indicators – KRI): Dùng để phát hiện, đo lường và theo dõi các rủi ro MTXH tiềm ẩn, giúp đưa ra cảnh báo sớm trước khi các rủi ro này tác động tiêu cực đến danh mục tín dụng.
- Chỉ số hiệu quả hoạt động (Key Performance Indicators – KPI): Đánh giá mức độ thực hiện các chiến lược, chính sách và cam kết quản lý rủi ro MTXH, từ đó phản ánh hiệu quả của việc ứng dụng các biện pháp giảm thiểu.
- Công bố thông tin: Là công cụ quan trọng giúp tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và củng cố niềm tin của các bên liên quan đối với các hoạt động quản lý rủi ro MTXH.

Các chỉ số này được xây dựng dựa trên các chuẩn mực quốc tế như Ủy ban Basel về Giám sát Ngân hàng BCBS, TCFD, SASB và Equator Principles, nhằm đảm bảo rằng việc đo lường và quản lý MTXH được thực hiện một cách chính xác và hiệu quả.

4.1. CHỈ SỐ RỦI RO CHÍNH (KRI) VỀ MTXH

Chỉ số rủi ro chính (Key Risk Indicators – KRI) đóng vai trò quan trọng trong việc nhận diện, đo lường và quản lý rủi ro MTXH trong hoạt động cấp tín dụng của các TCTD. Việc tích hợp KRI vào hệ thống quản lý rủi ro giúp TCTD:

- Nhận diện sớm các rủi ro MTXH tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến danh mục tín dụng.
- Đánh giá mức độ rủi ro đối với danh mục cho vay, từ đó xây dựng các biện pháp kiểm soát phù hợp.
- Đáp ứng yêu cầu công bố thông tin và minh bạch theo các tiêu chuẩn quốc tế (TCFD, SASB, Basel, v.v.).
- Nâng cao khả năng chống chịu của tổ chức trước các tác động của biến đổi khí hậu và các vấn đề xã hội.

Các tiêu chuẩn và hướng dẫn quốc tế hiện có và được áp dụng rộng rãi về đo lường, đánh giá và quản lý KRI liên quan đến MTXH cho các TCTD bao gồm:

- Khuyến nghị của Lực lượng Đặc nhiệm về Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu (TCFD): Hướng dẫn các TCTD nhận diện, đo lường và báo cáo rủi ro khí hậu, bao gồm rủi ro vật lý và rủi ro chuyển đổi, tích hợp vào quản lý tín dụng, thị trường và thanh khoản.
- Báo cáo rủi ro khí hậu và tài chính của Basel Committee (BCBS): Định hướng các ngân hàng về cách lồng ghép các yếu tố rủi ro khí hậu vào quy trình quản lý rủi ro tổng thể, từ xác định, đo lường đến giám sát và báo cáo.
- Tiêu chuẩn Kế toán Bền vững (SASB): Xác định các chỉ số rủi ro môi trường và xã hội có tác động đến hiệu suất tài chính, bao gồm phơi nhiễm danh mục tín dụng đối với các ngành có rủi ro cao về MTXH.
- Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC: Yêu cầu các TCTD áp dụng các chỉ số rủi ro MTXH vào quy trình đánh giá dự án, theo dõi tác động và thiết lập biện pháp kiểm soát rủi ro.
- Hướng dẫn của Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (BIS): Đề xuất các phương pháp đo lường và tích hợp rủi ro môi trường và xã hội vào mô hình rủi ro tài chính của các TCTD.

Theo các tiêu chuẩn và hướng dẫn trên các KRI chủ yếu nên tập trung vào các khía cạnh sau:²⁴

²⁴ Tham khảo và tổng hợp từ <https://www.bis.org/bcbs/publ/d532.pdf> và <https://www.bankingsupervision.europa.eu/ecb/pub/pdf/ssm.thematicreviewcercompendiumgoodpractices112022~b474fb8ed0.en.pdf>

Khía cạnh	Các chỉ số	Ý nghĩa của chỉ số
Rủi ro khí hậu và môi trường	Tỷ lệ cho vay cho các ngành thâm dụng carbon: <i>Phần trăm khoản vay dành cho các ngành có hoạt động sản xuất với mức độ phát thải cao (ví dụ: năng lượng hóa thạch, xi măng, hóa chất).</i>	Đo lường mức độ phơi nhiễm của danh mục tín dụng đối với các ngành có rủi ro môi trường cao, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi sang nền kinh tế phát thải thấp.
	Tỷ lệ cho vay tại khu vực nguy cơ thiên tai cao: <i>Phần trăm khoản vay dành cho doanh nghiệp hoạt động tại vùng có nguy cơ thiên tai.</i>	Đánh giá mức độ tổn hại do tác động vật lý của biến đổi khí hậu, bao gồm rủi ro cấp tính (như lũ lụt, hạn hán, bão, sóng nhiệt) và rủi ro mãn tính (như sự tăng nhiệt độ trung bình, mực nước biển dâng) đến hoạt động kinh doanh.
	Tỷ lệ tài sản liên quan đến carbon: <i>Tỷ lệ giữa giá trị tài sản liên quan đến các hoạt động phát thải carbon và tổng giá trị tài sản trong danh mục tín dụng.</i>	Xác định mức độ phụ thuộc của danh mục tín dụng vào các hoạt động gây phát thải.
	Tổng lượng phát thải khí nhà kính: <i>Tổng lượng phát thải khí nhà kính (GHG Emissions) theo Scope 1, Scope 2, và nếu có Scope 3 của các doanh nghiệp trong danh mục tín dụng.</i>	Đánh giá tác động khí hậu của danh mục tín dụng và xác định các rủi ro chuyển đổi liên quan đến biến đổi khí hậu.
Rủi ro tín dụng	Tỷ lệ nợ xấu trong các khoản vay có rủi ro MTXH cao: <i>Phần trăm khoản vay trở thành nợ xấu trong danh mục tín dụng thuộc các ngành hoặc khu vực có rủi ro MTXH cao.</i>	Đo lường tác động của rủi ro MTXH đối với chất lượng tín dụng và hiệu quả hoạt động tài chính của TCTD.
Rủi ro thị trường	Độ biến động giá tài sản thế chấp do MTXH: <i>Mức độ thay đổi giá trị tài sản thế chấp liên quan đến các tác động của MTXH (ví dụ: do ô nhiễm, biến đổi khí hậu).</i>	Đánh giá tác động của MTXH đến giá trị tài sản đảm bảo, từ đó phản ánh rủi ro thị trường đối với danh mục tín dụng.
Rủi ro thanh khoản	Tỷ lệ dòng tiền bị ảnh hưởng bởi sự kiện khí hậu: <i>Phần trăm thay đổi trong dòng tiền ròng của các khoản vay do tác động của các sự kiện khí hậu.</i>	Đo lường tác động của rủi ro khí hậu đến khả năng thanh khoản của khách hàng và của TCTD.
Rủi ro xã hội	Tỷ lệ khách hàng có vi phạm các quy định về môi trường và xã hội: <i>Phần trăm khách hàng trong danh mục tín dụng có vi phạm các tiêu chuẩn về lao động và xã hội.</i> Tỷ lệ khách hàng liên quan đến tranh chấp lao động hoặc khiếu nại từ cộng đồng.	Đánh giá mức độ rủi ro xã hội trong danh mục tín dụng, từ đó hỗ trợ TCTD trong việc nhận diện các tác động pháp lý, uy tín và ảnh hưởng đến danh tiếng nếu khách hàng không tuân thủ các tiêu chuẩn xã hội.

4.2. CHỈ SỐ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG (KPI) VỀ MTXH CHO CÁC TCTD

Chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động (KPI) là các thước đo định lượng và định tính được sử dụng để đánh giá hiệu suất của các TCTD trong việc quản lý các rủi ro MTXH, mà còn là cơ sở quan trọng cho các báo cáo công bố thông tin định kỳ. KPI giúp TCTD:

- Đo lường và quản lý hiệu quả các chiến lược và hoạt động MTXH, điều chỉnh hoạt động của mình phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững.
- Đảm bảo tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn quốc tế và quốc gia, về MTXH, và thể hiện cam kết đối với các hoạt động cho vay và đầu tư có trách nhiệm.
- Tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình với các bên liên quan.
- Nâng cao uy tín và hình ảnh của TCTD trên thị trường.

Các tiêu chuẩn và hướng dẫn quốc tế hiện có và được áp dụng rộng rãi về đo lường đánh giá quản lý rủi ro tín dụng đối với MTXH cho các TCTD bao gồm:

- Nguyên tắc Ngân hàng có trách nhiệm (Principles for Responsible Banking) – UNEP FI: Điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu, đo lường và báo cáo tác động MTXH, tích hợp vào quyết định tài chính.
- Nguyên tắc Xích đạo (Equator Principles): Khung quản lý rủi ro MTXH trong các dự án tài trợ, đảm bảo thực hiện có trách nhiệm và bền vững.
- Tiêu chuẩn Hoạt động Môi trường và Xã hội của IFC: Yêu cầu đo lường, quản lý và báo cáo rủi ro MTXH cho các dự án tài trợ, tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế.
- Khuyến nghị TCFD: Công bố thông tin tài chính liên quan đến rủi ro khí hậu, bao gồm chiến lược và các chỉ số đo lường.
- Tiêu chuẩn SASB: Đo lường và báo cáo các chỉ số MTXH như phát thải khí nhà kính, tiêu thụ năng lượng và nước, và các tác động cộng đồng.

Theo các tiêu chuẩn về công bố thông tin minh bạch của Ủy ban Ổn định tài chính (Financial Stability Board – FSB), các vấn đề về MTXH có tính chất quan trọng đối với TCTD cần theo dõi và đo lường bao gồm: tích hợp yếu tố MTXH vào phân tích tài chính, rủi ro MTXH trong danh mục đầu tư, phân tích kịch bản khí hậu, chiến lược tài chính cho cộng đồng chưa được phục vụ đầy đủ, huy động và phân bổ vốn cho các hoạt động và đầu tư có lợi cho môi trường và xã hội, và dữ liệu dự án nhạy cảm về MTXH.

CÁC CHỈ SỐ QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI TCTD LIÊN QUAN ĐẾN RỦI RO MTXH VÀ RỦI RO KHÍ HẬU

Chỉ số	Mô tả	Đơn vị	Ý nghĩa
Phát thải khí nhà kính (CO ₂)	Tổng lượng phát thải khí nhà kính từ hoạt động vận hành của TCTD trên tổng số nhân viên hoặc tổng doanh thu của TCTD	Tổng lượng CO ₂ e phát thải / Tổng số nhân viên hoặc / Tổng doanh thu	Giúp đánh giá tác động của TCTD đến biến đổi khí hậu và xác định các biện pháp giảm thiểu.
	Tổng lượng phát thải khí nhà kính từ các ngành/ lĩnh vực được TCTD cấp tín dụng/đầu tư	Tấn CO ₂ tương đương	Giúp đo lường và quản lý tác động môi trường từ danh mục tín dụng của TCTD.
Tác động cộng đồng	Số lượng dự án/khoản cấp tín dụng có tham vấn cộng đồng (hoặc nhận ý kiến từ bên liên quan) trước khi thực hiện hoặc cấp tín dụng.	Số dự án % trên tổng số dự án/ khoản cấp tín dụng	Đánh giá mức độ tham gia của cộng đồng và phản hồi từ các bên liên quan đối với hoạt động cấp tín dụng của TCTD.
Đào tạo MTXH	Số lượng nhân viên (hoặc % trên tổng nhân viên) được đào tạo về quản lý rủi ro MTXH	Số nhân viên; % nhân viên tham gia đào tạo	Phản ánh cam kết của TCTD đối với việc nâng cao năng lực nhân viên và phát triển bền vững nguồn nhân lực.
	Thời lượng đào tạo được tổ chức về quản lý rủi ro MTXH	Số giờ/ hoặc số buổi	Đánh giá mức độ đầu tư vào việc nâng cao nhận thức và kỹ năng quản lý rủi ro MTXH cho nhân viên.

Chỉ số	Mô tả	Đơn vị	Ý nghĩa
Quản lý MTXH	Số đề xuất tín dụng được thẩm định MTXH	% trên tổng số hồ sơ đề xuất tín dụng	Đo lường số lượng các khoản vay được xem xét và thẩm định về các rủi ro MTXH.
	Số đề xuất tín dụng phân loại rủi ro MTXH (Cao, Trung bình, Thấp)	Số hồ sơ % trên tổng số hồ sơ đề xuất tín dụng	Đánh giá mức độ rủi ro MTXH của các khoản vay trong danh mục tín dụng.
	Số lượng và giá trị các đề xuất tín dụng được giải ngân sau thẩm định MTXH (Cao, Trung bình, Thấp)	Số khoản vay, tỷ VNĐ, % tổng dư nợ tín dụng	Phản ánh quyết định cấp tín dụng dựa trên đánh giá rủi ro MTXH.
	Dư nợ tín dụng ở các ngành/lĩnh vực rủi ro cao (theo từng ngành)	tỷ VNĐ, % tổng dư nợ tín dụng	Đo lường mức độ tập trung rủi ro MTXH trong danh mục tín dụng của TCTD.
Chỉ số tổn thất tín dụng MTXH	Tỷ lệ tổn thất tín dụng liên quan đến rủi ro MTXH (dự án ngừng hoạt động do vi phạm quy định môi trường, đình trệ do xung đột cộng đồng...).	% tổng dư nợ tín dụng	Đo lường mức độ ảnh hưởng của các rủi ro MTXH đến các khoản vay và tỷ lệ mất mát tín dụng.
Tín dụng xanh ²⁵	Số lượng và giá trị các khoản vay được cấp cho các dự án xanh	tỷ VNĐ, % tổng dư nợ tín dụng	Đánh giá mức độ đầu tư của TCTD vào các dự án xanh, thân thiện với môi trường.
	Dư nợ tín dụng xanh theo ngành/ lĩnh vực	tỷ VNĐ, % tổng dư nợ tín dụng	Đo lường mức độ tập trung và phân bố của các khoản vay xanh trong các ngành/lĩnh vực cụ thể.
Tín dụng bền vững	Số lượng và giá trị các khoản vay được cấp cho dự án/hoạt động sản xuất kinh doanh có lợi ích xã hội và bền vững khác	tỷ VNĐ, % tổng dư nợ tín dụng	Đánh giá mức độ đầu tư của TCTD vào các dự án có lợi ích về xã hội và phát triển bền vững.
	Dư nợ tín dụng có lợi ích xã hội/bền vững trên tổng dư nợ	tỷ VNĐ, % tổng dư nợ tín dụng	
Chỉ số cơ hội kinh doanh MTXH	Số lượng cơ hội kinh doanh mới (khách hàng mới, dự án mới) đến từ các sản phẩm tài chính bền vững (ESG, tín dụng xanh, trái phiếu xanh...).	Số lượng khách hàng/ dự án	Đánh giá khả năng phát triển kinh doanh của TCTD thông qua các sản phẩm tài chính bền vững.
Chỉ số sản phẩm/ dịch vụ xanh	Số lượng sáng kiến hoặc sản phẩm xanh được thiết kế với tiêu chí thân thiện môi trường (thẻ tín dụng xanh, app giao dịch không giấy tờ, e-statement, v.v.).	Số sáng kiến/ sản phẩm	Đo lường sự sáng tạo và nỗ lực của TCTD trong việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường.
Chỉ số tiếp cận tài chính bền vững	Tỷ lệ khách hàng tiếp cận các sản phẩm tài chính bền vững (trái phiếu xanh, tiết kiệm xanh, tín dụng cho dự án nông nghiệp hữu cơ...) trên tổng số khách hàng hiện hữu	%	Đánh giá mức độ phổ biến và sự tiếp cận của khách hàng đối với các sản phẩm tài chính bền vững của TCTD.

25 Yêu cầu thông tin báo cáo tình hình cấp tín dụng đối với lĩnh vực xanh theo Văn bản số 9050/NHNN-TD ngày 03/11/2017

4.3. CÔNG BỐ THÔNG TIN

4.3.1. Công bố thông tin về MTXH

Truyền thông về các kết quả hoạt động về phát triển bền vững và quản lý môi trường và xã hội là một thành phần quan trọng trong việc tạo ra giá trị lâu dài đối với TCTD. Công bố thông tin theo các chuẩn mực quốc tế không chỉ giúp tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình mà còn nâng cao uy tín, xây dựng thương hiệu và cải thiện hình ảnh của TCTD trong cộng đồng, đồng thời thu hút sự tin tưởng từ các nhà đầu tư và các bên liên quan.

Các tiêu chuẩn quốc tế:

- **Hướng dẫn Báo cáo Bền vững GRI.** Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) cung cấp các hướng dẫn áp dụng toàn cầu dành để các tổ chức tự nguyện báo cáo về các khía cạnh kinh tế, môi trường và xã hội của hoạt động, sản phẩm và dịch vụ.
- **EPI-Finance 2000 và 2002.** Bộ chỉ số hiệu suất môi trường và xã hội dành riêng cho ngành tài chính, hỗ trợ TCTD đánh giá và truyền thông về hiệu suất quản lý môi trường và trách nhiệm xã hội.
- **Tiêu chuẩn Kế toán Bền vững (SASB):** Cung cấp các tiêu chuẩn ngành cụ thể giúp các TCTD báo cáo về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị (ESG) có tác động tài chính.
- **Nguyên tắc “Ngân hàng có trách nhiệm” (Principles for Responsible Banking - UNEP FI):** Đưa ra các khung làm việc để các TCTD tích hợp yếu tố bền vững vào chiến lược kinh doanh và ra quyết định.

Việt Nam hiện có một số yêu cầu về báo cáo MTXH bao gồm:

- **Thông tư số 96/2020/TT-BTC** của Bộ Tài chính yêu cầu các công ty niêm yết phải công bố thông tin trong báo cáo thường niên liên quan đến phát triển bền vững, trách nhiệm của công ty (bao gồm cả môi trường và xã hội), và quản trị công ty (xem Phụ lục 14: Yêu cầu thông tin MTXH theo Thông tư 96/2020/TT-BTC), Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ban hành các hướng dẫn bao gồm Sổ tay báo cáo bền vững
- **Quyết định số 1408/QĐ-NHNN (1408/QĐ-NHNN)** ngày 26/7/2023 của Thống đốc NHNN khuyến khích các tổ chức tín dụng xây dựng và công bố Báo cáo phát triển bền vững, công bố các cam kết “xanh” của tổ chức mình.

Các TCTD có thể phát triển báo cáo công bố thông tin phù hợp bằng cách:

- Áp dụng các chuẩn mực quốc tế để tạo sự nhất quán và đáp ứng kỳ vọng của nhà đầu tư toàn cầu.
- Xây dựng báo cáo dựa trên các yêu cầu pháp luật Việt Nam, đảm bảo nội dung phù hợp với quy định trong nước.
- Kết hợp các yếu tố bền vững vào chiến lược truyền thông của ngân hàng, như việc sử dụng tiêu chuẩn GRI hoặc các công cụ như TCFD và IFRS S1-S2 để nâng cao chất lượng báo cáo và thúc đẩy hoạt động tín dụng xanh.
- Tăng cường đối thoại với các bên liên quan thông qua các phương tiện công bố thông tin rõ ràng, minh bạch và thường xuyên.



CÁC VẤN ĐỀ MTXH TRỌNG YẾU ĐỐI VỚI CÁC TCTD²⁶

Khung báo cáo MTXH của các TCTD phản ánh bản chất độc đáo của các tổ chức này và vai trò mạnh mẽ của họ với tư cách là trung gian tài chính trong việc thúc đẩy quản lý môi trường giữa các khách hàng, tạo ra tác động xã hội và huy động nguồn tài chính bền vững.

Các vấn đề trọng yếu về môi trường, xã hội và quản trị của TCTD bao gồm:

- Quá trình lồng ghép các yếu tố môi trường và xã hội vào phân tích tài chính;
- Mức độ rủi ro về môi trường và xã hội ở cấp độ danh mục đối với các khoản vay, thế chấp, đầu tư cổ phần, trái phiếu và các công cụ tài chính khác;
- Phân tích kịch bản dự báo hậu quả của các kịch bản khí hậu khác nhau đến lợi nhuận của tổ chức;
- Các chiến lược và sáng kiến nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính cho các cộng đồng chưa được phục vụ đầy đủ;
- Huy động và phân bổ vốn cho các hoạt động và đầu tư được coi là có lợi cho môi trường và xã hội;
- Dữ liệu dự án cụ thể cho các dự án nhạy cảm về môi trường và xã hội.

4.3.2. Công bố thông tin liên quan đến khí hậu

Biến đổi khí hậu ngày càng ảnh hưởng lớn đến các ngành kinh tế, đặc biệt là ngành tài chính – ngân hàng, nơi chịu tác động từ cả rủi ro vật lý (thiên tai, biến đổi thời tiết) lẫn rủi ro chuyển đổi (thay đổi chính sách, công nghệ). Công bố thông tin liên quan đến khí hậu ngày càng trở thành một nội dung quan trọng trong các báo cáo chính thống của doanh nghiệp nói chung và các TCTD nói riêng. Việc công bố thông tin này không chỉ giúp tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình mà còn nâng cao uy tín và niềm tin của các bên liên quan, bao gồm nhà đầu tư, khách hàng và cộng đồng. Hiện nay, công bố thông tin về khí hậu đã trở thành một thực tiễn phổ biến và được nhiều TCTD trên toàn thế giới áp dụng.

Công bố thông tin về khí hậu giúp TCTD:

- Nhận diện và quản lý các rủi ro tài chính phát sinh từ biến đổi khí hậu, như rủi ro vật lý (thiên tai, biến đổi thời tiết) và rủi ro chuyển đổi (thay đổi chính sách, công nghệ).
- Tích hợp các yếu tố khí hậu vào chiến lược phát triển bền vững và bảo vệ lợi ích dài hạn của mình.
- Đáp ứng yêu cầu từ nhà đầu tư và các bên liên quan quốc tế.

Các chuẩn mực quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp khung công bố thông tin về khí hậu, bao gồm:

- **Lực lượng Đặc nhiệm về Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu (Task Force on Climate-related Financial Disclosures - TCFD)** là một tổ chức quốc tế cung cấp hướng dẫn cụ thể về công bố thông tin liên quan đến khí hậu. Tiêu chuẩn của TCFD bao gồm các yếu tố chính như:
 - **Quản trị:** Công bố cấu trúc quản trị của tổ chức đối với các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu, bao gồm sự giám sát của hội đồng quản trị đối với các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu, vai trò của ban điều hành trong việc đánh giá và quản lý các rủi ro và cơ hội.
 - **Chiến lược:** Công bố thông tin về các tác động thực tế và tiềm ẩn của các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu đối với hoạt động kinh doanh, chiến lược và lập kế hoạch tài chính của tổ chức nếu các thông tin đó là quan trọng, bao gồm các rủi ro tín dụng của các tài sản liên quan đến carbon và các rủi ro liên quan đến khí hậu trong hoạt động cho vay và đầu tư.

²⁶ Xem thêm tại: <https://www.ifcbeyondthebalancesheet.org/sustainability-reporting-financial-institutions>

- **Quản lý rủi ro:** Công bố thông tin về cách tổ chức xác định/nhận diện, đánh giá và quản lý các rủi ro liên quan đến khí hậu. Bao gồm mô tả các rủi ro liên quan đến khí hậu trong bối cảnh các loại rủi ro truyền thống như tín dụng, thị trường, thanh khoản và hoạt động.
- **Các chỉ số và mục tiêu:** Công bố thông tin về các chỉ số và mục tiêu được sử dụng để đánh giá và quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu nếu các thông tin đó là quan trọng. Bao gồm các chỉ số đo lường tác động của các rủi ro liên quan đến khí hậu lên hoạt động cho vay và đầu tư trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Đồng thời, công bố số lượng và tỷ lệ tài sản liên quan đến carbon so với tổng tài sản cũng như số tiền cho vay và tài trợ khác liên quan đến các cơ hội liên quan đến khí hậu.
- Tham khảo thêm: Cập nhật phiên bản mới nhất về *Hướng dẫn công bố tài chính khí hậu* của TCFD: <https://www.fsb-tcfd.org/publications/>
- **IFRS S1 và S2:** Cùng với sự phát triển của các tiêu chuẩn quốc tế và nhu cầu nâng cao tính minh bạch trong công bố thông tin tài chính về khí hậu, khung TCFD đã dần chuyển đổi sang các chuẩn mực mới: IFRS S1 và S2 từ Ủy ban Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IASB).
 - **IFRS S1:** “Yêu cầu chung về công bố thông tin tài chính liên quan đến tính bền vững”, đặt ra các nguyên tắc cơ bản để công bố các rủi ro và cơ hội liên quan đến tính bền vững.
 - **IFRS S2:** “Công bố liên quan đến khí hậu”, kế thừa các công bố được khuyến nghị về quản trị của TCFD, đồng thời IFRS S2 yêu cầu các doanh nghiệp báo cáo chi tiết hơn về chiến lược, các rủi ro và cơ hội khí hậu, và các biện pháp cụ thể để quản lý rủi ro khí hậu, bao gồm cả rủi ro vật lý và rủi ro chuyển đổi.

Việc chuyển đổi từ TCFD sang IFRS S1 và S2 không chỉ nhằm chuẩn hóa các báo cáo tài chính về khí hậu mà còn cung cấp một khuôn khổ toàn diện hơn cho các doanh nghiệp và TCTD trong việc đánh giá, quản lý, và công bố thông tin về các tác động của biến đổi khí hậu. Điều này giúp các TCTD nâng cao năng lực quản lý rủi ro, đồng thời đáp ứng được yêu cầu khắt khe của các nhà đầu tư.

- Tham khảo thêm: So sánh IFRS S2 với 11 công bố được khuyến nghị của TCFD: *IFRS S2: The Framework Transforming Financial Institutions for Climate Challenge* | Renoir Consulting (renoirgroup.com)
- **Nguyên tắc “Ngân hàng có trách nhiệm” (UNEP FI):** Định hướng các ngân hàng tích hợp yếu tố bền vững vào chiến lược kinh doanh, thúc đẩy tài chính xanh và quản lý rủi ro khí hậu.
- **Tham khảo thêm:** Phụ lục 16 Tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến kiểm kê và báo cáo KNK

Việt Nam đã ban hành các quy định và hướng dẫn cụ thể để thúc đẩy công bố thông tin khí hậu, bao gồm:

- **Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững** được phối hợp xuất bản bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) trên cơ sở dự án hợp tác nhằm thúc đẩy công bố thông tin về môi trường và xã hội của các doanh nghiệp Việt Nam.
- **Sổ tay Hướng dẫn Báo cáo Phát thải Khí Nhà kính** do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xây dựng với sự hỗ trợ kỹ thuật của Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC, Tổng cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ SECO và BSI Việt Nam, nhằm giúp các doanh nghiệp thực hiện kiểm kê và báo cáo phát thải Khí Nhà kính dễ dàng hơn, giúp các doanh nghiệp đáp ứng các quy định của pháp luật và các yêu cầu liên quan đến công bố thông tin về khách hàng và chuỗi cung ứng, cũng như giúp các doanh nghiệp bắt đầu hành trình hướng tới phát thải ròng bằng không.
- **Rủi ro khí hậu của Việt Nam và các thông lệ tốt nhất về công bố thông tin TCFD** - Hướng dẫn công bố rủi ro tài chính hữu hình liên quan đến khí hậu cho thành viên tham gia thị trường mới nổi và đang phát triển thực hiện bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và GIZ, với sự hợp tác của Sáng kiến Tài chính Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP FI) và Hội đồng Chuẩn mực Công bố Thông tin Khí hậu (CDSB)



5. SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CƠ CHẾ KHIẾU NẠI VỀ CÁC VẤN ĐỀ MTXH

Cơ chế khiếu nại đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá và kiểm soát rủi ro MTXH, đồng thời giúp TCTD xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan. Việc có một cơ chế hiệu quả giúp giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, ngăn ngừa xung đột leo thang, từ đó hạn chế rủi ro ảnh hưởng đến uy tín của TCTD cũng như giảm thiểu gián đoạn đối với các dự án được cấp tín dụng.

Ngoài ra, cơ chế khiếu nại còn giúp TCTD và khách hàng của mình xác định nhu cầu thực tế của các bên liên quan, từ đó đưa ra các chương trình hỗ trợ cộng đồng và các sáng kiến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) phù hợp. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng CSR không đồng nghĩa với sự tham gia của các bên liên quan, vì tham gia của các bên liên quan là một quá trình nhiều tầng, bao gồm việc xác định nhóm đối tượng liên quan và duy trì đối thoại qua các cuộc tham vấn thường xuyên.

Một cơ chế giải quyết khiếu nại hiệu quả là yếu tố quan trọng giúp các cộng đồng bị ảnh hưởng có thể nêu lên những lo ngại của họ một cách chính thức và minh bạch. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các khoản tín dụng có tác động lớn đến cộng đồng và môi trường, bao gồm:

- Dự án tác động đến nhóm yếu thế (dân tộc thiểu số, hộ gia đình có thu nhập thấp).
- Ngành có rủi ro cao (khai thác khoáng sản, công nghiệp nặng).
- Giao dịch tài trợ dự án đòi hỏi phải thu hồi đất hoặc ảnh hưởng đến đa dạng sinh học, di sản văn hóa.
- Khu vực có rủi ro an ninh cao.

Mặc dù mục tiêu chính của cơ chế khiếu nại là hỗ trợ các dự án có tác động lớn, nhưng TCTD cũng cần duy trì một hệ thống tiếp nhận và xử lý khiếu nại hiệu quả trong nội bộ, giúp giám sát rủi ro MTXH trong danh mục tín dụng. Việc này không chỉ giúp TCTD xử lý các vấn đề tiềm ẩn một cách chủ động mà còn thể hiện cam kết minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Một cơ chế khiếu nại hiệu quả có đặc điểm là:

- Dễ tiếp cận: Các bên liên quan có thể dễ dàng gửi khiếu nại mà không gặp rào cản về thủ tục.
- Minh bạch: Quá trình xử lý khiếu nại rõ ràng, có phản hồi kịp thời và đảm bảo công bằng.
- Phù hợp với đặc thù văn hóa địa phương: Hình thức tiếp nhận và giải quyết khiếu nại phù hợp với tập quán địa phương.

Một cơ chế khiếu nại được xây dựng và vận hành tốt sẽ mang lại lợi ích cho tất cả các bên liên quan, giúp giải quyết tranh chấp kịp thời, tránh phải sử dụng đến các biện pháp pháp lý tốn kém hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến tiến độ dự án. Ngoài ra, việc này cũng giúp khách hàng duy trì khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với TCTD.

PHỤ LỤC 1. NGUỒN THÔNG TIN THAM KHẢO VÀ CÁC CÔNG CỤ BỔ SUNG

CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

STT	Tên văn bản	Số hiệu	Ngày ban hành
1	Luật Bảo vệ môi trường	72/2020/QH14	17/11/2020
2	Bộ luật Lao động 2019	45/2019/QH14	20/11/2019
3	Luật Bảo hiểm xã hội 2014	58/2014/QH13	20/11/2014
4	Nghị định về Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường	08/2022/NĐ-CP	10/01/2022
5	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	05/2025/NĐ-CP	06/01/2025
6	Nghị định hướng dẫn Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Phòng cháy và chữa cháy sửa đổi	136/2020/NĐ-CP	24/11/2020
7	Nghị định hướng dẫn Luật An toàn, vệ sinh lao động	39/2016/NĐ-CP	15/05/2016
8	Thông tư hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường	02/2022/TT-BTNMT	10/01/2022
9	Thông tư hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu	01/2022/TT-BTNMT	07/01/2022
10	Chỉ thị về Thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng	03/CT-NHNN	24/3/2015
11	Thông tư quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với Khách hàng	39/2016/TT-NHNN	30/12/2016
12	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với Khách hàng	06/2023/TT-NHNN	28/06/2023
13	Thông tư hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	17/2022/TT-NHNN	23/12/2022

TỔNG HỢP CÁC NGUỒN THÔNG TIN THAM KHẢO VÀ CÔNG CỤ BỔ SUNG

1. TIÊU CHUẨN HOẠT ĐỘNG MTXH CỦA IFC (IFC PERFORMANCE STANDARDS) VÀ NGUYÊN TẮC XÍCH ĐẠO (EQUATOR PRINCIPLES)

Tiêu chuẩn Hoạt động MTXH của IFC (IFC Performance Standards) và Nguyên tắc Xích đạo (Equator Principles) là các khung quản lý rủi ro môi trường và xã hội được áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực tài chính toàn cầu.

Tiêu chuẩn Hoạt động MTXH của IFC (IFC Performance Standards): Được thiết lập bởi Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), các Tiêu chuẩn hoạt động này cung cấp hướng dẫn cho các khách hàng về cách xác định và quản lý rủi ro

môi trường và xã hội trong các dự án đầu tư. Chúng được coi là tiêu chuẩn quốc tế cho các khoản đầu tư tư nhân tại các thị trường mới nổi. (<https://www.ifc.org/en/insights-reports/2012/ifc-performance-standards>)

Nguyên tắc Xích đạo (Equator Principles): Ra mắt vào năm 2003, Nguyên tắc Xích đạo dựa trên Tiêu chuẩn Hiệu suất của IFC và cung cấp một khung quản lý rủi ro cho các tổ chức tài chính nhằm xác định, đánh giá và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong các dự án. Tính đến tháng 3 năm 2021, 116 tổ chức tài chính tại 37 quốc gia đã chính thức áp dụng Nguyên tắc Xích đạo. (Nguồn: <https://equator-principles.com/signatories-epfis-reporting/>)

Áp dụng tại Việt Nam: Tại Việt Nam, một số ngân hàng thương mại đã cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường và xã hội, bao gồm cả việc tham khảo Tiêu chuẩn Hoạt động MTXH của IFC và Nguyên tắc Xích đạo, nhằm nâng cao quản lý rủi ro và thúc đẩy phát triển bền vững. (Nguồn: https://fairfinanceasia.org/wp-content/uploads/2022/04/FFV_ESG-commitments-of-Vietnamese-banks.pdf)

Việc áp dụng các khung quản lý này giúp các tổ chức tài chính giảm thiểu rủi ro, tăng cường uy tín và đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.

2. FIRST FOR SUSTAINABILITY: HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ RỦI RO MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

FIRST for Sustainability là một nền tảng kiến thức toàn cầu được phát triển bởi Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) với mục tiêu hỗ trợ các tổ chức tài chính trong việc quản lý rủi ro môi trường và xã hội (MTXH) trong các hoạt động tín dụng và đầu tư. Đây là một công cụ quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển bền vững và giảm thiểu tác động tiêu cực đối với môi trường và xã hội trong các dự án do các tổ chức tài chính tài trợ. Để biết thêm thông tin hãy truy cập: <https://firstforsustainability.org/>

3. HƯỚNG DẪN VỀ MÔI TRƯỜNG, SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN (EHS)

EHS là tài liệu tham khảo kỹ thuật với các ví dụ chung và ví dụ cụ thể về Thực hành Công nghiệp Quốc tế Tốt (GIIP) và được tham chiếu trong Khung Môi trường và Xã hội của Ngân hàng Thế giới cũng như trong Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC. Hướng dẫn EHS bao gồm các mức độ thực hiện và các biện pháp thường được Nhóm Ngân hàng Thế giới chấp nhận và thường được coi là có thể đạt được ở các cơ sở mới với chi phí hợp lý bằng công nghệ hiện có. Theo thời gian, bộ Hướng dẫn này đã được sử dụng rộng rãi bởi các tổ chức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như các định chế tài chính quốc tế, các nhà lập chính sách, các nhà sản xuất, nhà nghiên cứu và các ngân hàng thương mại, đặc biệt là những ngân hàng gia nhập Nguyên tắc Xích Đạo. Để biết thêm thông tin hãy truy cập: [World Bank Group Environmental, Health, and Safety Guidelines \(ifc.org\)](https://www.worldbank.org/en/programs/ehs/guidelines)

4. NGÂN HÀNG TÁI THIẾT VÀ PHÁT TRIỂN CHÂU ÂU (EBRD)

Ngân hàng Tái thiết và Phát triển châu Âu (EBRD) đã triển khai một loạt công cụ để quản lý và thúc đẩy tài chính bền vững, được áp dụng tại nhiều quốc gia và ngân hàng đối tác. Dưới đây là tổng quan về các công cụ chính và phạm vi áp dụng của chúng:

Chương trình tài trợ thương mại xanh (Green Trade Facilitation Programme - Green TFP): Green TFP hỗ trợ tài trợ thương mại cho việc nhập khẩu và phân phối các công nghệ và vật liệu xanh hiệu suất cao. Từ năm 2016, chương trình đã hỗ trợ hơn 2,6 tỷ euro trong tài trợ thương mại xanh, với hơn 1.750 giao dịch tại 27 quốc gia, bao gồm khu vực Đông Nam Á, Trung Á, Đông Âu và Caucasus, cũng như khu vực Nam và Đông Địa Trung Hải. (Nguồn: <https://tfp-ebd.com/wp-content/uploads/2024/05/Green-Factsheet-2024.pdf>)

Các hỗ trợ tài chính kinh tế xanh (Green Economy Financing Facilities - GEFFs): GEFFs phát triển thị trường tài chính địa phương cho các dự án năng lượng bền vững và hiệu quả tài nguyên. EBRD cung cấp các khoản tín dụng

và hỗ trợ kỹ thuật cho các đối tác địa phương, bao gồm ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và các tổ chức tài chính phi ngân hàng, như công ty cho thuê tài chính, sàn giao dịch chứng khoán và công ty bảo hiểm. (Nguồn: <https://www.ebrd.com/financial-institutions/sustainable-finance/overview.html>)

Công cụ Chọn lọc Công nghệ Xanh (Green Technology Selector - GTS): GTS là một nền tảng trực tuyến cung cấp danh mục các sản phẩm và nhà cung cấp công nghệ hiệu suất cao, giúp doanh nghiệp và hộ gia đình giảm chi phí tiện ích, tăng cường chất lượng dịch vụ hoặc năng suất, đồng thời giảm phát thải khí nhà kính và tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu. (Nguồn: <https://ebrdgeff.com/georgia/en/j-p-morgan-recognises-the-ebrds-green-tfp-and-gts-as-ways-to-promote-sustainable-trade-operations/>)

4. Trái phiếu Xanh và Trái phiếu Bền vững: EBRD tham gia tích cực vào việc phát hành trái phiếu xanh và bền vững, hỗ trợ các dự án giảm thiểu biến đổi khí hậu và thúc đẩy phát triển bền vững. Tính đến tháng 12 năm 2019, EBRD đã cam kết 8,5 tỷ euro cho các dự án này, với 4,5 tỷ euro đang hoạt động trong 350 dự án. (Nguồn: <https://www.e3g.org/bank-metrics/promotion-of-green-finance-ebrd/>)

5. Đối thoại Chính sách và Hỗ trợ Kỹ thuật: EBRD tham gia vào đối thoại chính sách với các cơ quan quản lý tài chính và ngân hàng trung ương, cũng như với các bên liên quan quốc tế và các tổ chức thiết lập tiêu chuẩn như Mạng lưới Xanh hóa Hệ thống Tài chính (Network for Greening the Financial System) và Nhóm Công tác về Biến đổi Khí hậu của Sáng kiến Vienna. Mục tiêu là hỗ trợ các ngân hàng đối tác áp dụng các chính sách tài chính bền vững và thực hành quản lý rủi ro khí hậu. (Nguồn: <https://www.ebrd.com/financial-institutions/sustainable-finance/green-financial-systems.html>)

Các công cụ này được áp dụng tại nhiều quốc gia nơi EBRD hoạt động, bao gồm các nước ở Đông Nam Á, Trung Á, Đông Âu và khu vực Nam và Đông Địa Trung Hải. Các ngân hàng và tổ chức tài chính địa phương trong các khu vực này hợp tác với EBRD để triển khai các công cụ tài chính bền vững, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xanh và bền vững.

5. IFC ESMS DIAGNOSTIC TOOL: CÔNG CỤ CHẨN ĐOÁN HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

IFC ESMS Diagnostic Tool là một công cụ trực tuyến được phát triển bởi IFC nhằm hỗ trợ các tổ chức tài chính và doanh nghiệp tự đánh giá và cải thiện Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội (Environmental and Social Management System - ESMS) của họ. Đây là một phần trong nỗ lực thúc đẩy phát triển bền vững và giảm thiểu rủi ro môi trường và xã hội trong các hoạt động kinh doanh. Để biết thêm thông tin hãy truy cập: <https://www.ifcesmsdiagnostic.org/>

6. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN BỀN VỮNG (SASB) CHO NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Chuẩn mực Kế toán Bền vững (Sustainability Accounting Standards Board - SASB) là một trong những khung hướng dẫn được thiết kế để hỗ trợ các doanh nghiệp công bố thông tin về các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) một cách minh bạch và hiệu quả. SASB đặc biệt tập trung vào việc cung cấp các chỉ số cụ thể, có thể đo lường, giúp các nhà đầu tư và bên liên quan đánh giá hiệu suất bền vững của doanh nghiệp. Phiên bản tháng 12/2023, có hiệu lực chính thức từ 1/1/2025: [commercial-banks-standard_en-gb.pdf \(d3flraxduht3gu.cloudfront.net\)](https://www.sasb.org/standards/financial-institutions/2023/)

7. LỰC LƯỢNG ĐẶC NHIỆM VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN TÀI CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN KHÍ HẬU (TASK FORCE ON CLIMATE-RELATED FINANCIAL DISCLOSURES - TCFD)

Lực lượng Đặc nhiệm về Công bố Thông tin Tài chính Liên quan đến Khí hậu (TCFD) là một sáng kiến quốc tế được

thành lập vào năm 2015 bởi Hội đồng Ổn định Tài chính (Financial Stability Board - FSB). Mục tiêu của TCFD là phát triển một khung công bố thông tin thống nhất và minh bạch về rủi ro và cơ hội liên quan đến biến đổi khí hậu, giúp các doanh nghiệp, tổ chức tài chính và các bên liên quan hiểu rõ hơn về tác động tài chính của khí hậu.

TCFD khuyến nghị các tổ chức công bố thông tin theo bốn yếu tố chính:

- **Quản trị (Governance):**
 - Công bố cấu trúc quản trị liên quan đến rủi ro và cơ hội khí hậu.
 - Vai trò của hội đồng quản trị và ban điều hành trong giám sát và quản lý các vấn đề khí hậu.
- **Chiến lược (Strategy):**
 - Mô tả các rủi ro và cơ hội khí hậu có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, chiến lược, và kế hoạch tài chính của tổ chức.
 - Phân tích kịch bản để đánh giá tác động của các tình huống khí hậu khác nhau.
- **Quản lý rủi ro (Risk Management):**
 - Nêu rõ cách tổ chức nhận diện, đánh giá và quản lý các rủi ro khí hậu trong bối cảnh rủi ro tín dụng, thị trường, thanh khoản và hoạt động.
- **Chỉ số và mục tiêu (Metrics and Targets):**
 - Công bố các chỉ số và mục tiêu liên quan đến quản lý rủi ro và cơ hội khí hậu, bao gồm phát thải khí nhà kính, tỷ lệ tài sản liên quan đến carbon và các khoản tài trợ cho các cơ hội khí hậu.
- **Ứng dụng TCFD trong Ngân hàng:**
 - Công bố mức độ tiếp xúc tín dụng với các ngành nhạy cảm với biến đổi khí hậu.
 - Đánh giá rủi ro tín dụng và cơ hội từ các dự án tài chính xanh.
- **TCFD tương thích và bổ sung cho các tiêu chuẩn và khung công bố thông tin khác như:**
 - **IFRS S1 & S2:** TCFD cung cấp cơ sở dữ liệu cho các yêu cầu công bố tài chính liên quan đến khí hậu của IFRS.
 - **SASB:** TCFD hỗ trợ thông tin định lượng và định tính về ESG phù hợp với các tiêu chuẩn ngành cụ thể.

8. HIỆP HỘI TÀI CHÍNH KẾ TOÁN CARBON (PARTNERSHIP FOR CARBON ACCOUNTING FINANCIALS - PCAF)

Hiệp hội Tài chính Kế toán Carbon (PCAF) là một sáng kiến toàn cầu được thành lập vào năm 2015 nhằm hỗ trợ các tổ chức tài chính đo lường và báo cáo lượng khí nhà kính (KNK) liên quan đến các danh mục tín dụng và đầu tư của họ. Với sự tham gia của hơn 350 tổ chức tài chính trên toàn thế giới (tính đến năm 2023), PCAF đã trở thành một tiêu chuẩn hàng đầu cho việc tính toán lượng KNK trong lĩnh vực tài chính.

Các thành phần chính của PCAF

- **Phương pháp kế toán KNK:**
 - PCAF sử dụng cách tiếp cận dựa trên **dấu chân carbon** để đo lường lượng phát thải liên quan đến các danh mục tài chính, bao gồm các khoản vay và đầu tư.
- **Danh mục tài chính được đánh giá:**
 - Các lĩnh vực bao gồm: tín dụng doanh nghiệp, tín dụng bán lẻ, tài trợ dự án, đầu tư cổ phiếu, và trái phiếu.

- **Phân loại phát thải:**
 - **Phát thải Trực tiếp (Scope 1):** Phát thải từ hoạt động của doanh nghiệp.
 - **Phát thải Gián tiếp (Scope 2):** Phát thải từ năng lượng tiêu thụ.
 - **Phát thải Liên Quan (Scope 3):** Phát thải từ các chuỗi giá trị, bao gồm các dự án hoặc doanh nghiệp mà tổ chức tài trợ.
 - **Báo cáo minh bạch:**
 - Các tổ chức tham gia PCAF được yêu cầu công bố dữ liệu phát thải theo phương pháp tiêu chuẩn, giúp đảm bảo tính minh bạch và khả năng so sánh.
 - **Ứng dụng của PCAF cho Ngân hàng:** Tính toán lượng phát thải từ danh mục tín dụng, bao gồm các khoản vay bất động sản, năng lượng, và các lĩnh vực dễ bị tổn thương bởi khí hậu.
 - **Mối quan hệ với các tiêu chuẩn khác:**
 - **TCFD:** PCAF cung cấp dữ liệu đầu vào chi tiết để đáp ứng các yêu cầu công bố của TCFD.
 - **IFRS S2:** PCAF hỗ trợ các tổ chức tài chính xây dựng các báo cáo khí hậu phù hợp với khung công bố tài chính của IFRS.
9. ỦY BAN BASEL VỀ GIÁM SÁT NGÂN HÀNG (BCBS): “CÁC NGUYÊN TẮC VỀ QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT HIỆU QUẢ RỦI RO TÀI CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU”²⁷

Tài liệu này cung cấp hướng dẫn quan trọng cho các tổ chức tài chính trong việc quản lý và giám sát rủi ro tài chính liên quan đến biến đổi khí hậu. BCBS đưa ra các khuyến nghị tập trung vào việc tích hợp quản trị rủi ro khí hậu vào hệ thống quản trị, kiểm soát nội bộ và quy trình đánh giá rủi ro. Mục tiêu của BCBS là tạo ra một nền tảng chung cho các ngân hàng hoạt động quốc tế, đồng thời đảm bảo sự linh hoạt để phù hợp với các hệ thống ngân hàng đa dạng trên thế giới. Tài liệu đề xuất một cách tiếp cận tỷ lệ thuận và dựa trên rủi ro, nghĩa là mức độ áp dụng sẽ tùy thuộc vào quy mô và mức độ phức tạp của từng tổ chức tài chính. Xem thêm tại <https://www.bis.org/bcbs/publ/d532.pdf>

10. SỔ TAY HƯỚNG DẪN KIỂM TRA CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI KHI XEM XÉT CẤP TÍN DỤNG CHO CÁC DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN SXKD

Sổ tay Hướng dẫn kiểm tra các vấn đề môi trường và xã hội khi xem xét cấp tín dụng cho các dự án/phương án SXKD trong 15 ngành cụ thể (nông nghiệp, hóa chất, xây dựng và cơ sở hạ tầng, năng lượng, chế biến thực phẩm, dệt may, dầu khí, xử lý chất thải, khai thác mỏ và các sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại, sản xuất nhiệt điện, sản xuất giấy và bột giấy, nhuộm vải, sản xuất pin và ắc quy, chế biến thủy sản). Sổ tay do Ngân hàng Nhà nước phối hợp với Tổ chức tài chính quốc tế (IFC) xây dựng.

11. SỔ TAY GIỚI THIỆU VỀ MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ (ESG) 2024

Sổ tay giới thiệu quy định pháp lý về môi trường, xã hội, quản trị năm 2024 do Cục Phát triển Doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) xây dựng tổng hợp quy định pháp luật thực định liên quan đến từng trụ cột ESG, lĩnh vực và chủ đề cụ thể. Tham khảo và cập nhật tại: <https://esg.business.gov.vn/library/detail/117>

²⁷ Principles for the effective management and supervision of climate-related financial risks (June 2022)

PHỤ LỤC 2. CÁC VẤN ĐỀ VỀ MTXH

Phụ lục này tổng hợp yêu cầu chính từ các quy định pháp lý hiện hành của Việt Nam, trên cơ sở có tham khảo thêm các thông lệ tốt trong Hướng dẫn chung về Môi trường, Sức khỏe và An toàn (EHS) của IFC, và Tiêu chuẩn Hoạt động MTXH của IFC nhằm hỗ trợ các TCTD trong việc đánh giá rủi ro môi trường và xã hội khi thẩm định tín dụng. Mục tiêu là đảm bảo doanh nghiệp tuân thủ pháp luật, đồng thời nâng cao tính bền vững trong danh mục tín dụng.

- Các quy định pháp lý hiện hành của Việt Nam có thể được tham khảo và cập nhật tại: <https://esg.business.gov.vn/library/detail/117>
- Hướng dẫn chung về Môi trường, Sức khỏe và An toàn (EHS) của IFC có thể được tham khảo và cập nhật tại: [World Bank Group Environmental, Health, and Safety Guidelines \(ifc.org\)](https://www.ifc.org/content/dam/ifc/doc/2000/2007-general-ehs-guidelines-vi.pdf), <https://www.ifc.org/content/dam/ifc/doc/2000/2007-general-ehs-guidelines-vi.pdf>

BỤI, KHÍ THẢI VÀ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Các nguồn phát thải khí trong công nghiệp:

- Quá trình đốt nhiên liệu: sử dụng than, dầu, khí tự nhiên, và các loại nhiên liệu hóa thạch khác trong các nhà máy điện, lò đốt, và phương tiện giao thông.
- Quá trình sản xuất công nghiệp: quá trình sản xuất xi măng, thép, hóa chất, và các ngành công nghiệp nặng khác.
- Lưu trữ và vận chuyển nguyên liệu: bụi phát sinh từ các hoạt động khai thác, vận chuyển và lưu trữ vật liệu như than đá, quặng, xi măng.
- Hoạt động xây dựng: bụi từ các công trường xây dựng, phá dỡ công trình, và đường giao thông..

Các biện pháp kiểm soát bụi và khí thải:

- Sử dụng công nghệ đốt sạch: áp dụng công nghệ đốt sạch hơn để giảm thiểu lượng khí thải. Các công nghệ này bao gồm lò đốt tầng sôi, lò đốt khép kín và các hệ thống đốt với kiểm soát nhiệt độ.
- Hệ thống lọc khí thải: sử dụng các thiết bị lọc khí như bộ lọc túi, bộ lọc tĩnh điện, và hệ thống lọc ướt để loại bỏ bụi và các chất ô nhiễm trước khi thải ra môi trường.
- Nâng cao hiệu quả năng lượng: sử dụng năng lượng hiệu quả hơn trong quá trình sản xuất để giảm lượng khí thải. Điều này bao gồm việc sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng và áp dụng các biện pháp cải tiến quy trình.
- Lựa chọn nhiên liệu ít ô nhiễm: sử dụng nhiên liệu sạch hơn như khí tự nhiên, năng lượng tái tạo thay vì nhiên liệu hóa thạch truyền thống.
- Biện pháp kiểm soát bụi tại chỗ: che phủ, tưới nước, và kiểm soát độ ẩm đối với các đồng vật liệu lưu trữ hở, và sử dụng hệ thống hút bụi trong quá trình xử lý vật liệu.
- Kiểm soát và giám sát phát thải: thiết lập hệ thống giám sát và kiểm soát phát thải khí, bao gồm việc lắp đặt các thiết bị đo lường và giám sát liên tục.
- Quản lý và bảo dưỡng thiết bị: đảm bảo thiết bị và hệ thống kiểm soát khí thải được bảo dưỡng và vận hành đúng cách để đạt hiệu quả tối ưu.

Các quy định về kiểm soát bụi và khí thải:

- Luật Bảo vệ môi trường 2020, số 72/2020/QH14: Quy định các biện pháp bảo vệ môi trường, trong đó bao gồm việc kiểm soát ô nhiễm không khí và chất lượng không khí xung quanh.
- Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường: Quy định về quan trắc nước thải, bụi, khí thải.
- Thông tư 10/2021/TT-BTNMT kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu: quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường đối với chất lượng không khí xung quanh, khí thải công nghiệp.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường không khí:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05:2023/BTNMT): Đưa ra các mức giới hạn cho các chất ô nhiễm không khí như SO_2 (lưu huỳnh dioxide), CO (carbon monoxide), NO_2 (nitơ dioxide), O_3 (ozon), TSP (tổng bụi lơ lửng), bụi PM10 và bụi PM2,5.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT): Quy định giới hạn tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT): Quy định giới hạn tối đa cho phép của các chất hữu cơ dễ bay hơi trong khí thải công nghiệp.

KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Các nguồn sử dụng và thải nước trong công nghiệp:

- Quá trình sản xuất: sử dụng nước trong các quá trình sản xuất như làm mát, rửa sạch, xử lý hóa chất, và chế biến sản phẩm.
- Quá trình vận hành: nước được sử dụng trong hệ thống làm mát, hệ thống hơi nước, và các quá trình vận hành khác.
- Quá trình sinh hoạt: nước sử dụng cho các hoạt động sinh hoạt của nhân viên trong nhà máy, bao gồm nước uống, tắm rửa, và vệ sinh.

Các biện pháp kiểm soát việc sử dụng và quản lý tài nguyên nước:

- Tối ưu hóa sử dụng nước: áp dụng các biện pháp tiết kiệm nước trong quá trình sản xuất và vận hành. Điều này bao gồm việc sử dụng công nghệ tiết kiệm nước, tối ưu hóa quy trình và quản lý nước hiệu quả.
- Tái sử dụng và tái chế nước: sử dụng hệ thống tái chế nước để tái sử dụng nước trong các quá trình sản xuất. Nước thải sau khi được xử lý có thể được tái sử dụng trong các quy trình không yêu cầu chất lượng nước cao.
- Xử lý nước thải: sử dụng các hệ thống xử lý nước thải để loại bỏ các chất ô nhiễm trước khi thải ra môi trường. Các công nghệ xử lý nước thải bao gồm hệ thống xử lý sinh học, hóa học và cơ học.
- Giảm thiểu nước thải: áp dụng các biện pháp giảm thiểu lượng nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất, bao gồm việc kiểm soát chặt chẽ các quy trình sản xuất và sử dụng công nghệ hiện đại.
- Quan trắc và giám sát chất lượng nước: thiết lập hệ thống quan trắc và giám sát chất lượng nước, bao gồm việc lắp đặt các thiết bị đo lường và giám sát liên tục để đảm bảo rằng nước thải ra môi trường đạt các tiêu chuẩn quy định.

- Quản lý và bảo dưỡng hệ thống: đảm bảo các hệ thống xử lý nước và tiết kiệm nước được bảo dưỡng và vận hành đúng cách để đạt hiệu quả tối ưu. Thực hiện các kế hoạch bảo dưỡng định kỳ và kiểm tra thường xuyên.

Các quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên nước:

- Luật Tài nguyên nước 2023, số 28/2023/QH15: Quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.
- Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường: Quy định về quan trắc nước thải, bụi, khí thải.
- Nghị định 02/2023/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, bao gồm giấy phép thăm dò nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước biển
- Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: quy định về giấy phép môi trường
- Thông tư 10/2021/TT-BTNMT kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu: Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường đối với nước mặt, nước dưới đất, nước biển, nước mưa, đất, trầm tích, nước thải, bùn thải từ hệ thống xử lý nước.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý nước:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (QCVN 08:2023/BTNMT) quy định giá trị giới hạn các thông số chất lượng môi trường nước mặt, bao gồm: sông, suối, kênh, mương, khe, rạch, hồ, ao, đầm.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT): quy định giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN, CHẤT THẢI NGUY HẠI

Các nguồn phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại trong công nghiệp:

- Quá trình sản xuất: các phế liệu, vật liệu thừa từ quá trình sản xuất, bao gồm cả các chất thải nguy hại và không nguy hại.
- Hoạt động xây dựng và phá vỡ: chất thải xây dựng như bê tông, gạch, gỗ, và kim loại. Phá dỡ công trình cũng tạo ra lượng lớn chất thải xây dựng và chất thải nguy hại
- Hoạt động sinh hoạt: chất thải sinh hoạt từ cán bộ, công nhân viên trong nhà máy, bao gồm thực phẩm thừa, bao bì, giấy và nhựa.
- Chất thải từ bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị: các loại dầu mỡ, hóa chất, linh kiện hỏng hóc, và các loại vật liệu khác phát sinh từ quá trình bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị.

Các biện pháp kiểm soát và quản lý chất thải:

- Phân loại và lưu trữ chất thải: phân loại chất thải tại nguồn để dễ dàng quản lý và xử lý. Chất thải nên được phân loại thành chất thải nguy hại và không nguy hại, chất thải có thể tái chế và chất thải không thể tái chế. Sử dụng các thùng chứa, kho lưu trữ chất thải đạt chuẩn để lưu trữ chất thải an toàn trước khi xử lý hoặc vận chuyển. Các thùng chứa phải được dán nhãn rõ ràng và đảm bảo không rò rỉ.

- Tái sử dụng và tái chế: khuyến khích tái sử dụng các vật liệu và sản phẩm trong quá trình sản xuất để giảm thiểu lượng chất thải phát sinh. Thiết lập các chương trình tái chế để chuyển đổi các phế liệu thành nguyên liệu cho các quá trình sản xuất khác. Đảm bảo rằng chất thải tái chế được xử lý bởi các đơn vị có giấy phép và đủ năng lực.
- Xử lý chất thải: chất thải nguy hại phải được xử lý theo quy định pháp luật và các tiêu chuẩn quốc tế. Sử dụng các công nghệ xử lý tiên tiến như xử lý nhiệt, xử lý hóa học và xử lý sinh học để đảm bảo an toàn. Chất thải không nguy hại có thể được chôn lấp, đốt hoặc xử lý bằng các phương pháp khác phù hợp với tiêu chuẩn môi trường.
- Quản lý bãi chôn lấp: xây dựng và quản lý các bãi chôn lấp theo tiêu chuẩn kỹ thuật để tránh ô nhiễm môi trường. Các bãi chôn lấp cần được thiết kế với hệ thống lót chống thấm và hệ thống thu gom, xử lý nước rỉ rác.
- Quản lý và giảm thiểu chất thải: thiết lập hệ thống quản lý chất thải rắn từ khâu phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý và tiêu hủy. Đảm bảo quy trình quản lý chất thải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Áp dụng các biện pháp sản xuất sạch hơn, sử dụng nguyên liệu hiệu quả và tối ưu hóa quy trình sản xuất để giảm thiểu lượng chất thải phát sinh.
- Quan trắc và giám sát: thiết lập hệ thống quan trắc và giám sát chất thải để đảm bảo việc quản lý chất thải hiệu quả và tuân thủ các quy định pháp luật. Sử dụng các công cụ giám sát tự động để thu thập dữ liệu và đánh giá hiệu quả của các biện pháp quản lý chất thải. Đảm bảo chất lượng của quá trình xử lý chất thải thông qua kiểm soát định kỳ và đánh giá hiệu quả các biện pháp kiểm soát.

Các quy định về quản lý và xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Luật Bảo vệ môi trường 2020, số 72/2020/QH14: Quy định các biện pháp bảo vệ môi trường, trong đó bao gồm việc quản lý và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại
- Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường: quy định về giấy phép môi trường, quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn (QCVN 25:2009/BTNMT): quy định nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn khi xả vào nguồn tiếp nhận.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại (QCVN 50:2013/BTNMT): Quy định quy định ngưỡng nguy hại của các thông số (trừ các thông số phóng xạ) trong bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải, xử lý nước cấp (sau đây gọi chung là quá trình xử lý nước), làm cơ sở để phân định và quản lý bùn thải.

LAO ĐỘNG, SỬ DỤNG LAO ĐỘNG, VÀ QUYỀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Các vấn đề chính về lao động, sử dụng lao động, và quyền của người lao động:

- Hợp đồng lao động: Hợp đồng lao động phải bao gồm các thông tin về công việc, thời gian làm việc, tiền lương, điều kiện làm việc, và quyền lợi của người lao động. Chấm dứt hợp đồng phải tuân thủ quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của người lao động.
- Thời gian làm việc: Quy định về số giờ làm việc hàng ngày và hàng tuần. Thời gian làm việc bình thường không quá 8 giờ mỗi ngày và 48 giờ mỗi tuần. Đảm bảo người lao động có thời gian nghỉ ngơi hợp lý, bao gồm nghỉ giữa giờ, nghỉ hàng tuần, và nghỉ phép hàng năm. Các ngày nghỉ lễ, tết phải được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Tiền lương tối thiểu: Tiền lương tối thiểu được điều chỉnh dựa trên mức sống, điều kiện kinh tế và tình hình thị trường lao động. Các doanh nghiệp phải đảm bảo trả lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu.
- Bảo hiểm xã hội: Người lao động và người sử dụng lao động bắt buộc phải tham gia bảo hiểm xã hội, bao gồm các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động.
- Tự do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn: Người lao động có quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Công đoàn có quyền tham gia vào quá trình thương lượng tập thể, ký kết thỏa ước lao động tập thể và giám sát việc thực hiện các quyền lợi của người lao động.
- Chính sách đối với lao động nữ: Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh cho lao động nữ, đặc biệt là phụ nữ mang thai và cho con bú. Không được sa thải hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với lao động nữ vì lý do mang thai, sinh con, hoặc nuôi con nhỏ.
- Không sử dụng lao động cưỡng bức, lao động trẻ em
- Sử dụng lao động chưa thành niên: Sử dụng lao động chưa thành niên phải tuân thủ các quy định về độ tuổi, thời gian làm việc và điều kiện làm việc.
- Bình đẳng giới và chống phân biệt đối xử: Thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới tại nơi làm việc, đảm bảo cơ hội công bằng cho tất cả người lao động (Không phân biệt đối xử về giới, dân tộc, khuyết tật; bảo vệ lao động nữ, lao động chưa thành niên).

Các quy định về lao động, hợp đồng lao động và sử dụng lao động:

- Công ước ILO số 29, 105, 138, 182 về lao động cưỡng bức và lao động trẻ em.
- Bộ Luật Lao Động (Luật số 45/2019/QH14): Quy định chi tiết về quyền và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động, hợp đồng lao động, thời gian làm việc, nghỉ ngơi, tiền lương và các vấn đề liên quan.
- Luật Bình đẳng giới 2006 và Nghị định 145/2020/NĐ-CP: Quy định nghĩa vụ của doanh nghiệp trong việc bảo đảm bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực và quấy rối tình dục tại nơi làm việc
- Luật Doanh nghiệp 2020 quy định Doanh nghiệp phải bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động theo pháp luật, không phân biệt đối xử hoặc xúc phạm danh dự, nhân phẩm; không ngược đãi, cưỡng bức lao động, hoặc sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật
- Nghị định 145/2020/NĐ-CP: Quy định về điều kiện lao động và quan hệ lao động.
- Thông tư 10/2020/TT-BLĐTBXH quy định về nội dung của hợp đồng lao động, Hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con
- Luật Bảo hiểm xã hội 2014, số 58/2014/QH13: Quy định về chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động.
- Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi 2014, số 46/2014/QH13: Quy định về bảo hiểm y tế cho người lao động.
- Luật Công đoàn 2012, số 12/2012/QH13 và Nghị định 43/2013/NĐ-CP: Quy định về quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn của người lao động.

AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Điều kiện làm việc và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và an toàn của người lao động:

- Môi trường làm việc: tiếp xúc với các yếu tố nguy hiểm như nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, tiếng ồn, và chất lượng không khí.
- Rủi ro vật lý: nguy cơ từ việc sử dụng máy móc, thiết bị, hóa chất, và các công cụ lao động.
- Rủi ro hóa học: tiếp xúc với các hóa chất độc hại trong quá trình sản xuất và vận hành.
- Rủi ro sinh học: nguy cơ từ vi sinh vật, virus, và các yếu tố sinh học khác trong môi trường làm việc.
- Thời gian làm việc: giờ làm việc, thời gian nghỉ ngơi, và quản lý thời gian làm việc hợp lý.

Các biện pháp kiểm soát điều kiện làm việc và bảo vệ lao động:

- Đánh giá rủi ro: thực hiện đánh giá rủi ro để xác định các yếu tố nguy hiểm trong môi trường làm việc và đưa ra các biện pháp kiểm soát phù hợp.
- Thiết kế an toàn và thiết bị bảo hộ: sử dụng các thiết kế an toàn và cung cấp thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) cho người lao động. Đảm bảo rằng các thiết bị bảo hộ được duy trì và sử dụng đúng cách.
- Quản lý môi trường làm việc: điều chỉnh các yếu tố môi trường như nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng và tiếng ồn để đảm bảo môi trường làm việc an toàn và thoải mái.
- Giám sát và kiểm soát tiếp xúc: giám sát mức độ tiếp xúc của người lao động với các yếu tố nguy hiểm và áp dụng các biện pháp kiểm soát như hệ thống thông gió, lọc không khí, và hạn chế tiếp xúc trực tiếp.
- Đào tạo và nâng cao nhận thức: tổ chức các chương trình đào tạo về an toàn lao động và nâng cao nhận thức của người lao động về các rủi ro và biện pháp phòng ngừa. Đảm bảo rằng tất cả người lao động đều được đào tạo đầy đủ và hiểu rõ các quy trình an toàn.
- Quản lý thời gian làm việc: xây dựng kế hoạch làm việc hợp lý, đảm bảo người lao động có đủ thời gian nghỉ ngơi và không làm việc quá sức. Tuân thủ các quy định về thời gian làm việc và nghỉ ngơi.
- Chăm sóc sức khỏe: cung cấp dịch vụ y tế, kiểm tra sức khỏe định kỳ và các chương trình chăm sóc sức khỏe cho người lao động. Đảm bảo rằng người lao động được hỗ trợ y tế kịp thời khi cần thiết.
- Phòng ngừa tai nạn lao động: áp dụng các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động như thiết lập các quy trình an toàn, biển báo, và hướng dẫn chi tiết về cách làm việc an toàn. Thực hiện kiểm tra an toàn định kỳ và cải tiến liên tục các biện pháp an toàn.

Các quy định về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp:

- Bộ luật Lao động 2019, số 45/2019/QH14: Quy định các điều kiện làm việc, thời gian làm việc, nghỉ ngơi, và các quyền lợi của người lao động.
- Luật An toàn, vệ sinh lao động 2015, số 84/2015/QH13: Quy định về an toàn, vệ sinh lao động và các biện pháp bảo vệ người lao động khỏi các rủi ro về sức khỏe và tai nạn lao động.
- Luật Bảo hiểm xã hội 2024 và Nghị định 88/2020/NĐ-CP: Quy định chi tiết về Chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động

- Nghị định 39/2016/NĐ-CP: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động.
- Nghị định 58/2020/NĐ-CP: Quy định về mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
- Thông tư 19/2016/TT-BYT: Quy định về quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.
- Thông tư 28/2021/TTBLĐTBXH: Hướng dẫn nghĩa vụ bồi thường, trợ cấp cho người lao động

Các quy chuẩn Việt Nam về an toàn lao động

- QCVN về những thiết bị bảo vệ đường hô hấp – Bộ lọc bụi
- QCVN về an toàn cháy cho nhà và công trình
- QCVN về an toàn lao động đối với máy hàn điện và công việc hàn điện
- QCVN về mũ an toàn công nghiệp
- Tiêu chuẩn vệ sinh lao động, và thông số vệ sinh lao động
- QCVN về điện từ trường tần số cao - mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số cao tại nơi làm việc
- QCVN về chiếu sáng - mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc
- QCVN về bức xạ tử ngoại - Mức tiếp xúc cho phép bức xạ tử ngoại tại nơi làm việc
- QCVN về tiếng ồn Mức tiếp xúc cho phép tại nơi làm việc
- QCVN về điện từ trường tần số công nghiệp - Mức tiếp xúc cho phép
- QCVN về vi khí hậu và giá trị cho phép tại nơi làm việc
- QCVN về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc
- QCVN về hướng dẫn quản lý bệnh nghề nghiệp
- QCVN về bức xạ ion hóa
- QCVN về bức xạ tia X

SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA CỘNG ĐỒNG

Các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe và an toàn của cộng đồng:

- Ô nhiễm không khí: Khí thải từ các hoạt động công nghiệp, giao thông, và sinh hoạt có thể ảnh hưởng đến chất lượng không khí và sức khỏe cộng đồng.
- Ô nhiễm nước: Nước thải từ các nhà máy và khu công nghiệp có thể gây ô nhiễm nguồn nước, ảnh hưởng đến sức khỏe và sinh hoạt của người dân.
- Ô nhiễm đất: Chất thải rắn và hóa chất độc hại từ các hoạt động sản xuất có thể gây ô nhiễm đất, ảnh hưởng đến canh tác và sinh hoạt của cộng đồng.
- Tiếng ồn: Tiếng ồn từ các hoạt động công nghiệp và giao thông có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần và thể chất của người dân.

- Rủi ro từ hoạt động công nghiệp: Các tai nạn, sự cố và rò rỉ hóa chất từ các nhà máy, khu công nghiệp có thể gây nguy hiểm cho cộng đồng xung quanh.
- Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: Sản phẩm không đảm bảo an toàn, có khả năng gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe, tài sản của người tiêu dùng, đồng thời cung cấp thông tin không chính xác về sản phẩm, dịch vụ, gây hiểu lầm và rủi ro cho người tiêu dùng.
- Quản lý chuỗi cung ứng và chất lượng sản phẩm: Nguyên liệu kém chất lượng hoặc bị nhiễm độc, ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.
- An toàn vệ sinh thực phẩm, công bố thông tin sản phẩm: Sử dụng chất bảo quản, phụ gia không được phép, gây hại cho sức khỏe người tiêu dùng. Thiếu minh bạch về thành phần, nguồn gốc, hạn sử dụng, gây khó khăn cho người tiêu dùng trong việc lựa chọn sản phẩm an toàn.
- Bảo mật dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân: Sử dụng thông tin của người tiêu dùng mà không có sự đồng ý, vi phạm quyền riêng tư và có thể dẫn đến lừa đảo, đánh cắp danh tính. Hệ thống lưu trữ thông tin không an toàn, dễ bị tấn công, rò rỉ dữ liệu cá nhân của người tiêu dùng.

Các biện pháp kiểm soát sức khỏe và an toàn của cộng đồng:

- Đánh giá tác động môi trường và xã hội: thực hiện đánh giá tác động môi trường và xã hội để xác định các rủi ro tiềm tàng đối với cộng đồng và đề xuất các biện pháp giảm thiểu.
- Giám sát và kiểm soát ô nhiễm: thiết lập hệ thống giám sát chất lượng không khí, nước và đất để phát hiện kịp thời các vấn đề ô nhiễm và áp dụng các biện pháp kiểm soát phù hợp.
- Kiểm soát tiếng ồn: áp dụng các biện pháp kiểm soát tiếng ồn như sử dụng các thiết bị giảm tiếng ồn, xây dựng tường chắn âm và thiết lập khoảng cách an toàn giữa khu công nghiệp và khu dân cư.
- Phòng ngừa và ứng phó sự cố: xây dựng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố để đảm bảo an toàn cho cộng đồng trong trường hợp xảy ra tai nạn hoặc sự cố công nghiệp. Tổ chức diễn tập thường xuyên và nâng cao khả năng ứng phó của các lực lượng liên quan.
- Tham vấn cộng đồng: thực hiện tham vấn cộng đồng để lấy ý kiến và phản hồi của người dân về các hoạt động công nghiệp và biện pháp giảm thiểu tác động. Đảm bảo thông tin được truyền đạt đầy đủ và minh bạch đến cộng đồng.
- Tăng cường truyền thông và giáo dục: nâng cao nhận thức của cộng đồng về các rủi ro và biện pháp phòng ngừa thông qua các chương trình truyền thông và giáo dục. Tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn và cung cấp tài liệu hướng dẫn cho người dân.

Các quy định liên quan đến vấn đề sức khỏe và an toàn của cộng đồng:

- Luật Bảo vệ môi trường 2020, số 72/2020/QH14: Quy định các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo chất lượng không khí, nước và đất, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
- Nghị định 08/2022/NĐ-CP: Quy định về đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.
- Thông tư 02/2022/TT-BTNMT: Quy định chi tiết nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và tham vấn trong đánh giá tác động môi trường

- Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa 2007 và Nghị định 132/2008/NĐ-CP: Doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện bảo đảm chất lượng đối với hàng hóa lưu thông trên thị trường và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa
- Thông tư 09/2020/TTBLĐTBXH: Quy định về chất lượng sản phẩm, hàng hóa
- Luật Quảng cáo và Luật Cạnh tranh: Công bố thông tin sản phẩm minh bạch (thành phần, nguồn gốc, cảnh báo rủi ro), tránh cung cấp thông tin sai lệch về sản phẩm hoặc dịch vụ.
- Luật An toàn thực phẩm 2010, Nghị định 09/2016/NĐ-CP và các Luật chuyên ngành khác: Sản phẩm và dịch vụ cung cấp phải đáp ứng tiêu chuẩn an toàn tránh gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe và môi trường.
- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023: An toàn cho khách hàng, doanh nghiệp phải bảo đảm sản phẩm, hàng hóa an toàn và chịu trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng về số lượng, chất lượng, điều kiện cung ứng và giá, phí sản phẩm, dịch vụ cung ứng
- Nghị định 13/2023/NĐ-CP: Doanh nghiệp có nghĩa vụ thực hiện bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên các doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp được quyền lựa chọn miễn trừ quy định về chỉ định cá nhân và bộ phận bảo vệ dữ liệu cá nhân trong thời gian 02 năm đầu kể từ khi thành lập doanh nghiệp

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến vấn đề sức khỏe và an toàn của cộng đồng:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05:2023/BTNMT): Đưa ra các mức giới hạn cho các chất ô nhiễm không khí như SO_2 (lưu huỳnh dioxide), CO (carbon monoxide), NO_2 (nitơ dioxide), O_3 (ozon), TSP (tổng bụi lơ lửng), bụi PM10 và bụi PM2,5.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT): Quy định giới hạn tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải công nghiệp.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT): Quy định mức giới hạn tiếng ồn trong khu dân cư và khu công nghiệp.

ĐA DẠNG SINH HỌC, HỆ SINH THÁI

Các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng sinh học và hệ sinh thái:

- Phá rừng và suy thoái rừng: việc khai thác rừng, chuyển đổi đất rừng thành đất nông nghiệp hoặc khu công nghiệp gây mất môi trường sống của nhiều loài động, thực vật.
- Ô nhiễm môi trường: ô nhiễm không khí, nước và đất từ các hoạt động công nghiệp và sinh hoạt có thể gây hại cho các loài sinh vật và làm suy thoái hệ sinh thái.
- Khai thác quá mức: khai thác tài nguyên thiên nhiên quá mức làm suy giảm số lượng và đa dạng loài.
- Biến đổi khí hậu: các hoạt động của doanh nghiệp có thể đóng góp vào biến đổi khí hậu thông qua: quá trình đốt nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất năng lượng, công nghiệp và giao thông vận tải thải ra khí nhà kính như CO_2 , CH_4 , N_2O , và các hợp chất CFC, HFC; sử dụng năng lượng không hiệu quả và phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch; chuyển đổi rừng thành đất nông nghiệp hoặc khu công nghiệp làm giảm khả năng hấp thụ CO_2 của hệ sinh thái, gây mất cân bằng carbon; sản xuất và sử dụng các hóa chất gây hiệu ứng nhà kính như HFCs trong làm lạnh và điều hòa không khí.

- Sự xâm lấn của loài ngoại lai: Các loài động, thực vật có thể di chuyển đến các khu vực mới phù hợp hơn với điều kiện khí hậu thay đổi, gây ra những thay đổi trong sự phân bố và cấu trúc hệ sinh thái. Các loài sinh vật ngoại lai có thể xâm nhập và cạnh tranh với các loài bản địa, gây mất cân bằng sinh thái.

Các biện pháp kiểm soát để bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái:

- Đánh giá tác động môi trường và xã hội: thực hiện đánh giá tác động môi trường và xã hội để xác định các rủi ro tiềm tàng đối với đa dạng sinh học và hệ sinh thái và đề xuất các biện pháp giảm thiểu.
- Giảm phát thải khí nhà kính: sử dụng các công nghệ và quy trình sản xuất sạch hơn để giảm lượng phát thải khí nhà kính. Chuyển đổi sang sử dụng năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, gió và sinh khối.
- Tăng cường hiệu quả năng lượng: áp dụng các biện pháp tăng cường hiệu quả sử dụng năng lượng trong sản xuất và vận hành, sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng và tối ưu hóa quy trình.
- Bảo tồn môi trường sống: bảo tồn và phục hồi các khu vực môi trường sống quan trọng, bao gồm rừng, vùng đất ngập nước, và các khu vực có giá trị sinh thái cao. Hạn chế việc phá rừng và suy thoái đất.
- Quản lý và giám sát đa dạng sinh học: thiết lập các chương trình quản lý và giám sát đa dạng sinh học để theo dõi và bảo vệ các loài động, thực vật quý hiếm và hệ sinh thái.
- Giảm ô nhiễm môi trường: áp dụng các biện pháp kiểm soát ô nhiễm để bảo vệ chất lượng không khí, nước và đất. Sử dụng công nghệ sạch và quy trình sản xuất thân thiện với môi trường.
- Quản lý tài nguyên bền vững: khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững để không gây suy giảm tài nguyên và ảnh hưởng đến đa dạng sinh học.
- Giám sát và báo cáo phát thải: thiết lập hệ thống giám sát và báo cáo lượng phát thải khí nhà kính, đảm bảo tuân thủ các quy định về môi trường và tham gia vào các chương trình giảm phát thải.

Các quy định liên quan

- Luật Bảo vệ Môi trường 2020 (Luật số 72/2020/QH14) Yêu cầu các dự án có tác động lớn đến môi trường phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, bao gồm đánh giá tác động lên đa dạng sinh học
- Luật Lâm nghiệp 2017 (Luật số 16/2017/QH14): Xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ hệ sinh thái rừng và sử dụng rừng bền vững.
- Luật Đa dạng sinh học 2008 (Luật số 20/2008/QH12): Đưa ra các quy định về bảo tồn, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học và quy định về quản lý các loài nguy cấp, quý, hiếm, và khu bảo tồn thiên nhiên.
- Luật Tài nguyên nước 2023 (Luật số 28/2023/QH15): quy định về bảo vệ nguồn nước, quản lý khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên nước, kiểm soát ô nhiễm nguồn nước để giảm tác động đến hệ sinh thái nước ngọt và biển.
- Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ Môi trường: Quy định về đánh giá tác động môi trường đối với các dự án có nguy cơ ảnh hưởng đến đa dạng sinh học, về quan trắc, giám sát môi trường và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.
- Nghị định 06/2019/NĐ-CP về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước CITES

- Nghị định 40/2019/NĐ-CP về quản lý môi trường: Bổ sung quy định về kiểm soát ô nhiễm môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học trong khu công nghiệp và khu kinh tế.
- **Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan**
- QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh: Quy định mức giới hạn của các chất ô nhiễm có thể ảnh hưởng đến hệ sinh thái.
- QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt: Xác định giới hạn các thông số ô nhiễm để bảo vệ môi trường nước và các hệ sinh thái thủy sinh.
- QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp: Giới hạn tối đa các chất ô nhiễm trong nước thải xả ra môi trường, giúp bảo vệ hệ sinh thái nước.
- QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn: Giới hạn mức độ tiếng ồn để tránh ảnh hưởng đến động vật hoang dã và cộng đồng sống gần các khu công nghiệp.

Các cam kết quốc tế và tiêu chuẩn khác

- Công ước Đa dạng sinh học (CBD, 1992): Việt Nam là thành viên của CBD và cam kết bảo tồn, sử dụng bền vững đa dạng sinh học. Yêu cầu các doanh nghiệp tuân thủ nguyên tắc bảo vệ các hệ sinh thái nhạy cảm.
- Công ước về Buôn bán Quốc tế các Loài Động, Thực vật Hoang dã Nguy cấp (CITES): Là một công ước quốc tế quan trọng nhằm quản lý và kiểm soát buôn bán các loài động, thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng. Việt Nam là thành viên và có trách nhiệm thực thi các quy định của CITES
- Hệ thống Chứng nhận FSC (Forest Stewardship Council): Các doanh nghiệp khai thác gỗ cần tuân thủ tiêu chuẩn FSC để đảm bảo hoạt động lâm nghiệp bền vững.

THU HỒI ĐẤT VÀ TÁI ĐỊNH CƯ BẮT BUỘC

Các vấn đề xã hội liên quan đến tái định cư bắt buộc

- Mất đất, mất nhà cửa và sinh kế: Người dân bị thu hồi đất có nguy cơ mất nguồn sinh kế, gặp khó khăn trong ổn định cuộc sống nếu không được hỗ trợ thỏa đáng.
- Công bằng trong bồi thường và hỗ trợ tái định cư: Người dân bị ảnh hưởng cần được bồi thường hợp lý theo giá trị thị trường và được hỗ trợ tái định cư đầy đủ để đảm bảo đời sống bằng hoặc tốt hơn trước khi bị thu hồi đất.
- Nhóm dễ bị tổn thương: Phụ nữ, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo bị ảnh hưởng bởi tái định cư cần được hỗ trợ đặc biệt để đảm bảo quyền lợi và khả năng phục hồi sinh kế.
- Tham vấn cộng đồng và giải quyết khiếu nại: Quá trình thu hồi đất cần minh bạch, có cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại hiệu quả để đảm bảo quyền lợi của người bị ảnh hưởng.

Biện pháp kiểm soát

- Thực hiện đánh giá tác động xã hội để đo lường ảnh hưởng của việc thu hồi đất và tái định cư.
- Doanh nghiệp phải thực hiện tham vấn cộng đồng có ý nghĩa, đảm bảo quyền tiếp cận thông tin đầy đủ và minh bạch

- Xây dựng kế hoạch bồi thường và tái định cư phù hợp với thực tế địa phương và đảm bảo điều kiện sống tốt hơn cho người dân bị ảnh hưởng.
- Thiết lập cơ chế khiếu nại và giải quyết tranh chấp để đảm bảo quyền lợi cho người dân bị ảnh hưởng.
- Giám sát và đánh giá quá trình tái định cư nhằm đảm bảo thực hiện đúng cam kết và có điều chỉnh phù hợp nếu cần.

Các quy định pháp lý liên quan

- Luật Đất đai 2024 số 31/2024/QH15 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện: Quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư.
- Công ước Quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR) - Điều 11: Bảo đảm quyền có chỗ ở thích hợp và quyền bảo vệ khỏi việc bị cưỡng chế di dời.

QUYỀN CỦA NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

Các vấn đề xã hội liên quan đến quyền của người dân tộc thiểu số

- Bảo vệ quyền sử dụng đất truyền thống: Người dân tộc thiểu số có quyền được công nhận và bảo vệ đất đai dựa trên tập quán, văn hóa truyền thống.
- Tham vấn có sự tham gia thực chất (FPIC – Free, Prior, and Informed Consent): Các dự án ảnh hưởng đến người dân tộc thiểu số cần được tham vấn đầy đủ, đảm bảo sự đồng thuận trước khi triển khai.
- Bảo tồn bản sắc văn hóa và truyền thống: Các dự án phát triển có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến phong tục, tập quán, ngôn ngữ và di sản văn hóa của các cộng đồng thiểu số.
- Hỗ trợ sinh kế và tiếp cận dịch vụ xã hội: Người dân tộc thiểu số cần được ưu tiên hỗ trợ trong việc cải thiện sinh kế, giáo dục, y tế và tiếp cận các dịch vụ công.

Biện pháp kiểm soát

- Thực hiện đánh giá đầy đủ về tác động của dự án đối với người dân tộc thiểu số, bao gồm việc thu hồi đất, suy giảm tài nguyên và ảnh hưởng văn hóa.
- Doanh nghiệp phải thực hiện tham vấn có sự tham gia đầy đủ của cộng đồng dân tộc thiểu số, tôn trọng các cơ chế ra quyết định truyền thống, phải đảm bảo nguyên tắc Đồng thuận Tự nguyện, Trước và Có hiểu biết (FPIC - Free, Prior, and Informed Consent).
- Thiết lập cơ chế đối thoại và tham vấn cộng đồng để đảm bảo tiếng nói của người dân tộc thiểu số được lắng nghe.
- Bảo vệ và hỗ trợ sinh kế cho người dân tộc thiểu số thông qua các chương trình phát triển bền vững, hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm.
- Đảm bảo sự tôn trọng văn hóa và truyền thống trong tất cả các hoạt động của doanh nghiệp và dự án.

Các quy định pháp lý liên quan:

- Công ước ILO 169 về Người bản địa và Bộ lạc (dù Việt Nam chưa phê chuẩn nhưng là khung tham chiếu quan trọng).

- Tuyên ngôn Liên Hợp Quốc về Quyền của Người bản địa (UNDRIP): Đưa ra các tiêu chuẩn quốc tế về quyền của người bản địa.

BẢO VỆ DI SẢN VĂN HÓA

Các vấn đề xã hội liên quan đến di sản văn hóa

- Hủy hoại hoặc làm biến mất di sản văn hóa: Các dự án có thể vô tình hoặc cố ý phá hủy các di sản quan trọng do thiếu khảo sát kỹ lưỡng trước khi triển khai.
- Gián đoạn quyền tiếp cận của cộng đồng: Một số dự án có thể làm mất đi sự kết nối giữa cộng đồng với di sản văn hóa của họ, gây ảnh hưởng đến nghi lễ truyền thống, hoạt động tôn giáo và đời sống tinh thần.
- Xâm phạm hoặc sử dụng thương mại không công bằng: Các thực hành văn hóa, tri thức truyền thống của cộng đồng địa phương có thể bị khai thác thương mại mà không có sự đồng ý hoặc không có cơ chế chia sẻ lợi ích công bằng.
- Tác động đến hệ sinh thái văn hóa: Một số di sản văn hóa liên quan mật thiết đến môi trường tự nhiên, và những thay đổi về sinh thái có thể gây suy thoái hoặc mất mát giá trị văn hóa.

Biện pháp kiểm soát

- Thực hiện đánh giá tác động trước khi triển khai dự án có nguy cơ ảnh hưởng đến di sản.
- Tham vấn cộng đồng và các chuyên gia văn hóa để đảm bảo các giá trị văn hóa được bảo tồn và tôn trọng.
- Xây dựng quy trình xử lý các trường hợp “phát hiện tình cờ” di sản văn hóa (Chance Find Procedure) trong quá trình thi công dự án.
- Áp dụng biện pháp bảo vệ di sản văn hóa như hạn chế xây dựng gần khu vực di sản, thiết lập hành lang bảo vệ, kiểm soát hoạt động du lịch.
- Giám sát và đánh giá thường xuyên nhằm đảm bảo các biện pháp bảo vệ di sản được thực hiện hiệu quả.

Các quy định pháp lý liên quan:

- Luật Di sản văn hóa 2024 số 45/2024/QH15
- Công ước UNESCO về Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới (Công ước 1972).
- Công ước UNESCO về Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể (Công ước 2003).

PHỤ LỤC 3. TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI RỦI RO MÔI TRƯỜNG THEO LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2020

TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG ĐỂ PHÂN LOẠI DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Theo quy định tại Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường 2020, tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư bao gồm:

- Quy mô, công suất, loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- Diện tích sử dụng đất, đất có mặt nước, khu vực biển; quy mô khai thác tài nguyên thiên nhiên;
- Yếu tố nhạy cảm về môi trường gồm khu dân cư tập trung; nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản; các loại rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác; đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên; vùng đất ngập nước quan trọng; yêu cầu di dân, tái định cư và yếu tố nhạy cảm khác về môi trường.

Từ các tiêu chí trên, dự án đầu tư được phân thành nhóm I, II, III và IV, như sau:

Bảng: Phân loại dự án theo Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường 2020

Nhóm	Dự án đầu tư	Quy mô, công suất
Nhóm I	Nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao	
	Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Lớn, hoặc trung bình và có yếu tố nhạy cảm về môi trường
	Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	lớn và có yếu tố nhạy cảm về môi trường
	Dự án thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại	Tất cả
	Dự án nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất	Tất cả
	Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước, khu vực biển	Lớn, hoặc trung bình có yếu tố nhạy cảm về môi trường
	Dự án khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	Lớn, hoặc trung bình có yếu tố nhạy cảm về môi trường
	Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất	Trung bình trở lên và có yếu tố nhạy cảm về môi trường
	Dự án có yêu cầu di dân, tái định cư	Lớn
Nhóm II	Nguy cơ tác động xấu đến môi trường	
	Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Trung bình, hoặc nhỏ và có yếu tố nhạy cảm về môi trường
	Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Trung bình và có yếu tố nhạy cảm về môi trường
	Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước, khu vực biển	Trung bình, hoặc nhỏ và có yếu tố nhạy cảm về môi trường

Nhóm	Dự án đầu tư	Quy mô, công suất
	Dự án khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	Trung bình, hoặc nhỏ và có yếu tố nhạy cảm về môi trường
	Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất	Trung bình, hoặc nhỏ và có yếu tố nhạy cảm về môi trường
	Dự án có yêu cầu di dân, tái định cư	Trung bình
Nhóm III	Ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường	
	Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Nhỏ
	Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Có phát sinh nước thải, bụi, khí thải phải được xử lý hoặc có phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải
Nhóm IV	Không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường	
	Dự án không thuộc quy định tại các nhóm I, II và III	
	Dự án thuộc DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ ĐƯỢC MIỄN ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG (Phụ lục XVI)	

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÓM I CÓ NGUY CƠ TÁC ĐỘNG XẤU ĐẾN MÔI TRƯỜNG Ở MỨC ĐỘ CAO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 28 LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

STT	Dự án đầu tư	Quy mô, công suất/mức độ nhạy cảm môi trường/ thẩm quyền cấp phép khai thác tài nguyên thiên nhiên
(1)	(2)	(3)
I	Dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	
1	Dự án đầu tư có cấu phần xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ (trừ dự án: kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường hàng không; kinh doanh đặt cược, casino; kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng; trồng rừng; xuất bản; báo chí); Dự án nhóm A có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.	Tất cả
2	Dự án tái chế, xử lý chất thải nguy hại; Dự án phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; Dự án có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; Dự án xây dựng lò phản ứng hạt nhân, điện hạt nhân.	Tất cả
3	Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn quy định tại Cột 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP.	Tất cả
II	Dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	
4	Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình quy định tại Cột 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP.	Có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
5	Dự án nhóm A có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.	

STT	Dự án đầu tư	Quy mô, công suất/mức độ nhạy cảm môi trường/ thẩm quyền cấp phép khai thác tài nguyên thiên nhiên
(1)	(2)	(3)
III.	Dự án đầu tư quy định tại điểm c và điểm đ khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	
6	Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước quy mô lớn (trừ các dự án phát triển rừng, lâm sinh, nuôi trồng thủy sản theo phương pháp tự nhiên, quảng canh theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, thủy sản).	Từ 100 ha trở lên
7	Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ (trừ các dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phòng cháy chữa cháy rừng, lâm sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt); Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ (trừ các dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phòng cháy chữa cháy rừng, lâm sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt); Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa.	Từ 01 ha đối với khu bảo tồn thiên nhiên, từ 01 ha vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển hoặc từ 20 ha trở lên đối với vùng đệm của di sản thiên nhiên thế giới, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng; từ 20 ha đối với rừng tự nhiên hoặc từ 50 ha rừng phòng hộ trở lên; Tất cả đối với khu bảo tồn thiên nhiên, vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển; từ 5 ha trở lên đối với vùng đệm của di sản thiên nhiên thế giới, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng; từ 03 ha đối với rừng tự nhiên hoặc từ 20 ha rừng phòng hộ trở lên; Có diện tích chuyển đổi thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật về đất đai.
8	Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa (trừ các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo, xây dựng công trình nhằm phục vụ việc quản lý, vệ sinh môi trường, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các dự án bảo trì, duy tu bảo đảm an toàn giao thông).	Từ 02 ha đất trở lên của khu di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt; từ 10 ha của khu di sản thế giới hoặc khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt.
9	Dự án có sử dụng khu vực biển; Dự án có hoạt động nhận chìm ở biển; Dự án có hoạt động lấn biển.	Thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thuộc thẩm quyền cấp giấy phép nhận chìm của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thuộc thẩm quyền giao khu vực biển để lấn biển của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
IV.	Dự án quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	
10	Dự án khai thác khoáng sản; dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước;	Thuộc thẩm quyền cấp giấy phép về khai thác khoáng sản, khai thác, sử dụng tài nguyên nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường (trừ dự án thủy điện có công suất dưới 20MW);
	Dự án có phát sinh nước thải.	Từ 3.000 m ³ /ngày đêm trở lên (từ 30.000 m ³ /ngày đêm trở lên đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản).
11	Dự án có yêu cầu di dân, tái định cư.	Từ 10.000 người ở miền núi hoặc từ 20.000 người ở các vùng khác trở lên.

STT	Dự án đầu tư	Quy mô, công suất/mức độ nhạy cảm môi trường/ thẩm quyền cấp phép khai thác tài nguyên thiên nhiên
(1)	(2)	(3)
V.	Dự án đầu tư mở rộng	
12	Dự án đầu tư mở rộng (mở rộng quy mô, nâng cao công suất) theo quy định của pháp luật về đầu tư của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động	Có tổng quy mô, công suất (tính tổng cả phần cơ sở, khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động và phần mở rộng, nâng cao công suất) tới mức tương đương với dự án tại Phụ lục này.

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÓM II CÓ NGUY CƠ TÁC ĐỘNG XẤU ĐẾN MÔI TRƯỜNG QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 4 ĐIỀU 28 LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, TRỪ DỰ ÁN QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC III BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH 08/2022/NĐ-CP

(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

TT	Dự án đầu tư	Quy mô, công suất/mức độ nhạy cảm môi trường/thẩm quyền cấp phép khai thác tài nguyên thiên nhiên
(1)	(2)	(3)
I	Dự án đầu tư quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	
1	Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình quy định tại Cột 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP .	Tất cả
2	Dự án nhóm A và nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.	Tất cả
3	Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất nhỏ quy định tại Cột 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP .	Có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
4	Dự án nhóm C có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.	
II	Dự án đầu tư quy định tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	
5	Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước quy mô trung bình (trừ các dự án phát triển rừng, lâm sinh, nuôi trồng thủy sản theo phương pháp tự nhiên, quảng canh theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, thủy sản);	Từ 50 ha đến dưới 100 ha;
	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.	Tất cả.

TT	Dự án đầu tư	Quy mô, công suất/mức độ nhạy cảm môi trường/thẩm quyền cấp phép khai thác tài nguyên thiên nhiên
(1)	(2)	(3)
6	Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ (trừ các dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phòng cháy chữa cháy rừng, lâm sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt);	Dưới 01 ha đối với khu bảo tồn thiên nhiên, dưới 01 ha vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển hoặc dưới 20 ha đối với vùng đệm của di sản thiên nhiên thế giới, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng; dưới 20 ha đối với rừng tự nhiên hoặc dưới 50 ha rừng phòng hộ;
	Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ (trừ các dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phòng cháy chữa cháy rừng, lâm sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt);	Dưới 05 ha đối với vùng đệm của di sản thiên nhiên thế giới, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng; dưới 03 ha đối với rừng tự nhiên hoặc dưới 20 ha rừng phòng hộ;
	Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa	Có diện tích chuyển đổi thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai
7	Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa (trừ các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo, xây dựng công trình nhằm phục vụ việc quản lý, vệ sinh môi trường, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các dự án bảo trì, duy tu bảo đảm an toàn giao thông).	Dưới 02 ha của khu di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt; dưới 10 ha của khu di sản thế giới hoặc khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt.
8	Dự án có sử dụng khu vực biển; Dự án có hoạt động nhận chìm ở biển; Dự án có hoạt động lấn biển.	Thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Thuộc thẩm quyền cấp giấy phép nhận chìm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Thuộc thẩm quyền giao khu vực biển để lấn biển của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
III	Dự án đầu tư quy định tại điểm d và điểm e khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	
9	Dự án khai thác khoáng sản; dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước;	Thuộc thẩm quyền cấp giấy phép về khai thác khoáng sản, khai thác, sử dụng tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
	Dự án có phát sinh nước thải.	Từ 500 đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm (từ 10.000 đến dưới 30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản).
10	Dự án có yêu cầu di dân, tái định cư	Từ 1.000 người đến dưới 10.000 người ở miền núi; từ 2.000 người đến dưới 20.000 người đối với vùng khác.
IV	Dự án đầu tư mở rộng	
11	Dự án đầu tư mở rộng (mở rộng quy mô, nâng cao công suất) theo quy định của pháp luật về đầu tư của cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cụm công nghiệp đang hoạt động.	Có tổng quy mô, công suất (tính tổng cả phần cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cụm công nghiệp đang hoạt động và phần mở rộng, nâng cao công suất) tới mức tương đương với dự án

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÓM III ÍT CÓ NGUY CƠ TÁC ĐỘNG XẤU ĐẾN MÔI TRƯỜNG QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 5 ĐIỀU 28 LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, TRỪ DỰ ÁN QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC III VÀ PHỤ LỤC IV BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH 08/2022/NĐ-CP

(Kèm theo Nghị định số ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

STT	Dự án đầu tư	Tính chất môi trường hoặc tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh của dự án
I	Dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	
1	Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất nhỏ quy định tại Cột 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.
II	Dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	
2	Dự án nhóm C được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có phát sinh nước thải, bụi, khí thải phải được xử lý hoặc có phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải được quy định như sau: - Nước thải, bụi, khí thải phát sinh phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc được xử lý bằng các công trình thiết bị xử lý nước thải tại chỗ theo quy định của pháp luật và quy định, quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương; trường hợp dự án nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc nằm trong cụm công nghiệp đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về nước thải thì phải xử lý theo yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đó. - Có phát sinh chất thải nguy hại trong quá trình vận hành.	Nước thải, bụi, khí thải (nếu có) nếu không xử lý thì vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định hoặc vượt tiêu chuẩn quy định của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp. Tổng khối lượng từ 1.200 kg/ năm trở lên hoặc từ 100 kg/ tháng trở lên.

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ ĐƯỢC MIỄN ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

- Hoạt động đào tạo nguồn nhân lực; các hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, dạy nghề, đào tạo kỹ thuật, kỹ năng quản lý, cung cấp thông tin, tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại.
- Sản xuất, trình chiếu và phát hành chương trình truyền hình; sản xuất phim điện ảnh, phim video; hoạt động truyền hình, hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc.
- Dịch vụ thương mại, buôn bán lưu động, không có địa điểm cố định.
- Dịch vụ thương mại, buôn bán các sản phẩm, hàng hóa tiêu dùng, đồ gia dụng có diện tích xây dựng dưới 200 m².
- Dịch vụ ăn uống có diện tích nhà hàng dưới 200 m².
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng đồ gia dụng quy mô cá nhân, hộ gia đình.
- Dịch vụ photocopy, truy cập internet, trò chơi điện tử.

8. Canh tác trên đất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi quy mô cá nhân, hộ gia đình.
9. Trồng khảo nghiệm các loài thực vật quy mô dưới 01 ha.
10. Xây dựng nhà ở cá nhân, hộ gia đình.
11. Dự án, cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển, sông, suối, hồ chứa có lưu lượng nước thải dưới 10.000 m³/ngày đêm.
12. Dự án đầu tư, cơ sở đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:
 - Không phát sinh khí thải phải xử lý;
 - Không phát sinh nước thải hoặc có phát sinh nước thải nhưng đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung mà hệ thống đó được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường;
 - Không phát sinh chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động.

PHÂN LOẠI DỰ ÁN THEO LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG 2024

Theo Điều 6, 8, 9, 10, 11 Luật số 58/2024/QH15, các dự án đầu tư được phân loại dựa vào các tiêu chí sau:

Tiêu chí	Phân loại	Mô tả	Ghi chú
Theo tính chất	Dự án có cấu phần xây dựng	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình; có thể bao gồm mua tài sản, thiết bị trong phạm vi dự án.	Điều 6.1.a
	Dự án không có cấu phần xây dựng	Mua sắm tài sản, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sửa chữa/nâng cấp thiết bị, máy móc...	Điều 6.1.b
Theo mức độ quan trọng và quy mô	Dự án quan trọng quốc gia	Tổng mức đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên; Có yếu tố nhạy cảm về môi trường, rừng, đất nông nghiệp quy mô lớn; Di dân tái định cư ≥ 20.000 người miền núi; Cần Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù.	Điều 8
	Dự án nhóm A	Tùy lĩnh vực, bao gồm: ≥ 4.600 tỷ đồng: <i>giao thông, điện, dầu khí, hóa chất, luyện kim, nhà ở</i> ; ≥ 3.000 tỷ đồng: <i>giao thông (khác QL), thủy lợi, điện tử, vật liệu, hạ tầng kỹ thuật</i> ; ≥ 2.000 tỷ đồng: <i>nông nghiệp, khu đô thị</i> ; ≥ 1.600 tỷ đồng: <i>y tế, giáo dục, môi trường, văn hóa, thể thao...</i>	Điều 9 – có 5 mức ngưỡng khác nhau theo lĩnh vực; áp dụng cả khi không phân biệt tổng vốn với các ngành đặc biệt (chất nổ, KCN...)
	Dự án nhóm B	Ngưỡng đầu tư trung bình: từ 90 đến <1.600 tỷ đồng, chia theo từng lĩnh vực tương ứng như nhóm A.	Điều 10 – tương ứng với nhóm A nhưng ở mức thấp hơn
	Dự án nhóm C	Ngưỡng đầu tư nhỏ: dưới 90 tỷ – <240 tỷ đồng, tùy theo lĩnh vực. Ví dụ: <90 tỷ đồng: <i>y tế, giáo dục, xã hội</i> ; <120 tỷ đồng: <i>công nghiệp, khu đô thị</i> ; <160–240 tỷ đồng: <i>giao thông, điện, khai khoáng...</i>	Điều 11 – giới hạn mức vốn tối đa thấp hơn nhóm B, phân loại cụ thể theo từng ngành

PHỤ LỤC 4. HƯỚNG DẪN TRA CỨU VÀ PHÂN LOẠI DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG

A. MỘT SỐ NGUYÊN TẮC CHUNG

(1) Khi xem xét, phân loại dự án đầu tư phải xác định rõ các tiêu chí về môi trường của dự án đó theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) bao gồm: quy mô; công suất; loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; yếu tố nhạy cảm về môi trường. Trong đó, việc xác định yếu tố nhạy cảm về môi trường của dự án đầu tư thuộc Phụ lục III và IV phải bảo đảm theo đúng quy định chi tiết tại khoản 4 điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

(2) Việc tra cứu, phân loại phải bảo đảm nguyên tắc loại trừ quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (viết tắt là Luật BVMT). Theo đó, đối với 01 dự án đầu tư khi phân loại theo các tiêu chí môi trường mà có thể đồng thời thuộc nhiều hơn 01 nhóm quy định tại các Phụ lục III, IV hoặc V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định 05/2025/NĐ-CP thì dự án này được xếp vào nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ở mức độ cao hơn.

Ví dụ: 01 dự án có nhiều tiêu chí, trong đó có tiêu chí được phân loại thuộc nhóm I, có tiêu chí được phân loại thuộc nhóm II, thì dự án đó được xác định thuộc nhóm I.

(3) Trường hợp dự án đầu tư được xác định thuộc nhóm II và có một trong các tiêu chí thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM thì dự án được xếp vào số thứ tự phải thực hiện ĐTM.

(4) Trường hợp dự án đầu tư có nhiều hơn một hạng mục/hoạt động với các tiêu chí về môi trường khác nhau thì lựa chọn hạng mục/hoạt động thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ở mức độ cao hơn để phân loại dự án.

Ví dụ: 01 dự án khi xét theo loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có công suất thuộc nhóm III, nhưng có hạng mục khai thác tài nguyên thiên nhiên thuộc nhóm II thì dự án đó được xác định thuộc nhóm II.

(5) Trường hợp sau khi phân loại mà dự án đầu tư không thuộc các Phụ lục III, IV hoặc V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì xác định dự án đầu tư đó thuộc nhóm IV (không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường).

B. HƯỚNG DẪN CÁCH THỨC TRA CỨU ĐỂ PHÂN LOẠI DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG

Để tra cứu, xác định dự án đầu tư theo các nhóm I, II hoặc III theo quy định tại các Phụ lục III, IV hoặc V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì cần thiết phải xác định đầy đủ các tiêu chí về môi trường của dự án. Thông thường được thực hiện theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ kèm theo quy mô, công suất của dự án

Kết quả thực hiện bước này sẽ xác định dự án có hoặc không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

Trường hợp dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường thì xác định công suất của dự án theo 01 trong 03 mức (lớn, trung bình, nhỏ) quy định tại các cột (3), (4), (5) Phụ lục II nêu trên.

Trường hợp dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường thì xác định quy mô của dự án theo 01 trong 03 nhóm (A, B, C) theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công.

Bước 2. Xác định quy mô diện tích sử dụng đất, đất có mặt nước của dự án: Kết quả thực hiện bước này sẽ xác định dự án thuộc 01 trong 02 trường hợp: (i) sử dụng đất, đất có mặt nước quy mô lớn (≥ 100 ha); (ii) quy mô trung bình (từ 50 đến dưới 100 ha).

Bước 3. Xác định quy mô sử dụng khu vực biển của dự án

Căn cứ quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, kết quả thực hiện bước này sẽ xác định dự án thuộc 01 trong 02 trường hợp: (i) thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ, Bộ TN&MT; thuộc thẩm quyền cấp giấy phép nhận chìm của Bộ TN&MT; (ii) thuộc thẩm quyền giao khu vực biển, cấp giấy phép nhận chìm của UBND cấp tỉnh.

Bước 4. Xác định quy mô khai thác tài nguyên thiên nhiên của dự án

Căn cứ quy định của pháp luật về khoáng sản, tài nguyên nước, kết quả thực hiện bước này sẽ xác định dự án thuộc 01 trong 02 trường hợp: (i) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác, sử dụng tài nguyên nước của Bộ TN&MT; (ii) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác, sử dụng tài nguyên nước của UBND cấp tỉnh.

Bước 5. Xác định quy mô yêu cầu di dân, tái định cư của dự án

Kết quả thực hiện bước này sẽ xác định dự án thuộc 01 trong 02 trường hợp: (i) có yêu cầu di dân, tái định cư quy mô lớn; (ii) có yêu cầu di dân, tái định cư quy mô trung bình.

Bước 6. Xác định yếu tố nhạy cảm về môi trường của dự án

Kết quả thực hiện bước này sẽ xác định dự án có hoặc không có yếu tố nhạy cảm về môi trường; trường hợp có yếu tố nhạy cảm về môi trường sẽ làm rõ mức độ nhạy cảm của một số yếu tố. Cụ thể như sau:

- Có/không nằm trong nội thành, nội thị của đô thị (chỉ áp dụng cho dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường).
- Có/không xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- Có/không sử dụng đất, đất có mặt nước của: (1) khu bảo tồn thiên; (2) rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên; (3) khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; (4) vùng đất ngập nước quan trọng và di sản thiên nhiên khác; (5) di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Trường hợp có sử dụng thì tiếp tục xác định mức độ nhạy cảm theo 01 trong 02 trường hợp: cao hoặc thấp.

- Có/không yêu cầu: (1) chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên; (2) chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ.

Trường hợp có yêu cầu thì tiếp tục xác định mức độ nhạy cảm theo 01 trong 02 trường hợp: cao hoặc thấp.

- Có/không yêu cầu di dân tái định cư theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư và pháp luật về xây dựng (thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội).

Sau khi xác định đầy đủ tiêu chí về môi trường của dự án đầu tư theo các bước nêu trên thì có thể tham khảo Bảng tra cứu tại Mục C dưới đây để xác định nhóm của dự án đầu tư theo các tiêu chí về môi trường, trong đó cần lưu ý áp dụng các nguyên tắc tại Mục A để xác định cho từng trường hợp cụ thể.

C. BẢNG THAM KHẢO TRA CỨU, PHÂN LOẠI DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO CÁC TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG

Tham khảo Hướng tra cứu phân loại dự án đầu tư theo các tiêu chí về môi trường tại <https://tapchimoitruong.vn/chuyen-muc-3/huong-dan-tra-cuu-phan-loai-du-an-dau-tu-theo-cac-tieu-chi-ve-moi-truong-26701>

PHỤ LỤC 5. DANH SÁCH PHÂN LOẠI RỦI RO MTXH THEO NGÀNH CỦA NGÂN HÀNG TÁI THIẾT VÀ PHÁT TRIỂN CHÂU ÂU (EBRD - EUROPEAN BANK FOR RECONSTRUCTION AND DEVELOPMENT)

Công cụ Quản lý Rủi ro Môi trường và Xã hội của EBRD được thiết kế để hỗ trợ các tổ chức tài chính tuân thủ các yêu cầu về quản lý rủi ro MTXH của EBRD. Công cụ này giúp sàng lọc các giao dịch cấp tín dụng doanh nghiệp, tín dụng SME và đầu tư cổ phần, đánh giá hiệu quả của hệ thống quản lý rủi ro MTXH của khách hàng, tự động tạo ra báo cáo thẩm định E&S cho hồ sơ tín dụng. Sử dụng công cụ này sẽ giúp tổ chức giảm thiểu rủi ro tài chính, pháp lý và uy tín bằng cách đánh giá xem các khách hàng có tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường và xã hội trong dài hạn hay không.

- Tham khảo Công cụ bằng Tiếng Anh của EBRD: <https://www.ebrd.com/home/what-we-do/ebrd-sectors/financial-institutions/sustainable-finance/ebrd-environmental-and-social-risk-management-manual.html>

Danh sách Phân loại Rủi ro MTXH của EBRD được thiết kế để cung cấp cho các cán bộ tín dụng trong các Tổ chức tài chính một hướng dẫn về mức độ rủi ro MTXH vốn có liên quan đến các hoạt động kinh doanh cụ thể. Khi thực hiện đánh giá rủi ro MTXH, cán bộ tín dụng cần cân nhắc đến các yếu tố như tính chất và quy mô giao dịch, khả năng tài chính và quản lý của khách hàng. Danh sách này cần được sử dụng cùng với tài liệu hướng dẫn ngành chi tiết của EBRD để biết tổng quan về các vấn đề và rủi ro môi trường và xã hội liên quan đến ngành. Do sự khác biệt về mức độ phát triển kinh tế - xã hội giữa Việt Nam và các quốc gia Châu Âu, mức độ rủi ro MTXH của các ngành trong danh sách của EBRD có thể không hoàn toàn chính xác đối với thực tế ở Việt Nam.

- Tham khảo Danh sách phân loại rủi ro MTXH theo ngành của EBRD: <https://www.ebrd.com/downloads/about/sustainability/ebrd-risk-english.pdf>

PHỤ LỤC 6. MẪU ĐỀ CƯƠNG CHÍNH SÁCH MTXH

Mẫu đề cương sách Môi trường và Xã hội của IFC được thiết kế để hỗ trợ các tổ chức tài chính trong việc phát triển và tích hợp hệ thống quản lý rủi ro MTXH vào quy trình kinh doanh của mình. Đề cương bao gồm các nội dung định hướng liên quan đến chính sách, quy trình sàng lọc và thẩm định, giám sát và lưu giữ hồ sơ, các biện pháp cải tiến liên tục, cùng với vai trò và trách nhiệm của các cá nhân và bộ phận trong việc quản lý rủi ro MTXH, và ngân sách đào tạo và triển khai hệ thống MTXH cần thiết đối với tổ chức tín dụng.

Tham khảo Mẫu khung chính sách Môi trường và Xã hội của IFC tại <https://firstforsustainability.org/sites/default/files/2022-08/IFC%20ESMS%20101%20Outline.docx>

PHỤ LỤC 7. DANH SÁCH LOẠI TRỪ (CÁC QUY ĐỊNH THAM KHẢO)

Danh sách các nguồn thông tin để tra cứu các ngành, nghề, sản phẩm hàng hóa bị cấm theo các quy định của Việt Nam, công ước, quy định quốc tế mà Việt Nam là thành viên

TT	Tên	Văn bản QPPL
1	Các ngành, nghề bị cấm đầu tư kinh doanh tại Việt Nam	Điều 6, Luật Đầu tư 2020
2	Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, theo điều kiện	Phụ lục III Nghị định 69/2018/NĐ-CP về quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương
3	Danh mục hóa chất Bảng thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học	Nghị định 33/2024/NĐ-CP thực hiện Công ước Cấm sản xuất, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học Hoặc cập nhật tại Cơ sở dữ liệu của Tổ chức Công ước (https://apps.opcw.org/CAS/default.aspx)
4	Các chất ma túy cấm đầu tư kinh doanh	Phụ lục I, Luật Đầu tư 2020
5	Danh mục các loài thực vật, động vật hoang dã có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên cấm đầu tư kinh doanh	Phụ lục II, Luật Đầu tư 2020
6	Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm	Phụ lục III, Luật Đầu tư 2020 Phụ lục I, Nghị định 84/2021/NĐ-CP Phụ lục I, Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) https://cites.org/eng/disc/species.php
7	Danh sách các thuốc trừ sâu và thuốc diệt cỏ bị loại trừ	https://www.pic.int/Procedures/SeverelyHazardousPesticideFormulations/Database/tabid/1369/language/en-US/Default.aspx
8	Danh sách các hóa chất nguy hiểm bị cấm hoặc hạn chế theo Công ước Rotterdam	https://www.pic.int/TheConvention/Chemicals/AnnexIIIChemicals/tabid/1132/language/en-US/Default.aspx
9	Danh sách các hợp chất hóa học, hợp chất gây suy giảm tầng Ozone được công bố trong Công ước Montreal	https://ozone.unep.org/treaties/montreal-protocol/montreal-protocol-substances-deplete-ozone-layer
10	Danh sách các sản phẩm dược phẩm bị cấm	https://www.who.int/publications/i/item/9789240014770
11	Danh mục cụ thể hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Quốc phòng theo quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018	Thông tư 173/2018/TT-BQP
12	Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp	Phụ lục II, Nghị định số 82/2022/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
13	Danh mục các khu bảo tồn	Quyết định 1107/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2015

DANH SÁCH LOẠI TRỪ CỦA IFC

1. Sản xuất hoặc kinh doanh bất kỳ sản phẩm hoặc hoạt động nào được cho là bất hợp pháp theo luật pháp hoặc quy định của nước sở tại hoặc theo các công ước và thỏa thuận quốc tế hoặc bị cấm trên phạm vi quốc tế, chẳng hạn như: dược phẩm nguy hiểm, thuốc trừ sâu/thuốc diệt cỏ, hóa chất, các chất làm suy giảm tầng ô zôn, hợp chất polychlorinated biphenyl (PCB), động vật hoang dã hoặc các sản phẩm được quản lý theo Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES).
2. Sản xuất hoặc kinh doanh vũ khí và đạn dược.
3. Sản xuất hoặc kinh doanh đồ uống có cồn (không bao gồm bia và rượu vang).
4. Sản xuất hoặc kinh doanh thuốc lá.
5. Đánh bạc, sòng bài và các doanh nghiệp tương tự.
6. Sản xuất hoặc kinh doanh nguyên liệu phóng xạ. Điều này không áp dụng cho việc mua thiết bị y tế, thiết bị kiểm soát chất lượng (đo lường) và bất kỳ thiết bị nào mà IFC coi nguồn phóng xạ là không gây hại và/hoặc được bảo vệ đầy đủ.
7. Sản xuất hoặc kinh doanh sợi a-mi-ăng chưa xử lý. Không áp dụng cho hoạt động mua và sử dụng tấm xi măng a-mi-ăng có hàm lượng a-mi-ăng dưới 20%.
8. Hoạt động đánh bắt cá không bền vững và đánh bắt cá bằng lưới trôi hoặc thuốc nổ trong môi trường biển sử dụng lưới có chiều dài vượt quá 2,5km.
9. Buôn bán chất thải và sản phẩm từ chất thải xuyên biên giới trừ trường hợp tuân thủ Công ước Basel (công ước về kiểm soát vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm và việc tiêu hủy phế thải) và các quy định liên quan.
10. Phá hủy các khu vực có giá trị bảo tồn cao.
11. Nội dung khiêu dâm và/hoặc mại dâm.
12. Phương tiện truyền thông có nội dung phân biệt chủng tộc và/hoặc phản dân chủ.
13. Lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em nguy hại.

PHỤ LỤC 8. MẪU BẢN MÔ TẢ CÔNG VIỆC CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ VỀ MTXH

Cán bộ quản lý Hệ thống quản lý MTXH nên là người thuộc ban quản lý cấp cao của TCTD, lý tưởng nhất là người thuộc bộ phận quản lý rủi ro. Người này cần có đủ thẩm quyền và ảnh hưởng trong tổ chức để đảm bảo hệ thống quản lý MTXH được triển khai hiệu quả trên toàn bộ TCTD. Đồng thời, cán bộ quản lý MTXH cần có kiến thức vững chắc về cả lĩnh vực môi trường và tài chính để đảm nhận các nhiệm vụ sau:

1. Trách nhiệm chính:

- Giám sát việc quản lý rủi ro MTXH và triển khai hệ thống quản lý MTXH của TCTD.
- Quản lý nguồn lực (bao gồm ngân sách và nhân sự) cho hoạt động đào tạo và quản lý rủi ro MTXH.
- Đảm bảo sự phối hợp và tích hợp các quy trình quản lý rủi ro MTXH với quy trình thẩm định tín dụng nội bộ của TCTD.
- Báo cáo các vấn đề quan trọng về MTXH lên ban lãnh đạo cấp cao và đảm bảo sự hỗ trợ, phê duyệt các quyết định liên quan.
- Xem xét và phê duyệt báo cáo hiệu quả hoạt động MTXH hàng năm của TCTD gửi tới các bên liên quan, bao gồm những nhà đầu tư như IFC.

2. Phối hợp và hỗ trợ:

Tùy thuộc vào cơ cấu tổ chức và quy mô hoạt động của TCTD, cán bộ quản lý MTXH có thể được hỗ trợ bởi một hoặc nhiều chuyên gia MTXH để xem xét hoặc điều phối các nhiệm vụ MTXH hàng ngày do các nhân viên khác thực hiện (ví dụ: cán bộ tín dụng, cán bộ phê duyệt và chuyên gia tư vấn), theo vai trò của nhân viên được quy định trong hệ thống quản lý MTXH, bao gồm:

- Đánh giá mức độ tuân thủ các quy định về môi trường của doanh nghiệp vay vốn theo các yêu cầu hiện hành trong quá trình thẩm định. Việc này có thể bao gồm: Khảo sát thực địa, Thu thập các tài liệu cần thiết về MTXH (ví dụ: giấy phép, giấy chứng nhận), Lập các báo cáo thẩm định MTXH (hoặc phần nội dung về MTXH trong hồ sơ tín dụng).
- Đảm bảo rằng mọi quyết định đầu tư đều được hỗ trợ bởi tài liệu thẩm định đầy đủ, bao gồm nhưng không giới hạn ở phần đánh giá MTXH trong mỗi hồ sơ tín dụng cuối cùng.
- Đảm bảo các cam kết về MTXH được lồng ghép vào hợp đồng tín dụng.

3. Giám sát và tuân thủ:

- Theo dõi việc tuân thủ các quy định MTXH đối với các dự án trong danh mục đầu tư, bao gồm:
 - Thực hiện khảo sát thực địa định kỳ để đánh giá tiến độ thực hiện kế hoạch Khắc phục rủi ro MTXH (nếu có) của khách hàng.
 - Xem xét các báo cáo hàng năm của khách hàng và cập nhật tình hình hoạt động hiện tại của khách hàng về MTXH.

- Xử lý các vấn đề MTXH phát sinh trong trường hợp khách hàng không tuân thủ cam kết, đồng thời đề xuất kế hoạch khắc phục với lộ trình rõ ràng.
 - Tổng hợp và lập báo cáo hoạt động MTXH hàng năm của TCTD, dựa trên thông tin từ báo cáo hoạt động hàng năm do các khách hàng cung cấp.
 - Đảm bảo rằng tất cả các thủ tục kiểm soát rủi ro MTXH được thực hiện với từng dự án.
 - Duy trì hồ sơ đánh giá MTXH chi tiết, bao gồm báo cáo thẩm định và giám sát định kỳ.

PHỤ LỤC 9. NHỮNG THỦ TỤC MÔI TRƯỜNG MÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ THỂ PHẢI THỰC HIỆN

QUY TRÌNH THỦ TỤC MÔI TRƯỜNG

1. Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) sơ bộ:

Áp dụng tại **giai đoạn đề xuất chủ trương đầu tư** đối với **Dự án thuộc** Nhóm I theo Phụ lục III, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Chỉ Dự án Nhóm I mới phải thực hiện ĐTM sơ bộ. Dự án thuộc Nhóm II, III và IV không phải thực hiện ĐTM sơ bộ.

1. ĐTM chi tiết :

Áp dụng cho:

- Tất cả Dự án thuộc nhóm I, và
- Một số Dự án thuộc Nhóm II, cụ thể là các Dự án nằm trong Mục II, III, và IV của Phụ lục IV, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

Tất cả Dự án Nhóm I và một số Dự án Nhóm II phải lập báo cáo ĐTM chi tiết. Phần còn lại của nhóm II và toàn bộ Nhóm III, IV chỉ cần thực hiện thủ tục Đăng ký môi trường hoặc lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường, không bắt buộc lập ĐTM chi tiết.

2. Trường hợp điều chỉnh Dự án sau khi được phê duyệt ĐTM:

Theo Điều 27 Nghị định 08/2022/NĐ-CP và sửa đổi bởi Nghị định 05/2025/NĐ-CP), áp dụng đối với toàn bộ Dự án Nhóm I, và những Dự án thuộc nhóm II thuộc đối tượng phải lập ĐTM, trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức, nếu có thay đổi như:

- Tăng quy mô/công suất **từ 30% trở lên** dẫn đến làm gia tăng tác động môi trường,
- Thay đổi công nghệ sản xuất hoặc công nghệ xử lý chất thải,
- Thay đổi địa điểm thực hiện Dự án hoặc vị trí xả thải ra môi trường tiếp nhận,

thì phải thực hiện:

- Lập lại ĐTM, hoặc
- Lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường điều chỉnh, tùy mức độ thay đổi.

3. Giấy phép môi trường (GPMT):

Theo Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 08/2022/NĐ-CP: các Dự án Nhóm I có thời hạn vận hành trên 7 năm, Dự án Nhóm II và III có thời hạn vận hành trên 10 năm, nếu phát sinh nước thải, bụi, khí thải hoặc chất thải nguy hại trên 100kg/tháng trong giai đoạn vận hành thì phải xin cấp GPMT. Tất cả các dự án Nhóm IV không phải làm GPMT.

4. Vận hành thử nghiệm:

Theo Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP (được giữ nguyên trong Nghị định 05/2025/NĐ-CP), Dự án có công trình xử lý chất thải như: hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý bụi, khí thải, hệ thống xử lý chất thải rắn và/ hoặc chất thải nguy hại phải thực hiện vận hành thử nghiệm trước khi đi vào hoạt động chính thức.

5. Quyết định điều chỉnh loại hoặc khối lượng chất thải nguy hại/phế liệu

Chỉ áp dụng với:

- Dự án xử lý chất thải nguy hại (XLCTNH), hoặc
- Dự án nhập khẩu phế liệu (NKPL) làm nguyên liệu sản xuất

Khi thay đổi loại hoặc khối lượng xử lý/nk vượt quá nội dung GPMT đã cấp, phải xin Quyết định điều chỉnh từ cơ quan có thẩm quyền.

6. Báo cáo công tác BVMT định kỳ hàng năm:

Theo Điều 119, Luật Bảo vệ môi trường, tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tùy theo quy mô phát thải và loại hình, có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm với cơ quan quản lý về:

- Kết quả thực hiện biện pháp BVMT,
- Kết quả quan trắc môi trường,
- Hoạt động vận hành hệ thống xử lý chất thải,
- Khối lượng phát sinh và xử lý chất thải nguy hại (nếu có).

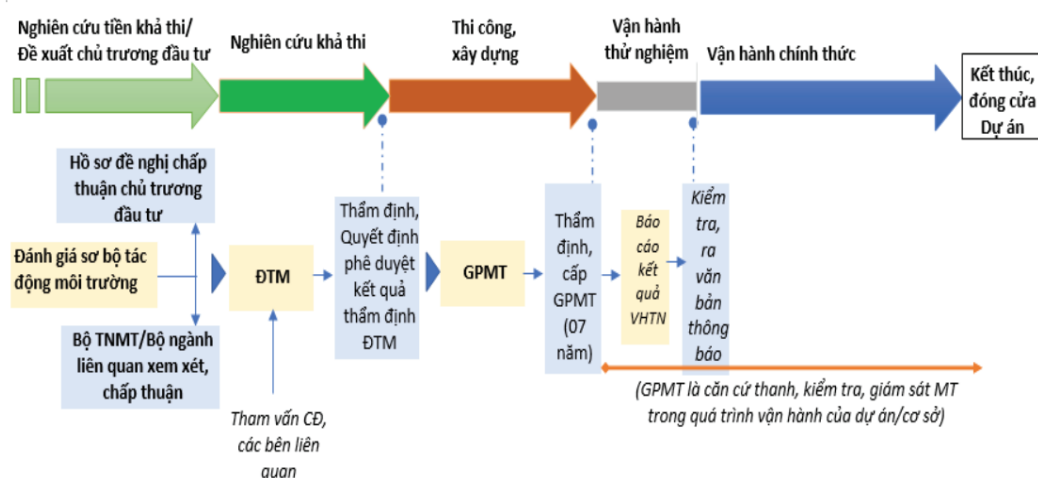
QUY TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG THEO CÁC GIAI ĐOẠN CỦA DỰ ÁN

(Nguồn: tài liệu đào tạo về các thủ tục môi trường dành cho các TCTD)

QUY TRÌNH QLMT DỰ ÁN NHÓM 1

(tất cả nhóm 1 phải ĐTM và 1 số Dự án có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc CTNH trong giai đoạn vận hành trên 100kg/tháng)

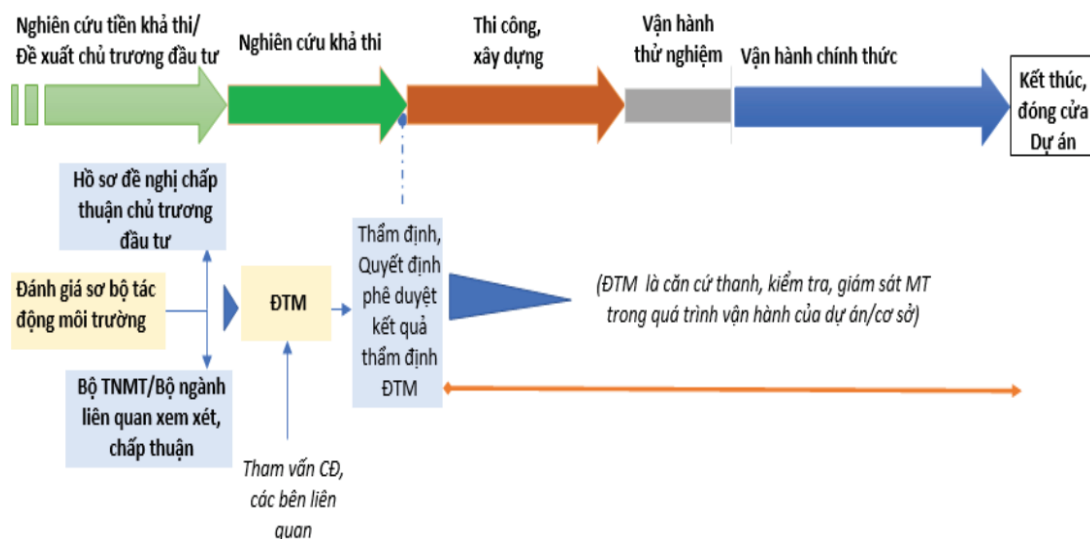
ĐTM + GPMT



QUY TRÌNH QLMT DỰ ÁN NHÓM 1

(tất cả nhóm 1 phải ĐTM nhưng có 1 số Dự án không phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc CTNH trong giai đoạn vận hành dưới 100kg/tháng như Dự án đường giao thông, đường dây truyền tải điện, tuyến cáp quang, ...)

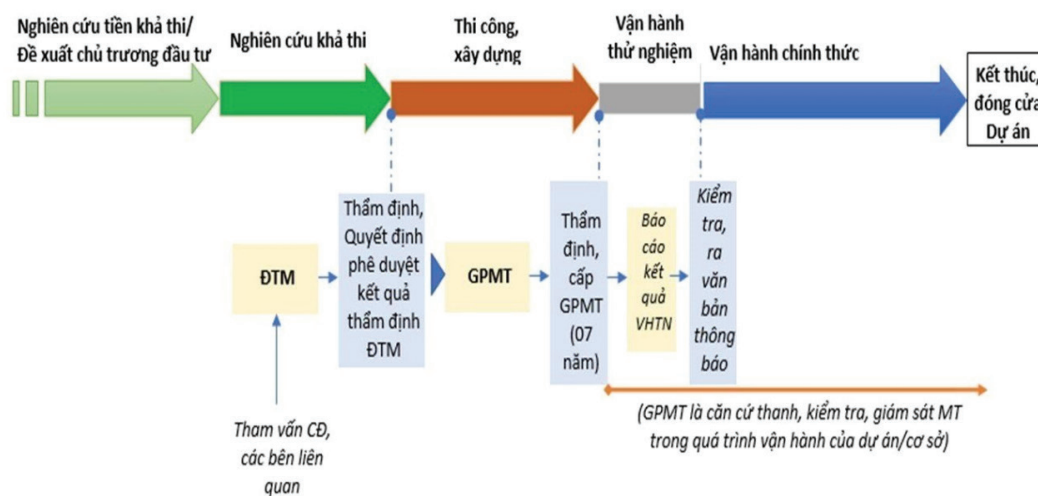
ĐTM



QUY TRÌNH QLMT DỰ ÁN NHÓM 2

(một số Dự án **phải ĐTM** và **có phát sinh** nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường **phải được xử lý** hoặc CTNH trong giai đoạn vận hành **trên 100kg/tháng**)

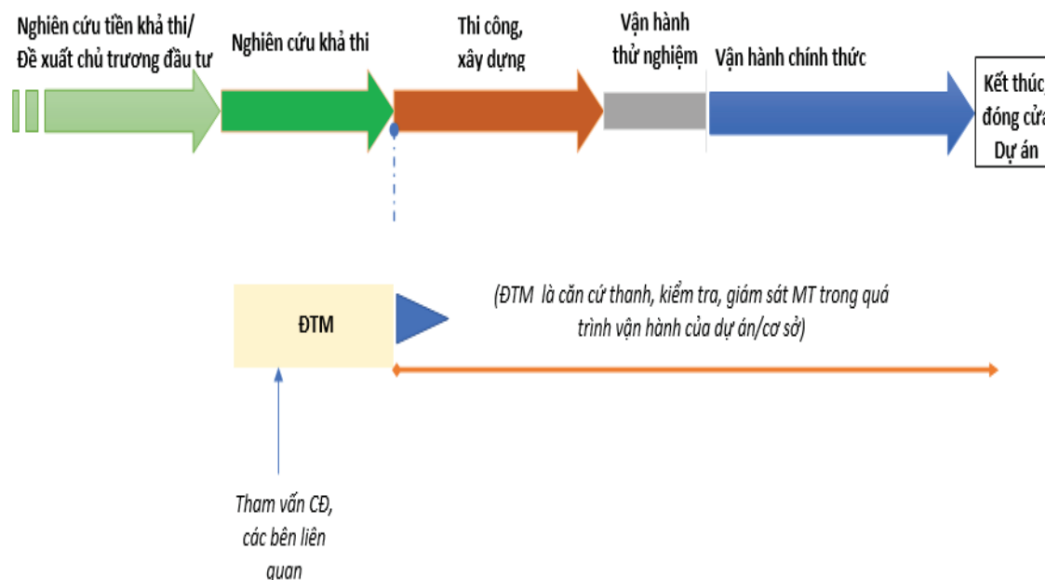
ĐTM + GPMT



QUY TRÌNH QLMT DỰ ÁN NHÓM 2

(một số Dự án **phải ĐTM** nhưng **không phát sinh** nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường **phải được xử lý** hoặc CTNH trong giai đoạn vận hành **dưới 100kg/tháng**)

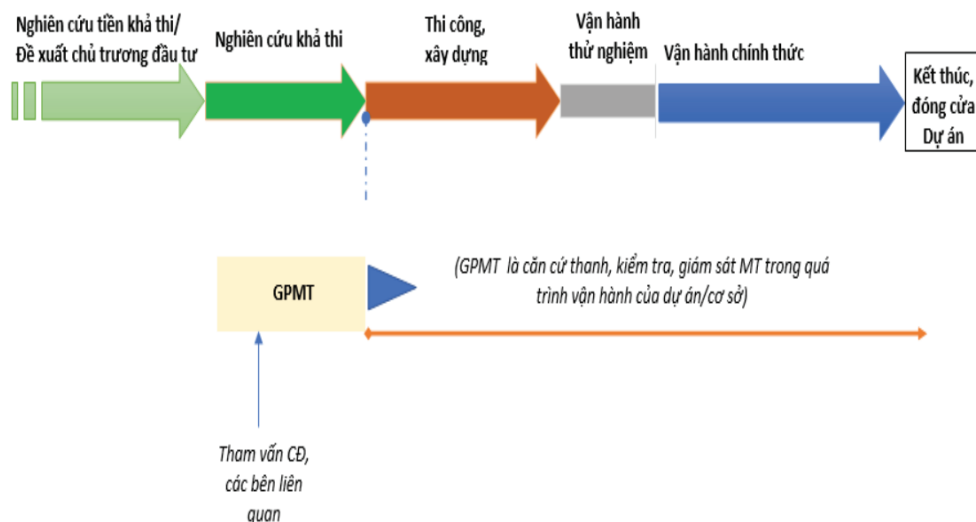
ĐTM



QUY TRÌNH QLMT DỰ ÁN NHÓM 2

(một số Dự án **không** phải ĐTM nhưng có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường **phải** được xử lý hoặc CTNH trong giai đoạn vận hành **trên** 100kg/tháng)

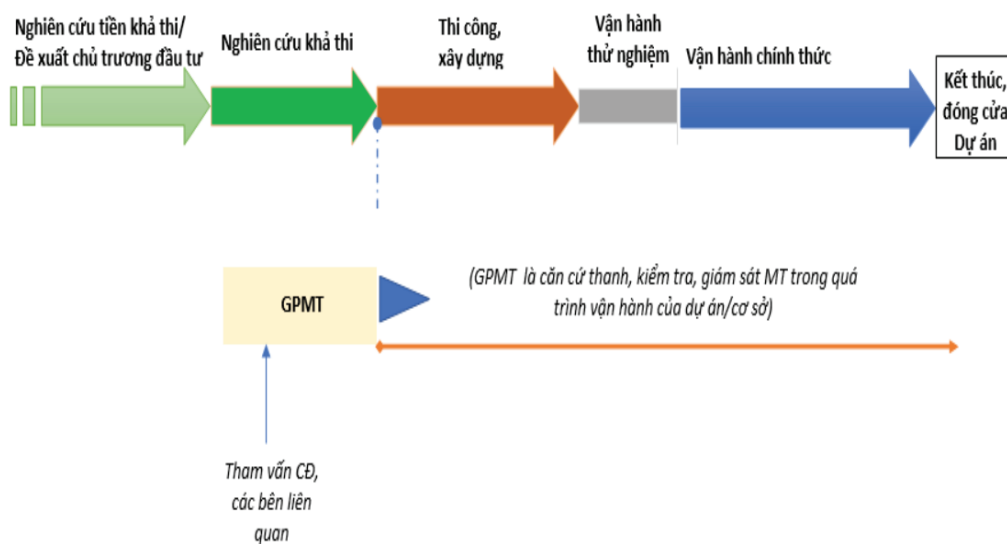
GPMT



QUY TRÌNH QLMT DỰ ÁN NHÓM 3

(tất cả nhóm 3 không phải ĐTM, **nếu** có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường **phải** được xử lý hoặc CTNH trong giai đoạn vận hành **trên** 100kg/tháng)

GPMT



PHỤ LỤC 10. BẢNG KIỂM TRA THẨM ĐỊNH THỰC ĐỊA THEO HƯỚNG DẪN EBRD

1. AN TOÀN

Những mối nguy hiểm/vấn đề nào (dù là thực tế hay tiềm ẩn) bạn có thể thấy tại hiện trường?

	Có	Không
Rơi từ trên cao		
Sự di chuyển của các phương tiện		
An toàn đường bộ		
Không gian hạn chế		
An toàn cháy nổ		
An toàn khai quật, đào xới		
Bình luận khác:		

Tài liệu

	Có	Không	Không liên quan
Có Chính sách Sức khỏe và An toàn không?			
Có bảng thông báo về Sức khỏe và An toàn với thông tin về người giám sát phòng cháy chữa cháy và nhân viên phụ trách sơ cứu không?			
Có các giấy phép làm việc cần thiết được cấp không?			
Có hồ sơ cho thấy thiết bị được kiểm tra và bảo trì định kỳ không?			
Có hồ sơ cho thấy đã cung cấp đào tạo cho những người thực hiện các hoạt động nguy hiểm không?			
Các nguồn tiềm ẩn gây cháy đã được xác định chưa?			
Bình luận:			

SỔ TAY HƯỚNG DẪN

Phòng tránh và giảm thiểu rủi ro

	Có	Không	Không liên quan
Khu vực có sạch sẽ, gọn gàng và không có nguy cơ vấp ngã?	☐	☐	☐
Các phương tiện và người đi bộ có được tách biệt?	☐	☐	☐
Kính chắn gió, gương và đèn xe có sạch sẽ và trong tình trạng hoạt động tốt?	☐	☐	☐
Có nhân viên hướng dẫn giúp đỡ tài xế không?	☐	☐	☐
Các vật liệu nguy hiểm và/hoặc dễ cháy có được lưu trữ an toàn?	☐	☐	☐
Việc phát thải các chất nguy hiểm có được kiểm soát tại nguồn? Có cung cấp thông gió đủ không?	☐	☐	☐
Các bên của hố đào có được rào chắn phù hợp? Các phương tiện và vật liệu nặng có được giữ xa khỏi mép hố không?			
☐			
☐			
☐			
Thang có được gắn chắc chắn ở đầu thang và chân thang không?	☐	☐	☐
Có lắp đặt lan can bảo vệ để ngăn ngừa ngã không?	☐	☐	☐
Công nhân có được giám sát không?	☐	☐	☐
Thiết bị phát hiện khí ga có được sử dụng để giám sát trong các không gian hạn chế không?	☐	☐	☐
Hố đào có được chiếu sáng phù hợp không?	☐	☐	☐
Hố đào có khô ráo và không có dịch vụ bị hư hỏng chạy qua không?	☐	☐	☐
Bình luận:			

Bảo vệ:

	Có	Không	Không liên quan
Các phương tiện bảo hộ (PPE) có sẵn và đang được sử dụng?	☐	☐	☐
Có biển báo thích hợp cho biết khi nào nên sử dụng PPE không?	☐	☐	☐
PPE đúng có được sử dụng ở những nơi cần thiết không? Ví dụ: dây an toàn với dây cáp đôi cho người làm việc ở độ cao; áo khoác sáng màu cho người làm việc gần xe cộ; thiết bị thở cho người làm việc trong không gian hạn chế.	☐	☐	☐
Thiết bị chữa cháy có sẵn trong khu vực làm việc không?	☐	☐	☐
Bình luận:			

2. SỨC KHỎE

Những mối nguy hiểm/vấn đề nào (dù là thực tế hay tiềm ẩn) bạn có thể thấy tại hiện trường?

	Có	Không
Vật lý (ví dụ: tiếng ồn, bụi, khói, amiăng, làm việc ướt, rung động, xử lý thủ công, v.v.)	☐	☐
Hóa chất	☐	☐
Sinh học	☐	☐
Phóng xạ	☐	☐
Tâm lý xã hội (tiếng ồn, ánh sáng, nhiệt độ, v.v.)	☐	☐
Khác/Bình luận:		

Tài liệu:

	Có	Không	Không liên quan
Đánh giá rủi ro có được thực hiện đối với việc xử lý hoặc tiếp xúc với các chất nguy hiểm không?	☐	☐	☐
Đánh giá tiếng ồn có được thực hiện và tiếng ồn có được giám sát trong khu vực làm việc không?	☐	☐	☐
Có bằng chứng về việc giám sát chất lượng không khí không?	☐	☐	☐
Có kế hoạch quản lý amiăng không?	☐	☐	☐
Có hồ sơ về việc thông báo cho các cơ quan chức năng có liên quan nếu sử dụng phóng xạ không?	☐	☐	☐
Có bằng chứng về việc thực hiện các đánh giá tiếng ồn không? ☐ ☐			☐
Khác/Bình luận:			

Phòng tránh và giảm thiểu rủi ro :

	Có	Không	Không liên quan
Môi trường làm việc nói chung có sạch sẽ không?	☐	☐	☐
Có đủ thông gió để ngăn chặn làm việc trong không khí đầy bụi hoặc khói không?	☐	☐	☐
Thiết bị gây ồn có được bao bọc hoặc có rào chắn âm thanh không?	☐	☐	☐
Có chụp hút trên các thiết bị cắt không?	☐	☐	☐

SỔ TAY HƯỚNG DẪN

	Có	Không	Không liên quan
Khu vực có vẻ không có amiăng không?	☐	☐	☐
Có các chỗ rửa tay để ngăn chặn việc tiếp xúc từ tay đến miệng/mắt không?	☐	☐	☐
Các chất có hại có được xử lý an toàn không?			
☐			
☐			
☐			
Các vật liệu nguy hiểm có được lưu trữ trong các thùng được dán nhãn khi sử dụng không?	☐	☐	☐
Khu vực có côn trùng và loài gặm nhấm không?	☐	☐	☐
Công nhân có đủ không gian và ánh sáng để làm việc không?	☐	☐	☐
Có đủ hệ thống sưởi ấm/làm mát cho môi trường trong nhà không?	☐	☐	☐
Khác/Bình luận:			

Bảo vệ:

	Có	Không	Không liên quan
PPE có được sử dụng để ngăn chặn tiếp xúc với các chất có hại qua da, mắt hoặc hệ hô hấp không? Ví dụ: găng tay, khẩu trang và kính bảo hộ.	☐	☐	☐
Bảo vệ tai có được sử dụng trong môi trường làm việc ồn ào không?	☐	☐	☐
Bảo vệ tay có được sử dụng khi có nguy cơ bị kim hoặc vật sắc nhọn không?	☐	☐	☐
Công nhân có được cung cấp quần áo ấm và chống ẩm ướt phù hợp không?	☐	☐	☐
Khác/Bình luận:			

3. MÔI TRƯỜNG

Những mối nguy hiểm/vấn đề nào (dù là thực tế hay tiềm ẩn) bạn có thể thấy tại hiện trường?

	Có	Không
Đất bị ô nhiễm	☐	☐
Nước thải	☐	☐
Phát thải khí	☐	☐
Quản lý chất thải	☐	☐
Đa dạng sinh học	☐	☐

	Có	Không
Khác/Bình luận:		

Tài liệu:

	Có	Không	Không liên quan
Có chính sách môi trường đầy đủ không?	☐	☐	☐
Có báo cáo chuyên gia về kiểm tra địa chất và lịch sử của khu vực từ góc độ ô nhiễm tiềm ẩn không?	☐	☐	☐
Có giấy phép xả thải/phát thải không? Bạn có thể xác nhận rằng mức phát thải không bị vượt quá mức cho phép không?	☐	☐	☐
Các hệ thống ngầm như bể chứa và hệ thống thoát nước, nếu có, có được kiểm tra thường xuyên không?	☐	☐	☐
Đã thực hiện đánh giá rủi ro môi trường chưa?	☐	☐	☐
Có giám sát môi trường sống và các loài sinh vật đã được chuyển vị trí không?			☐
☐			
☐			
Khác/Bình luận:			

Phòng tránh và giảm thiểu rủi ro :

	Có	Không	Không liên quan
Có bất kỳ ô nhiễm nào đã biết trước đây và hiện tại đối với đất hoặc nước ngầm liên quan đến khu vực này không, hoặc thông qua các hoạt động của công ty hoặc di cư từ các khu vực khác?	☐	☐	☐
Khu vực có không có dấu hiệu rò rỉ hoặc tràn quanh các bể chứa/khu vực và thiết bị xử lý không?	☐	☐	☐
Có khu vực nào bị vũng nước đọng hoặc nước tù không?	☐	☐	☐
Nước thải có được xả ra xa các dòng nước không?	☐	☐	☐
Nếu có phát thải khí đáng kể, có bằng chứng về việc xử lý các phát thải đó không?	☐	☐	☐
Đã có những nỗ lực để 'giảm thiểu, tái sử dụng hoặc tái chế' chất thải ngay từ đầu không?	☐	☐	☐
Có nơi lưu trữ chất thải tại chỗ đầy đủ không? Khu vực có sạch sẽ và không có chất thải không?			
☐			
☐			
☐			

	Có	Không	Không liên quan
Khác/Bình luận:			

Bảo vệ:

	Có	Không	Không liên quan
Có bảo vệ đầy đủ, chẳng hạn như chứa thứ cấp, xung quanh các bể chứa không?	☐	☐	☐
Các vật liệu nguy hiểm có được lưu trữ an toàn - ví dụ: trong lồng khóa, và tránh xa các thiết bị tiềm ẩn do va chạm xe cộ không?	☐	☐	☐
Khác/Bình luận:			

4. LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN CON NGƯỜI

Những mối nguy hiểm/vấn đề nào (dù là thực tế hay tiềm ẩn) bạn có thể xác định từ chuyến thăm của bạn?

	Có	Không
Lao động di cư	☐	☐
Điều kiện làm việc kém	☐	☐
Lao động trẻ em	☐	☐
Lao động cưỡng bức	☐	☐
Khác/Bình luận:		

Tài liệu:

	Có	Không	Không liên quan
Các công nhân di cư có giấy phép lao động hợp lệ không?	☐	☐	☐
Các hợp đồng lao động có cho thấy giờ làm việc, giờ nghỉ và thời gian nghỉ phép đều tuân theo quy định địa phương không?	☐	☐	☐
Ban quản lý có thể xác nhận rằng nhân viên được trả lương và không làm việc dưới các nghĩa vụ nợ không?	☐	☐	☐
Ban quản lý có thể cung cấp bằng chứng để xác nhận độ tuổi của lực lượng lao động không?	☐	☐	☐
Khác/Bình luận:			

Phòng tránh và giảm thiểu rủi ro :

	Có	Không	Không liên quan
Công nhân có được cung cấp nơi làm việc an toàn và hợp vệ sinh không?	☐	☐	☐

	Có	Không	Không liên quan
Công nhân có vẻ có thể rời khỏi khu vực theo ý muốn của họ không? Hãy chú ý đến chỗ ở tại chỗ hoặc công nhân được đưa từ nơi khác đến.	☐	☐	☐
Chỗ ở cho công nhân có sạch sẽ và chất lượng không?	☐	☐	☐
Tất cả công nhân có vẻ trên độ tuổi lao động hợp pháp không?	☐	☐	☐
Khác/Bình luận:			

5. CỘNG ĐỒNG

Những vấn đề nào có (hoặc có thể có) ảnh hưởng đến cộng đồng địa phương?

	Có	Không
An toàn – Các hoạt động của cơ sở có ám chỉ về sự không an toàn cho cộng đồng không? Có một vụ nổ hoặc sự cố tương tự tại khu vực có thể ảnh hưởng đến cộng đồng không?	☐	☐
Môi trường – Các hoạt động của cơ sở có ảnh hưởng đến môi trường địa phương không?	☐	☐
Phiền toái – Có sự tác động nào đối với cộng đồng không (ví dụ: tiếng ồn, mùi hôi, chuyển động của xe cộ)?	☐	☐
Nhân viên an ninh – Họ có gây ra rủi ro cho cộng đồng không?	☐	☐
Khác/Bình luận:		

Tài liệu:

	Có	Không	Không liên quan
Có chính sách nào liên quan đến mối quan hệ cộng đồng/các bên liên quan hoặc đầu tư cộng đồng không?	☐	☐	☐
Có chính sách bảo hiểm trách nhiệm ²⁸ thích hợp không?	☐	☐	☐
Ban quản lý có thể cung cấp tài liệu cho thấy nhân viên an ninh đã được kiểm tra về việc liên quan đến lạm dụng trong quá khứ và đã được đào tạo về cách tương tác với cộng đồng không?	☐	☐	☐
Có hướng dẫn bằng văn bản nào việc ghi lại bằng văn bản các khiếu nại không?	☐	☐	☐
Công ty đã thực hiện nghiên cứu để đánh giá tác động có thể xảy ra của vụ nổ, rò rỉ khí, v.v. nếu có liên quan không?			☐
☐			
☐			
Khác/Bình luận:			

28 Bảo hiểm này nhằm bảo vệ công ty khỏi các yêu cầu bồi thường từ bên thứ ba do các sự cố hoặc tai nạn xảy ra tại địa điểm đó. Mục đích nhằm i) Đảm bảo công ty không phải chịu trách nhiệm pháp lý quá lớn trong trường hợp có sự cố gây hại cho cộng đồng hoặc tài sản công cộng; ii) Giảm thiểu rủi ro tài chính bằng cách có bảo hiểm chi trả cho các yêu cầu bồi thường; và iii) Đảm bảo công ty tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn an toàn, bảo vệ quyền lợi của bên thứ ba.

Phòng tránh và giảm thiểu rủi ro :

	Có	Không	Không liên quan
Công chúng có bị hạn chế việc tiếp cận cơ sở và thiết bị không?	☐	☐	☐
Nếu các hoạt động tại khu vực có thể tạo ra nguy cơ cháy/nổ/lụt, rủi ro này có được kiểm soát không? Bằng cách nào?	☐	☐	☐
Có quy định về chứa nước chứa cháy không?	☐	☐	☐
Các sự cố tràn và rò rỉ có thể ảnh hưởng đến cộng đồng đã được ngăn chặn chưa?	☐	☐	☐
Chuyển động và thời gian hoạt động của phương tiện có phù hợp với cộng đồng địa phương không?	☐	☐	☐
Khu vực có mùi mạnh hoặc tiếng ồn/bụi đáng kể có thể ảnh hưởng đến cộng đồng địa phương không? ☐ ☐ ☐			
Khu vực có nằm xa khu dân cư không?	☐	☐	☐
Ban quản lý có thể xác nhận rằng có mối quan hệ tốt với cộng đồng địa phương không?	☐	☐	☐
Khác/Bình luận:			

➤ Tham khảo bản hướng dẫn tiếng Anh: <https://www.ebrd.com/downloads/about/sustainability/14-site-visit.pdf>

PHỤ LỤC 11. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU – DỊCH VỤ TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ MTXH

ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU CỦA TƯ VẤN – THẨM ĐỊNH VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

[Biểu mẫu này có thể được sử dụng làm hướng dẫn để phát triển Điều Khoản Tham Chiếu (ToR) cho Tư vấn/chuyên gia để thực hiện đánh giá MTXH cho các khoản đầu tư tiềm năng của TCTD, cũng như giám sát liên tục danh mục đầu tư.]

GIỚI THIỆU

Mục đích của Điều Khoản Tham Chiếu này là đảm bảo rằng Tư vấn/chuyên gia thực hiện đánh giá môi trường và xã hội cho một giao dịch tiềm năng, và sau đó là đánh giá và giám sát liên tục các dự án danh mục đầu tư theo các chính sách và quy trình quản lý môi trường và xã hội của TCTD.

Đây là chính sách của [TÊN TỔ CHỨC] rằng *[cung cấp một tuyên bố tóm tắt về Chính sách MTXH, bao gồm tham chiếu đến việc tất cả các dự án mà TCTD đầu tư sẽ tuân thủ tất cả các luật và quy định MTXH áp dụng của quốc gia, địa phương nơi dự án được đặt và vận hành. Ngoài ra, cần phải chỉ rõ rằng sẽ tìm cách đảm bảo rằng các dự án này được vận hành theo cách nhất quán với các Tiêu chuẩn hoạt động môi trường và xã hội của IFC. Tám tiêu chuẩn này thiết lập các yêu cầu rõ ràng đối với hiệu suất và kết quả dự án của nhà đầu tư. Việc xem xét của TCTD đối với một khoản đầu tư tiềm năng liên quan đến các Tiêu chuẩn hoạt động của IFC sẽ xác định phạm vi các điều kiện MTXH của việc tài trợ của TCTD.]*

YÊU CẦU ĐỐI VỚI TƯ VẤN/CHUYÊN GIA

Tư vấn/chuyên gia phải có kinh nghiệm đáng kể trong việc đánh giá MTXH của các dự án nằm ở [...], đặc biệt tập trung vào hỗ trợ các hoạt động tài trợ dự án. Tư vấn/chuyên gia phải thông thạo về các chính sách và quy trình quản lý môi trường và xã hội của TCTD, bao gồm các Tiêu chuẩn hoạt động của IFC.

PHẠM VI CÔNG VIỆC

Tư vấn/chuyên gia sẽ thực hiện đánh giá MTXH cho một dự án tiềm năng, cũng như giám sát liên tục hiệu suất MTXH của danh mục dự án phù hợp với các chính sách và quy trình của TCTD. Đối với đánh giá dự án mới, các nhiệm vụ bao gồm:

1. **Đánh giá sơ bộ.** Xem xét tất cả các thông tin và tài liệu có sẵn liên quan đến các tác động và rủi ro môi trường và xã hội của dự án. Chuẩn bị danh sách các thông tin bổ sung và/hoặc các câu hỏi cần thiết để tiếp tục đánh giá.
2. **Thẩm định thực địa.** Thực hiện kiểm tra thực địa, xem xét các hồ sơ dựa trên thực tế, và phỏng vấn các nhân viên chủ chốt, bao gồm cả nhân viên tài trợ và các bên liên quan (quan chức, lãnh đạo cộng đồng, nhà cung cấp, và khách hàng).
3. **Phân tích các yếu tố MTXH và các hành động khắc phục cần thiết.** Phân tích hiệu suất môi trường và xã hội của dự án liên quan đến chính sách MTXH của TCTD, bao gồm các Tiêu chuẩn hoạt động của IFC. Xác định các khoảng cách này và các hành động khắc phục tương ứng. Sắp xếp các ưu tiên và đề xuất lịch trình thực hiện khả thi.

4. **Tài liệu thẩm định.** Chuẩn bị một báo cáo tóm tắt kết quả thẩm định MTXH (ESDD). Báo cáo ESDD phải bao gồm một tóm tắt các tác động và rủi ro liên quan đến dự án, bao gồm các khoảng cách liên quan đến hiệu suất và các hành động khắc phục cần thiết.

Đối với giám sát các dự án trong danh mục đầu tư của TCTD, các nhiệm vụ bao gồm:

1. **Xem xét báo cáo giám sát.** Xem xét tài liệu định kỳ được đệ trình bởi nhà tài trợ dự án liên quan đến việc thực hiện bất kỳ hành động khắc phục nào đã được bao gồm như điều kiện đầu tư, cũng như hiệu suất môi trường và xã hội tổng thể. Cũng xem xét thông tin do nhà tài trợ đệ trình liên quan đến các sự cố hoặc tử vong. Xác định bất kỳ hành động khắc phục nào cần thiết tiếp theo.
2. **Thăm quan cơ sở và đánh giá kỹ hơn (tùy chọn).** Khi có yêu cầu, thực hiện thăm quan thực địa để xác nhận hiệu suất MTXH và/hoặc điều tra các sự cố. Xác định bất kỳ hành động khắc phục nào cần thiết tiếp theo.
3. **Tài liệu giám sát.** Chuẩn bị một báo cáo tóm tắt các phát hiện của hoạt động giám sát.

LỊCH TRÌNH

Tư vấn/chuyên gia sẽ nộp bản dự thảo [Báo cáo Thẩm định/Giám sát] vào [ngày]. Báo cáo cuối cùng sẽ được nộp trong vòng 2 tuần sau khi nhận được nhận xét, phản hồi từ TCTD về bản dự thảo. Tất cả các báo cáo sẽ được viết và chuẩn bị bằng tiếng [...] và được bàn giao dưới dạng điện tử và bản in.

- Tham khảo bản gốc bằng tiếng anh: [*ESMS Consultant Terms of Reference 1.pdf \(firstforsustainability.org\)*](#)

PHỤ LỤC 12. MẪU BIÊN BẢN VÀ DANH SÁCH KIỂM TRA VỀ MTXH CHO ỦY BAN TÍN DỤNG (THEO CDC GROUP)

Thông tin về Giao dịch	
Tên khách hàng và thông tin cơ bản	
Tóm tắt dự án	
Phân loại rủi ro MTXH	Kết quả phân loại rủi ro MTXH [Phân loại Cao (A), Trung bình (B) hoặc Thấp (C), bao gồm tóm tắt lý do phân loại đã chọn. Ghi chú nếu có thay đổi phân loại sau khi hoàn thành thẩm định MTXH (ESDD).
Sự phù hợp chiến lược	Giao dịch phù hợp với chiến lược/chính sách tín dụng của Ngân hàng như thế nào
Tóm tắt kết quả Thẩm định MTXH	
Thẩm định MTXH	- Nhóm thực hiện thẩm định. - Nhóm tái thẩm định.
Các tiêu chuẩn MTXH áp dụng	Liệt kê các tiêu chuẩn MTXH áp dụng (ví dụ: Tiêu chuẩn Hoạt động MTXH của IFC, pháp luật địa phương và quốc gia, hoặc các cam kết với các nhà đầu tư khác).
Phương pháp thẩm định MTXH	Bao gồm một hoặc nhiều phương pháp sau: Xem xét tài liệu: Dựa trên tài liệu do khách hàng cung cấp và thông tin công khai về MTXH của dự án/công ty. Tìm kiếm trực tuyến: Tìm kiếm thông tin về các vi phạm pháp luật, tiền phạt, kiện tụng, truyền thông tiêu cực hoặc khiếu nại từ các bên liên quan để đánh giá việc quản lý MTXH của khách hàng. Kiểm tra tuân thủ pháp luật: Đảm bảo khách hàng tuân thủ các quy định pháp luật như môi trường, an toàn lao động, giấy phép hoạt động và các tiêu chuẩn liên quan. Thảo luận với khách hàng: Đánh giá cam kết, trách nhiệm và năng lực của khách hàng trong việc quản lý các vấn đề MTXH liên quan đến dự án. Khảo sát thực địa: Thăm cơ sở/dự án của khách hàng để quan sát trực tiếp các vấn đề MTXH liên quan đến hoạt động hàng ngày. Điều này cung cấp góc nhìn sâu hơn về các rủi ro MTXH tiềm ẩn.

PHỤ LỤC 13. BẢNG KIỂM TRA GIÁM SÁT MTXH SAU CẤP TÍN DỤNG (THEO IFC)

Số TT	Câu hỏi/Vấn đề cần kiểm tra	Phản hồi
Thông tin tóm tắt dự án		
1	Giai đoạn báo cáo được giám sát bởi báo cáo này	
2	Cụ thể về giai đoạn dự án (thiết kế, xây dựng, vận hành hoặc giai đoạn kết thúc)	
3	Các phát triển chính và bất kỳ thay đổi lớn nào trong địa điểm và thiết kế dự án, nếu có từ thời điểm giải ngân khoản vay hoặc từ kỳ giám sát trước đó	
Thông tin chung		
4	Tình trạng thực hiện các cam kết/kế hoạch hành động khắc phục, có tuân thủ thời gian thỏa thuận không? (tức là, nếu tất cả các cam kết đã được thực hiện đầy đủ hoặc thực hiện một phần hoặc không được thực hiện hoặc thực hiện chậm). Nếu thực hiện một phần hoặc không thực hiện hoặc thực hiện chậm, vui lòng đề cập lý do trong cột phản hồi cùng với thời gian hoàn thành việc thực hiện cam kết mà khách hàng cam kết trong quá trình giám sát.	
Quản lý môi trường, sức khỏe và an toàn		
5	Có bất kỳ sự cố tai nạn, tràn đổ, rò rỉ, nổ hoặc sự cố nào khác trong kỳ báo cáo không? Nếu có, mức độ thiệt hại là bao nhiêu (ví dụ: có thiệt hại về người, tổn thất tài chính, v.v.)? Hành động phản ứng với sự cố là gì?	
6	Có bất kỳ hình phạt hoặc phạt nào gần đây do cơ quan quản lý ban hành không? Nếu có, vui lòng nêu rõ loại vi phạm, số tiền phạt đã trả, hành động của khách hàng để giải quyết vấn đề và tránh những hình phạt/phạt tương tự trong tương lai.	
7	Có bất kỳ sự cố sức khỏe và an toàn nào đã xảy ra không? Nếu có, mức độ chấn thương là gì - nhẹ, trung bình hoặc nghiêm trọng? Hành động phản ứng với sự cố là gì?	
8	Có bất kỳ rủi ro môi trường và xã hội mới hoặc các tác động bất lợi được quan sát do hoạt động của khách hàng không? Vui lòng nêu rõ loại rủi ro môi trường và xã hội mới, lý do cho những rủi ro mới này, biện pháp giảm thiểu do khách hàng thực hiện để giải quyết các rủi ro môi trường và xã hội.	
Giấy phép và chứng nhận tuân thủ		
9	Tất cả các giấy phép, giấy chứng nhận cần thiết đều có hiệu lực? Vui lòng ghi lại ngày cấp và thời hạn hiệu lực của tất cả các giấy phép, giấy chứng nhận và chứng nhận tuân thủ đó.	

Số TT	Câu hỏi/Vấn đề cần kiểm tra	Phản hồi
Hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế		
10	Các hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế khác (ví dụ: ISO 14000, OHSAS 18001, SA8000) được khách hàng tuân thủ và nếu họ có chứng nhận hợp lệ cho các hệ thống quản lý đó không?	
Giải quyết khiếu nại		
11	Có bất kỳ khiếu nại, phản đối hoặc phản ứng nào gần đây từ các cộng đồng địa phương không? Nếu có, vui lòng chỉ rõ bản chất của các khiếu nại; hành động do khách hàng thực hiện để giải quyết các khiếu nại và nếu có bất kỳ vấn đề tổn động và biện pháp đề xuất của khách hàng để giải quyết chúng.	
12	Có mối quan ngại nào được nêu trong quá trình tham vấn với các bên liên quan do khách hàng thực hiện trong kỳ báo cáo không? Nếu có, cách tiếp cận của khách hàng để giải quyết những mối quan ngại đó là gì?	
Thông tin khác		
13	Bất kỳ thông tin nào khác liên quan đến các vấn đề môi trường, phương pháp quản lý, cộng đồng, phương tiện truyền thông hoặc báo cáo của các tổ chức phi chính phủ cần được đề cập không? Nếu có bất kỳ sáng kiến thân thiện với môi trường nào, thiết bị tiết kiệm năng lượng v.v. có thể liên quan đến TCTD.	

PHỤ LỤC 14. YÊU CẦU THÔNG TIN MTXH THEO THÔNG TƯ 96/2020/TT-BTC VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Quy định về công bố thông tin MTXH đối với các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán (Thông tư số 96/2020/TT-BTC): Phụ lục IV về Mẫu báo cáo thường niên, Mục 6 về Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

PHỤ LỤC 15. TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ LIÊN QUAN ĐẾN KIỂM KÊ VÀ BÁO CÁO KNK

1. ISO 14064-1:2018 (Phát thải và loại bỏ KNK – cấp độ doanh nghiệp)
2. ISO 14064-2:2019 (Phát thải và loại bỏ KNK – cấp độ dự án)
3. ISO 14064-3: 2019 (Xác nhận và thẩm định các tuyên bố về KNK)
4. ISO 14065:2020 (Nguyên tắc chung và yêu cầu đối với các cơ quan thẩm định thông tin môi trường)
5. Tiêu chuẩn báo cáo và kế toán doanh nghiệp theo Nghị định thư về KNK (The GHG Protocol Corporate Accounting and Reporting Standard): cung cấp yêu cầu chi tiết và hướng dẫn cho doanh nghiệp và các tổ chức khác chuẩn bị kiểm kê phát thải khí nhà kính ở cấp doanh nghiệp.
6. Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) là điều ước quốc tế về môi trường nhằm mục tiêu giảm thiểu tác động của con người tới hệ thống khí hậu toàn cầu, bao gồm việc ổn định nồng độ khí nhà kính trong bầu khí quyển. Tham khảo các tiêu chuẩn/chương trình của UNFCCC (cấp dự án và cấp quốc gia)
7. Ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC) (<https://www.ipcc.ch/>) là cơ quan thuộc Liên hợp quốc có trách nhiệm cung cấp thông tin, cơ sở khoa học về biến đổi khí hậu do con người gây ra, các tác động của biến đổi khí hậu tới tự nhiên, chính trị, kinh tế và các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. Tham khảo Báo cáo đánh giá lần thứ 6 của IPCC về biến đổi khí hậu.
8. PCAF (Partnership for Carbon Accounting Financials) là một sáng kiến của ngành tài chính, được thành lập vào năm 2015 bởi các tổ chức tài chính Hà Lan, mở rộng sang Bắc Mỹ vào năm 2018 và mở rộng quy mô toàn cầu vào năm 2019. PCAF giúp các tổ chức tài chính đánh giá và báo cáo KNK từ các khoản vay và đầu tư của họ thông qua hạch toán KNK (GHG Accounting).
9. Task Force on Climate-Related Financial Disclosures (TCFD) do Ủy ban Ổn định tài chính (Financial Stability Board) thành lập để cải thiện và tăng cường báo cáo tài chính liên quan đến khí hậu. Cụ thể, đó là một tổ công tác gồm 32 thành viên từ các nước thành viên G20, đại diện cho cả tổ chức lập báo cáo và tổ chức sử dụng báo cáo, xây dựng các khuyến nghị cho công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu hiệu quả hơn.
10. Sáng kiến Vượt trên Bảng cân đối tài sản của IFC: Tham khảo <https://www.ifcbeyondthebalancesheet.org/about-the-toolkit>
11. Hướng dẫn Kỹ thuật cho các Tổ chức Tài chính — Đánh giá Phát thải Khí Nhà kính. Tham khảo: https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/topics_ext_content/ifc_external_corporate_site/sustainability-at-ifc/publications/publications_technicalguidance-ghg

Sổ tay Hướng dẫn này do **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) phối hợp với và Tổng cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO)** xây dựng nhằm hỗ trợ tổ chức tín dụng trong việc tích hợp quản lý rủi ro MTXH vào hoạt động cấp tín dụng.

Sổ tay mang tính chất hướng dẫn, tham chiếu theo các quy định pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế, đồng thời tạo cơ sở chung giúp các TCTD xây dựng quy trình đánh giá và quản lý rủi ro MTXH phù hợp với chiến lược hoạt động của từng ngân hàng.

NHNN và IFC khuyến khích các bên liên quan đóng góp ý kiến để Sổ tay được cập nhật và hoàn thiện theo thực tiễn.

Cách gửi góp ý và phản hồi: Các ý kiến đóng góp, đề xuất điều chỉnh hoặc bổ sung nội dung Sổ tay có thể được gửi đến: Phòng Tín dụng chính sách Nhà nước và Chương trình Tích hợp ESG của IFC.

 **Email:** td5_vtd@sbv.gov.vn và nhuong@ifc.org

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

49 Lý Thái Tổ, Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: (84 - 243) 936 6306 - Website: www.sbv.gov.vn